

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
VIỆT NAM

Số: 152/2024/TB-VPA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 01/11/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 01/11/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 01/11/2024: Trước 16h30' ngày 29/10/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 29/10/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



Lâm Thị Mai Anh



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 01/11/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 29/10/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	51N-024.68	Hồ Chí Minh	1601	43A-969.69	Đà Nẵng	3201	86A-333.33	Bình Thuận
2	72A-868.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	1602	51L-989.99	Hồ Chí Minh	3202	24C-166.66	Lào Cai
3	99A-889.88	Bắc Ninh	1603	98A-899.98	Bắc Giang	3203	51L-988.89	Hồ Chí Minh
4	14K-035.55	Quảng Ninh	1604	11C-089.99	Cao Bằng	3204	12C-144.44	Lạng Sơn
5	28D-012.34	Hòa Bình	1605	15K-488.66	Hải Phòng	3205	14A-990.99	Quảng Ninh
6	29K-397.79	Hà Nội	1606	21A-222.24	Yên Bái	3206	14K-034.56	Quảng Ninh
7	30M-197.77	Hà Nội	1607	29K-389.99	Hà Nội	3207	15K-444.40	Hải Phòng
8	30M-216.66	Hà Nội	1608	29K-456.79	Hà Nội	3208	15K-506.66	Hải Phòng
9	30M-415.55	Hà Nội	1609	30M-318.88	Hà Nội	3209	29K-444.46	Hà Nội
10	36C-555.50	Thanh Hóa	1610	34B-044.44	Hải Dương	3210	30M-115.55	Hà Nội
11	36D-033.33	Thanh Hóa	1611	36C-559.99	Thanh Hóa	3211	30M-299.96	Hà Nội
12	43A-978.89	Đà Nẵng	1612	37K-528.88	Nghệ An	3212	34C-444.46	Hải Dương
13	43A-978.99	Đà Nẵng	1613	37K-555.59	Nghệ An	3213	35A-466.86	Ninh Bình
14	51M-055.50	Hồ Chí Minh	1614	43A-977.97	Đà Nẵng	3214	38C-248.88	Hà Tĩnh
15	51M-068.79	Hồ Chí Minh	1615	51L-933.99	Hồ Chí Minh	3215	51L-918.88	Hồ Chí Minh
16	51M-296.66	Hồ Chí Minh	1616	51M-086.66	Hồ Chí Minh	3216	51N-000.09	Hồ Chí Minh
17	51M-299.79	Hồ Chí Minh	1617	51M-125.55	Hồ Chí Minh	3217	51N-008.88	Hồ Chí Minh
18	51N-044.44	Hồ Chí Minh	1618	51M-216.66	Hồ Chí Minh	3218	51N-097.77	Hồ Chí Minh
19	51N-088.68	Hồ Chí Minh	1619	60C-776.66	Đồng Nai	3219	60C-789.89	Đồng Nai
20	51N-116.66	Hồ Chí Minh	1620	60C-777.71	Đồng Nai	3220	61K-536.66	Bình Dương
21	60K-649.99	Đồng Nai	1621	67D-011.11	An Giang	3221	61K-555.68	Bình Dương
22	61K-567.77	Bình Dương	1622	75D-012.34	Thừa Thiên Huế	3222	64A-206.66	Vĩnh Long
23	63B-033.33	Tiền Giang	1623	86A-334.56	Bình Thuận	3223	71A-222.24	Bến Tre
24	67A-333.30	An Giang	1624	97A-100.00	Bắc Kạn	3224	88A-797.97	Vĩnh Phúc
25	74A-278.88	Quảng Trị	1625	98A-888.79	Bắc Giang	3225	92A-398.88	Quảng Nam
26	77C-266.68	Bình Định	1626	98A-897.77	Bắc Giang	3226	92B-039.79	Quảng Nam
27	89A-555.53	Hung Yên	1627	99A-869.66	Bắc Ninh	3227	98A-889.86	Bắc Giang
28	98A-888.83	Bắc Giang	1628	99C-339.79	Bắc Ninh	3228	98A-899.79	Bắc Giang
29	19A-638.89	Phú Thọ	1629	14A-995.55	Quảng Ninh	3229	14A-995.95	Quảng Ninh
30	29B-660.66	Hà Nội	1630	15K-382.39	Hải Phòng	3230	15K-436.58	Hải Phòng
31	30L-686.90	Hà Nội	1631	15K-483.79	Hải Phòng	3231	20A-866.65	Thái Nguyên
32	30M-225.12	Hà Nội	1632	19A-589.68	Phú Thọ	3232	26A-191.91	Sơn La
33	30M-256.85	Hà Nội	1633	21A-193.99	Yên Bái	3233	30K-770.88	Hà Nội
34	34A-792.66	Hải Dương	1634	21A-222.99	Yên Bái	3234	30L-385.79	Hà Nội
35	35C-179.79	Ninh Bình	1635	30M-111.19	Hà Nội	3235	30M-099.89	Hà Nội
36	36C-566.96	Thanh Hóa	1636	30M-155.66	Hà Nội	3236	30M-235.35	Hà Nội
37	36K-283.86	Thanh Hóa	1637	30M-182.85	Hà Nội	3237	30M-398.79	Hà Nội
38	37K-559.89	Nghệ An	1638	37K-295.59	Nghệ An	3238	34A-839.86	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	51L-998.83	Hồ Chí Minh	1639	51L-468.38	Hồ Chí Minh	3239	37C-567.83	Nghệ An
40	51N-113.13	Hồ Chí Minh	1640	51L-884.99	Hồ Chí Minh	3240	37K-525.99	Nghệ An
41	51N-129.29	Hồ Chí Minh	1641	51L-911.99	Hồ Chí Minh	3241	38A-688.38	Hà Tĩnh
42	64A-191.91	Vĩnh Long	1642	51L-987.89	Hồ Chí Minh	3242	38A-696.65	Hà Tĩnh
43	74A-282.88	Quảng Trị	1643	68A-355.77	Kiên Giang	3243	61K-555.79	Bình Dương
44	75A-388.98	Thừa Thiên Huế	1644	74A-226.99	Quảng Trị	3244	72A-773.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
45	77A-366.96	Bình Định	1645	77A-366.68	Bình Định	3245	79C-227.79	Khánh Hòa
46	88A-799.95	Vĩnh Phúc	1646	78A-192.79	Phú Yên	3246	94A-107.79	Bạc Liêu
47	93A-522.99	Bình Phước	1647	83A-198.99	Sóc Trăng	3247	98A-898.96	Bắc Giang
48	99A-856.56	Bắc Ninh	1648	98A-866.83	Bắc Giang	3248	99A-886.99	Bắc Ninh
49	30M-031.99	Hà Nội	1649	30M-033.44	Hà Nội	3249	30M-055.66	Hà Nội
50	30M-036.99	Hà Nội	1650	30M-042.77	Hà Nội	3250	30M-058.05	Hà Nội
51	30M-040.55	Hà Nội	1651	30M-045.99	Hà Nội	3251	30M-058.99	Hà Nội
52	30M-061.99	Hà Nội	1652	30M-050.39	Hà Nội	3252	30M-063.86	Hà Nội
53	30M-072.44	Hà Nội	1653	30M-053.69	Hà Nội	3253	30M-064.00	Hà Nội
54	30M-072.99	Hà Nội	1654	30M-053.79	Hà Nội	3254	30M-065.06	Hà Nội
55	30M-089.80	Hà Nội	1655	30M-054.54	Hà Nội	3255	30M-073.73	Hà Nội
56	30M-093.89	Hà Nội	1656	30M-057.88	Hà Nội	3256	30M-074.75	Hà Nội
57	30M-093.94	Hà Nội	1657	30M-062.06	Hà Nội	3257	30M-083.55	Hà Nội
58	30M-118.77	Hà Nội	1658	30M-066.33	Hà Nội	3258	30M-096.99	Hà Nội
59	30M-123.21	Hà Nội	1659	30M-068.33	Hà Nội	3259	30M-098.44	Hà Nội
60	30M-128.22	Hà Nội	1660	30M-072.11	Hà Nội	3260	30M-099.22	Hà Nội
61	30M-134.99	Hà Nội	1661	30M-073.74	Hà Nội	3261	30M-104.99	Hà Nội
62	30M-138.22	Hà Nội	1662	30M-078.33	Hà Nội	3262	30M-105.00	Hà Nội
63	30M-140.89	Hà Nội	1663	30M-080.86	Hà Nội	3263	30M-113.69	Hà Nội
64	30M-145.86	Hà Nội	1664	30M-083.08	Hà Nội	3264	30M-119.66	Hà Nội
65	30M-148.44	Hà Nội	1665	30M-083.39	Hà Nội	3265	30M-120.44	Hà Nội
66	30M-149.22	Hà Nội	1666	30M-091.09	Hà Nội	3266	30M-120.86	Hà Nội
67	30M-159.11	Hà Nội	1667	30M-091.69	Hà Nội	3267	30M-129.77	Hà Nội
68	30M-162.99	Hà Nội	1668	30M-096.77	Hà Nội	3268	30M-130.44	Hà Nội
69	30M-167.11	Hà Nội	1669	30M-103.39	Hà Nội	3269	30M-130.66	Hà Nội
70	30M-175.57	Hà Nội	1670	30M-105.66	Hà Nội	3270	30M-130.79	Hà Nội
71	30M-184.00	Hà Nội	1671	30M-131.99	Hà Nội	3271	30M-147.00	Hà Nội
72	30M-190.11	Hà Nội	1672	30M-132.77	Hà Nội	3272	30M-150.86	Hà Nội
73	30M-197.11	Hà Nội	1673	30M-134.66	Hà Nội	3273	30M-152.11	Hà Nội
74	30M-204.00	Hà Nội	1674	30M-143.69	Hà Nội	3274	30M-153.66	Hà Nội
75	30M-204.66	Hà Nội	1675	30M-147.89	Hà Nội	3275	30M-157.11	Hà Nội
76	30M-208.20	Hà Nội	1676	30M-156.11	Hà Nội	3276	30M-165.65	Hà Nội
77	30M-210.88	Hà Nội	1677	30M-157.00	Hà Nội	3277	30M-166.55	Hà Nội
78	30M-219.69	Hà Nội	1678	30M-162.39	Hà Nội	3278	30M-169.33	Hà Nội
79	30M-222.08	Hà Nội	1679	30M-163.55	Hà Nội	3279	30M-172.17	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30M-222.12	Hà Nội	1680	30M-167.79	Hà Nội	3280	30M-174.33	Hà Nội
81	30M-223.69	Hà Nội	1681	30M-169.11	Hà Nội	3281	30M-174.71	Hà Nội
82	30M-229.86	Hà Nội	1682	30M-180.66	Hà Nội	3282	30M-176.67	Hà Nội
83	30M-232.33	Hà Nội	1683	30M-217.68	Hà Nội	3283	30M-189.77	Hà Nội
84	30M-237.77	Hà Nội	1684	30M-234.88	Hà Nội	3284	30M-212.00	Hà Nội
85	30M-241.00	Hà Nội	1685	30M-242.68	Hà Nội	3285	30M-223.24	Hà Nội
86	30M-243.00	Hà Nội	1686	30M-245.39	Hà Nội	3286	30M-231.44	Hà Nội
87	30M-248.84	Hà Nội	1687	30M-256.57	Hà Nội	3287	30M-232.77	Hà Nội
88	30M-261.16	Hà Nội	1688	30M-270.00	Hà Nội	3288	30M-242.77	Hà Nội
89	30M-266.11	Hà Nội	1689	30M-278.77	Hà Nội	3289	30M-247.33	Hà Nội
90	30M-270.55	Hà Nội	1690	30M-284.66	Hà Nội	3290	30M-251.99	Hà Nội
91	30M-271.27	Hà Nội	1691	30M-284.68	Hà Nội	3291	30M-252.89	Hà Nội
92	30M-272.72	Hà Nội	1692	30M-292.89	Hà Nội	3292	30M-262.55	Hà Nội
93	30M-272.88	Hà Nội	1693	30M-301.10	Hà Nội	3293	30M-273.69	Hà Nội
94	30M-278.78	Hà Nội	1694	30M-303.04	Hà Nội	3294	30M-277.33	Hà Nội
95	30M-279.33	Hà Nội	1695	30M-308.77	Hà Nội	3295	30M-283.44	Hà Nội
96	30M-279.69	Hà Nội	1696	30M-321.99	Hà Nội	3296	30M-295.99	Hà Nội
97	30M-292.55	Hà Nội	1697	30M-330.68	Hà Nội	3297	30M-298.11	Hà Nội
98	30M-298.68	Hà Nội	1698	30M-347.55	Hà Nội	3298	30M-301.99	Hà Nội
99	30M-304.86	Hà Nội	1699	30M-349.86	Hà Nội	3299	30M-319.68	Hà Nội
100	30M-306.55	Hà Nội	1700	30M-350.44	Hà Nội	3300	30M-324.42	Hà Nội
101	30M-308.89	Hà Nội	1701	30M-351.52	Hà Nội	3301	30M-346.34	Hà Nội
102	30M-309.55	Hà Nội	1702	30M-358.55	Hà Nội	3302	30M-352.22	Hà Nội
103	30M-326.86	Hà Nội	1703	30M-360.68	Hà Nội	3303	30M-361.44	Hà Nội
104	30M-328.39	Hà Nội	1704	30M-362.33	Hà Nội	3304	30M-366.00	Hà Nội
105	30M-331.32	Hà Nội	1705	30M-376.33	Hà Nội	3305	30M-369.36	Hà Nội
106	30M-333.00	Hà Nội	1706	30M-384.66	Hà Nội	3306	30M-370.22	Hà Nội
107	30M-336.68	Hà Nội	1707	30M-385.99	Hà Nội	3307	30M-371.89	Hà Nội
108	30M-337.86	Hà Nội	1708	30M-392.29	Hà Nội	3308	30M-376.99	Hà Nội
109	30M-341.39	Hà Nội	1709	30M-402.66	Hà Nội	3309	30M-383.22	Hà Nội
110	30M-345.44	Hà Nội	1710	30M-404.66	Hà Nội	3310	30M-385.11	Hà Nội
111	30M-349.68	Hà Nội	1711	30M-408.66	Hà Nội	3311	30M-398.22	Hà Nội
112	30M-370.68	Hà Nội	1712	30M-410.86	Hà Nội	3312	30M-404.69	Hà Nội
113	30M-372.33	Hà Nội	1713	30M-412.13	Hà Nội	3313	30M-405.77	Hà Nội
114	30M-381.00	Hà Nội	1714	30M-420.39	Hà Nội	3314	30M-406.88	Hà Nội
115	30M-382.33	Hà Nội	1715	51L-901.44	Hồ Chí Minh	3315	30M-411.41	Hà Nội
116	30M-391.92	Hà Nội	1716	51L-902.99	Hồ Chí Minh	3316	51L-901.01	Hồ Chí Minh
117	30M-398.44	Hà Nội	1717	51L-908.86	Hồ Chí Minh	3317	51L-907.33	Hồ Chí Minh
118	30M-410.41	Hà Nội	1718	51L-910.10	Hồ Chí Minh	3318	51L-917.55	Hồ Chí Minh
119	30M-418.99	Hà Nội	1719	51L-912.89	Hồ Chí Minh	3319	51L-920.77	Hồ Chí Minh
120	51L-906.90	Hồ Chí Minh	1720	51L-920.55	Hồ Chí Minh	3320	51L-923.44	Hồ Chí Minh

TỶ
 GIÁ
 NH
 AM
 T.P

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	51L-909.68	Hồ Chí Minh	1721	51L-922.99	Hồ Chí Minh	3321	51L-924.99	Hồ Chí Minh
122	51L-914.39	Hồ Chí Minh	1722	51L-927.33	Hồ Chí Minh	3322	51L-927.72	Hồ Chí Minh
123	51L-915.68	Hồ Chí Minh	1723	51L-933.66	Hồ Chí Minh	3323	51L-932.69	Hồ Chí Minh
124	51L-917.22	Hồ Chí Minh	1724	51L-934.34	Hồ Chí Minh	3324	51L-932.99	Hồ Chí Minh
125	51L-921.79	Hồ Chí Minh	1725	51L-945.46	Hồ Chí Minh	3325	51L-934.44	Hồ Chí Minh
126	51L-930.39	Hồ Chí Minh	1726	51L-950.69	Hồ Chí Minh	3326	51L-936.63	Hồ Chí Minh
127	51L-936.99	Hồ Chí Minh	1727	51L-951.86	Hồ Chí Minh	3327	51L-939.11	Hồ Chí Minh
128	51L-938.22	Hồ Chí Minh	1728	51L-957.39	Hồ Chí Minh	3328	51L-948.66	Hồ Chí Minh
129	51L-944.39	Hồ Chí Minh	1729	51L-957.68	Hồ Chí Minh	3329	51L-950.55	Hồ Chí Minh
130	51L-948.84	Hồ Chí Minh	1730	51L-958.89	Hồ Chí Minh	3330	51L-954.77	Hồ Chí Minh
131	51L-953.33	Hồ Chí Minh	1731	51L-961.22	Hồ Chí Minh	3331	51L-957.77	Hồ Chí Minh
132	51L-967.44	Hồ Chí Minh	1732	51L-962.79	Hồ Chí Minh	3332	51L-965.77	Hồ Chí Minh
133	51L-983.55	Hồ Chí Minh	1733	51L-967.68	Hồ Chí Minh	3333	51L-969.33	Hồ Chí Minh
134	51L-987.86	Hồ Chí Minh	1734	51L-967.96	Hồ Chí Minh	3334	51L-974.66	Hồ Chí Minh
135	51L-990.11	Hồ Chí Minh	1735	51L-979.39	Hồ Chí Minh	3335	51L-991.92	Hồ Chí Minh
136	51L-991.55	Hồ Chí Minh	1736	51L-987.33	Hồ Chí Minh	3336	51L-994.95	Hồ Chí Minh
137	51L-992.11	Hồ Chí Minh	1737	51L-994.39	Hồ Chí Minh	3337	51L-995.69	Hồ Chí Minh
138	51L-996.22	Hồ Chí Minh	1738	51L-995.95	Hồ Chí Minh	3338	51M-052.77	Hồ Chí Minh
139	51M-063.44	Hồ Chí Minh	1739	51L-998.44	Hồ Chí Minh	3339	51M-056.79	Hồ Chí Minh
140	51M-074.88	Hồ Chí Minh	1740	51M-062.77	Hồ Chí Minh	3340	51M-071.88	Hồ Chí Minh
141	51M-085.11	Hồ Chí Minh	1741	51M-070.89	Hồ Chí Minh	3341	51M-075.70	Hồ Chí Minh
142	51M-091.00	Hồ Chí Minh	1742	51M-073.74	Hồ Chí Minh	3342	51M-079.86	Hồ Chí Minh
143	51M-093.93	Hồ Chí Minh	1743	51M-078.77	Hồ Chí Minh	3343	51M-082.55	Hồ Chí Minh
144	51M-103.89	Hồ Chí Minh	1744	51M-079.44	Hồ Chí Minh	3344	51M-083.86	Hồ Chí Minh
145	51M-113.99	Hồ Chí Minh	1745	51M-081.88	Hồ Chí Minh	3345	51M-090.90	Hồ Chí Minh
146	51M-117.17	Hồ Chí Minh	1746	51M-092.88	Hồ Chí Minh	3346	51M-099.55	Hồ Chí Minh
147	51M-119.88	Hồ Chí Minh	1747	51M-093.44	Hồ Chí Minh	3347	51M-102.77	Hồ Chí Minh
148	51M-125.00	Hồ Chí Minh	1748	51M-097.22	Hồ Chí Minh	3348	51M-105.00	Hồ Chí Minh
149	51M-125.52	Hồ Chí Minh	1749	51M-097.90	Hồ Chí Minh	3349	51M-111.08	Hồ Chí Minh
150	51M-126.86	Hồ Chí Minh	1750	51M-098.39	Hồ Chí Minh	3350	51M-111.86	Hồ Chí Minh
151	51M-134.35	Hồ Chí Minh	1751	51M-106.07	Hồ Chí Minh	3351	51M-113.13	Hồ Chí Minh
152	51M-142.77	Hồ Chí Minh	1752	51M-109.44	Hồ Chí Minh	3352	51M-115.15	Hồ Chí Minh
153	51M-149.00	Hồ Chí Minh	1753	51M-114.99	Hồ Chí Minh	3353	51M-118.79	Hồ Chí Minh
154	51M-152.66	Hồ Chí Minh	1754	51M-119.89	Hồ Chí Minh	3354	51M-119.22	Hồ Chí Minh
155	51M-152.68	Hồ Chí Minh	1755	51M-129.29	Hồ Chí Minh	3355	51M-119.39	Hồ Chí Minh
156	51M-152.86	Hồ Chí Minh	1756	51M-129.89	Hồ Chí Minh	3356	51M-120.79	Hồ Chí Minh
157	51M-157.00	Hồ Chí Minh	1757	51M-144.14	Hồ Chí Minh	3357	51M-122.88	Hồ Chí Minh
158	51M-176.17	Hồ Chí Minh	1758	51M-153.33	Hồ Chí Minh	3358	51M-124.11	Hồ Chí Minh
159	51M-183.11	Hồ Chí Minh	1759	51M-167.79	Hồ Chí Minh	3359	51M-129.69	Hồ Chí Minh
160	51M-195.86	Hồ Chí Minh	1760	51M-170.77	Hồ Chí Minh	3360	51M-134.55	Hồ Chí Minh
161	51M-201.79	Hồ Chí Minh	1761	51M-175.66	Hồ Chí Minh	3361	51M-147.77	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	51M-202.89	Hồ Chí Minh	1762	51M-176.44	Hồ Chí Minh	3362	51M-149.94	Hồ Chí Minh
163	51M-206.86	Hồ Chí Minh	1763	51M-178.00	Hồ Chí Minh	3363	51M-151.00	Hồ Chí Minh
164	51M-211.86	Hồ Chí Minh	1764	51M-185.22	Hồ Chí Minh	3364	51M-159.44	Hồ Chí Minh
165	51M-214.89	Hồ Chí Minh	1765	51M-185.85	Hồ Chí Minh	3365	51M-160.16	Hồ Chí Minh
166	51M-226.69	Hồ Chí Minh	1766	51M-189.11	Hồ Chí Minh	3366	51M-169.11	Hồ Chí Minh
167	51M-226.86	Hồ Chí Minh	1767	51M-199.44	Hồ Chí Minh	3367	51M-176.67	Hồ Chí Minh
168	51M-234.11	Hồ Chí Minh	1768	51M-203.04	Hồ Chí Minh	3368	51M-192.44	Hồ Chí Minh
169	51M-238.68	Hồ Chí Minh	1769	51M-207.77	Hồ Chí Minh	3369	51M-202.22	Hồ Chí Minh
170	51M-246.46	Hồ Chí Minh	1770	51M-211.77	Hồ Chí Minh	3370	51M-203.55	Hồ Chí Minh
171	51M-247.39	Hồ Chí Minh	1771	51M-222.38	Hồ Chí Minh	3371	51M-204.11	Hồ Chí Minh
172	51M-249.88	Hồ Chí Minh	1772	51M-222.58	Hồ Chí Minh	3372	51M-211.39	Hồ Chí Minh
173	51M-250.55	Hồ Chí Minh	1773	51M-226.11	Hồ Chí Minh	3373	51M-227.28	Hồ Chí Minh
174	51M-251.11	Hồ Chí Minh	1774	51M-231.66	Hồ Chí Minh	3374	51M-258.44	Hồ Chí Minh
175	51M-256.65	Hồ Chí Minh	1775	51M-235.66	Hồ Chí Minh	3375	51M-279.96	Hồ Chí Minh
176	51M-261.69	Hồ Chí Minh	1776	51M-248.39	Hồ Chí Minh	3376	51M-284.89	Hồ Chí Minh
177	51M-267.99	Hồ Chí Minh	1777	51M-249.39	Hồ Chí Minh	3377	51M-292.89	Hồ Chí Minh
178	51M-274.33	Hồ Chí Minh	1778	51M-259.33	Hồ Chí Minh	3378	51M-299.55	Hồ Chí Minh
179	51M-276.11	Hồ Chí Minh	1779	51M-262.99	Hồ Chí Minh	3379	51M-299.86	Hồ Chí Minh
180	51M-279.33	Hồ Chí Minh	1780	51M-264.65	Hồ Chí Minh	3380	51M-301.10	Hồ Chí Minh
181	51M-309.11	Hồ Chí Minh	1781	51M-279.88	Hồ Chí Minh	3381	51N-002.22	Hồ Chí Minh
182	51M-310.77	Hồ Chí Minh	1782	51M-282.68	Hồ Chí Minh	3382	51N-003.03	Hồ Chí Minh
183	51N-014.68	Hồ Chí Minh	1783	51M-283.83	Hồ Chí Minh	3383	51N-003.11	Hồ Chí Minh
184	51N-020.55	Hồ Chí Minh	1784	51M-285.58	Hồ Chí Minh	3384	51N-012.89	Hồ Chí Minh
185	51N-027.55	Hồ Chí Minh	1785	51M-295.39	Hồ Chí Minh	3385	51N-015.10	Hồ Chí Minh
186	51N-030.33	Hồ Chí Minh	1786	51M-295.88	Hồ Chí Minh	3386	51N-015.88	Hồ Chí Minh
187	51N-037.68	Hồ Chí Minh	1787	51M-297.69	Hồ Chí Minh	3387	51N-017.99	Hồ Chí Minh
188	51N-040.33	Hồ Chí Minh	1788	51M-305.77	Hồ Chí Minh	3388	51N-021.86	Hồ Chí Minh
189	51N-040.66	Hồ Chí Minh	1789	51M-308.30	Hồ Chí Minh	3389	51N-028.99	Hồ Chí Minh
190	51N-041.39	Hồ Chí Minh	1790	51N-010.39	Hồ Chí Minh	3390	51N-029.77	Hồ Chí Minh
191	51N-047.33	Hồ Chí Minh	1791	51N-015.68	Hồ Chí Minh	3391	51N-029.96	Hồ Chí Minh
192	51N-047.89	Hồ Chí Minh	1792	51N-022.69	Hồ Chí Minh	3392	51N-035.68	Hồ Chí Minh
193	51N-049.89	Hồ Chí Minh	1793	51N-030.55	Hồ Chí Minh	3393	51N-039.03	Hồ Chí Minh
194	51N-050.33	Hồ Chí Minh	1794	51N-033.55	Hồ Chí Minh	3394	51N-061.89	Hồ Chí Minh
195	51N-070.70	Hồ Chí Minh	1795	51N-037.03	Hồ Chí Minh	3395	51N-062.66	Hồ Chí Minh
196	51N-079.68	Hồ Chí Minh	1796	51N-048.39	Hồ Chí Minh	3396	51N-062.88	Hồ Chí Minh
197	51N-081.68	Hồ Chí Minh	1797	51N-059.95	Hồ Chí Minh	3397	51N-072.70	Hồ Chí Minh
198	51N-095.11	Hồ Chí Minh	1798	51N-061.22	Hồ Chí Minh	3398	51N-074.88	Hồ Chí Minh
199	51N-107.11	Hồ Chí Minh	1799	51N-072.27	Hồ Chí Minh	3399	51N-078.33	Hồ Chí Minh
200	51N-107.66	Hồ Chí Minh	1800	51N-075.22	Hồ Chí Minh	3400	51N-083.11	Hồ Chí Minh
201	51N-117.89	Hồ Chí Minh	1801	51N-075.86	Hồ Chí Minh	3401	51N-084.77	Hồ Chí Minh
202	51N-121.99	Hồ Chí Minh	1802	51N-076.55	Hồ Chí Minh	3402	51N-091.92	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
203	51N-138.00	Hồ Chí Minh	1803	51N-081.69	Hồ Chí Minh	3403	51N-092.22	Hồ Chí Minh
204	51N-147.41	Hồ Chí Minh	1804	51N-086.77	Hồ Chí Minh	3404	51N-097.00	Hồ Chí Minh
205	11A-140.39	Cao Bằng	1805	51N-090.68	Hồ Chí Minh	3405	51N-100.11	Hồ Chí Minh
206	11B-014.10	Cao Bằng	1806	51N-096.11	Hồ Chí Minh	3406	51N-126.77	Hồ Chí Minh
207	11B-016.61	Cao Bằng	1807	51N-098.69	Hồ Chí Minh	3407	51N-137.13	Hồ Chí Minh
208	11C-087.68	Cao Bằng	1808	51N-102.03	Hồ Chí Minh	3408	51N-150.88	Hồ Chí Minh
209	11C-087.99	Cao Bằng	1809	51N-102.88	Hồ Chí Minh	3409	51N-155.66	Hồ Chí Minh
210	11D-009.09	Cao Bằng	1810	51N-107.86	Hồ Chí Minh	3410	11A-137.69	Cao Bằng
211	11D-011.86	Cao Bằng	1811	51N-111.08	Hồ Chí Minh	3411	11C-090.09	Cao Bằng
212	12A-267.69	Lạng Sơn	1812	51N-113.11	Hồ Chí Minh	3412	11D-010.68	Cao Bằng
213	12B-017.66	Lạng Sơn	1813	51N-119.33	Hồ Chí Minh	3413	12A-264.00	Lạng Sơn
214	12B-018.86	Lạng Sơn	1814	51N-134.66	Hồ Chí Minh	3414	12A-265.56	Lạng Sơn
215	14A-990.22	Quảng Ninh	1815	51N-137.44	Hồ Chí Minh	3415	12A-267.99	Lạng Sơn
216	14C-451.99	Quảng Ninh	1816	51N-141.88	Hồ Chí Minh	3416	12B-016.79	Lạng Sơn
217	14C-466.00	Quảng Ninh	1817	51N-141.99	Hồ Chí Minh	3417	12C-142.43	Lạng Sơn
218	14D-029.55	Quảng Ninh	1818	51N-144.55	Hồ Chí Minh	3418	12C-143.89	Lạng Sơn
219	14K-003.04	Quảng Ninh	1819	51N-150.05	Hồ Chí Minh	3419	12D-010.33	Lạng Sơn
220	14K-005.11	Quảng Ninh	1820	11A-138.55	Cao Bằng	3420	14A-989.86	Quảng Ninh
221	14K-010.69	Quảng Ninh	1821	11B-013.77	Cao Bằng	3421	14B-056.05	Quảng Ninh
222	14K-013.99	Quảng Ninh	1822	11B-013.79	Cao Bằng	3422	14B-056.50	Quảng Ninh
223	14K-020.00	Quảng Ninh	1823	11B-014.11	Cao Bằng	3423	14C-451.45	Quảng Ninh
224	14K-023.22	Quảng Ninh	1824	11D-010.01	Cao Bằng	3424	14C-460.06	Quảng Ninh
225	14K-025.22	Quảng Ninh	1825	11D-011.12	Cao Bằng	3425	14C-466.46	Quảng Ninh
226	14K-029.79	Quảng Ninh	1826	12A-265.00	Lạng Sơn	3426	14C-468.39	Quảng Ninh
227	14K-029.89	Quảng Ninh	1827	12A-270.22	Lạng Sơn	3427	14C-468.69	Quảng Ninh
228	14K-031.89	Quảng Ninh	1828	12B-019.01	Lạng Sơn	3428	14K-000.57	Quảng Ninh
229	14K-040.89	Quảng Ninh	1829	12C-143.68	Lạng Sơn	3429	14K-002.00	Quảng Ninh
230	14K-042.00	Quảng Ninh	1830	14A-990.00	Quảng Ninh	3430	14K-002.11	Quảng Ninh
231	14K-044.79	Quảng Ninh	1831	14A-991.88	Quảng Ninh	3431	14K-013.31	Quảng Ninh
232	14K-046.00	Quảng Ninh	1832	14A-994.44	Quảng Ninh	3432	14K-023.39	Quảng Ninh
233	14K-046.04	Quảng Ninh	1833	14C-454.79	Quảng Ninh	3433	14K-024.22	Quảng Ninh
234	14K-046.47	Quảng Ninh	1834	14C-455.99	Quảng Ninh	3434	14K-034.44	Quảng Ninh
235	15B-056.56	Hải Phòng	1835	14C-459.77	Quảng Ninh	3435	14K-035.88	Quảng Ninh
236	15C-482.69	Hải Phòng	1836	14C-466.77	Quảng Ninh	3436	14K-048.69	Quảng Ninh
237	15C-491.66	Hải Phòng	1837	14C-470.44	Quảng Ninh	3437	14K-048.77	Quảng Ninh
238	15C-496.00	Hải Phòng	1838	14D-031.86	Quảng Ninh	3438	15C-481.44	Hải Phòng
239	15C-497.49	Hải Phòng	1839	14K-000.59	Quảng Ninh	3439	15C-484.33	Hải Phòng
240	15D-055.05	Hải Phòng	1840	14K-008.39	Quảng Ninh	3440	15C-492.99	Hải Phòng
241	15D-056.57	Hải Phòng	1841	14K-023.44	Quảng Ninh	3441	15K-435.43	Hải Phòng
242	15K-426.55	Hải Phòng	1842	14K-025.20	Quảng Ninh	3442	15K-436.89	Hải Phòng
243	15K-433.34	Hải Phòng	1843	14K-029.96	Quảng Ninh	3443	15K-437.99	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	15K-441.44	Hải Phòng	1844	14K-031.69	Quảng Ninh	3444	15K-443.43	Hải Phòng
245	15K-441.69	Hải Phòng	1845	14K-036.77	Quảng Ninh	3445	15K-443.66	Hải Phòng
246	15K-443.55	Hải Phòng	1846	14K-039.55	Quảng Ninh	3446	15K-448.77	Hải Phòng
247	15K-454.89	Hải Phòng	1847	14K-044.89	Quảng Ninh	3447	15K-460.11	Hải Phòng
248	15K-458.33	Hải Phòng	1848	15B-056.99	Hải Phòng	3448	15K-467.69	Hải Phòng
249	15K-459.54	Hải Phòng	1849	15C-484.79	Hải Phòng	3449	15K-476.99	Hải Phòng
250	15K-461.89	Hải Phòng	1850	15C-484.99	Hải Phòng	3450	15K-479.11	Hải Phòng
251	15K-466.55	Hải Phòng	1851	15C-487.33	Hải Phòng	3451	15K-491.49	Hải Phòng
252	15K-469.00	Hải Phòng	1852	15C-488.79	Hải Phòng	3452	15K-496.55	Hải Phòng
253	15K-469.77	Hải Phòng	1853	15C-490.79	Hải Phòng	3453	15K-503.22	Hải Phòng
254	15K-475.47	Hải Phòng	1854	15D-056.33	Hải Phòng	3454	15K-507.50	Hải Phòng
255	15K-477.89	Hải Phòng	1855	15K-436.77	Hải Phòng	3455	15K-510.44	Hải Phòng
256	15K-481.81	Hải Phòng	1856	15K-444.55	Hải Phòng	3456	17A-495.22	Thái Bình
257	15K-487.77	Hải Phòng	1857	15K-449.68	Hải Phòng	3457	17A-501.44	Thái Bình
258	15K-494.88	Hải Phòng	1858	15K-462.55	Hải Phòng	3458	17A-505.50	Thái Bình
259	15K-500.01	Hải Phòng	1859	15K-468.33	Hải Phòng	3459	17A-512.15	Thái Bình
260	15K-501.69	Hải Phòng	1860	15K-481.11	Hải Phòng	3460	17C-215.55	Thái Bình
261	15K-502.44	Hải Phòng	1861	15K-485.33	Hải Phòng	3461	17D-013.86	Thái Bình
262	15K-505.88	Hải Phòng	1862	15K-490.90	Hải Phòng	3462	18A-490.91	Nam Định
263	17A-494.95	Thái Bình	1863	15K-490.91	Hải Phòng	3463	18A-498.55	Nam Định
264	17A-505.00	Thái Bình	1864	15K-499.66	Hải Phòng	3464	18A-505.77	Nam Định
265	17A-506.55	Thái Bình	1865	15K-511.22	Hải Phòng	3465	18A-508.00	Nam Định
266	18A-491.33	Nam Định	1866	17A-492.39	Thái Bình	3466	18A-509.79	Nam Định
267	18A-492.99	Nam Định	1867	17A-494.00	Thái Bình	3467	18B-031.33	Nam Định
268	18A-496.97	Nam Định	1868	17A-497.22	Thái Bình	3468	19A-721.66	Phú Thọ
269	18A-500.01	Nam Định	1869	17A-506.07	Thái Bình	3469	19A-727.44	Phú Thọ
270	18B-032.00	Nam Định	1870	17A-507.08	Thái Bình	3470	19A-729.22	Phú Thọ
271	18B-032.86	Nam Định	1871	17A-508.86	Thái Bình	3471	19A-733.79	Phú Thọ
272	18C-176.86	Nam Định	1872	17A-510.33	Thái Bình	3472	19A-749.74	Phú Thọ
273	18C-182.44	Nam Định	1873	17D-015.99	Thái Bình	3473	19A-750.66	Phú Thọ
274	18C-182.55	Nam Định	1874	18A-512.66	Nam Định	3474	19A-751.33	Phú Thọ
275	18D-016.39	Nam Định	1875	18B-032.55	Nam Định	3475	19A-751.55	Phú Thọ
276	18D-018.10	Nam Định	1876	18B-032.69	Nam Định	3476	19A-753.53	Phú Thọ
277	19A-718.81	Phú Thọ	1877	18B-033.34	Nam Định	3477	19B-028.88	Phú Thọ
278	19A-720.21	Phú Thọ	1878	18C-180.44	Nam Định	3478	19B-030.89	Phú Thọ
279	19A-722.69	Phú Thọ	1879	18C-181.77	Nam Định	3479	19C-265.99	Phú Thọ
280	19A-723.77	Phú Thọ	1880	18C-182.88	Nam Định	3480	19C-274.39	Phú Thọ
281	19A-724.25	Phú Thọ	1881	18D-016.33	Nam Định	3481	19D-021.02	Phú Thọ
282	19A-728.27	Phú Thọ	1882	19A-716.88	Phú Thọ	3482	20A-864.64	Thái Nguyên
283	19A-728.99	Phú Thọ	1883	19A-717.33	Phú Thọ	3483	20A-870.11	Thái Nguyên
284	19A-731.77	Phú Thọ	1884	19A-729.55	Phú Thọ	3484	20A-873.88	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	19A-733.86	Phú Thọ	1885	19A-731.89	Phú Thọ	3485	20A-875.79	Thái Nguyên
286	19A-734.22	Phú Thọ	1886	19A-732.33	Phú Thọ	3486	20A-890.09	Thái Nguyên
287	19A-743.44	Phú Thọ	1887	19A-734.35	Phú Thọ	3487	20A-892.88	Thái Nguyên
288	19A-752.69	Phú Thọ	1888	19A-737.68	Phú Thọ	3488	20A-895.59	Thái Nguyên
289	19A-754.45	Phú Thọ	1889	19A-739.11	Phú Thọ	3489	20A-896.33	Thái Nguyên
290	19C-264.26	Phú Thọ	1890	19A-750.75	Phú Thọ	3490	20A-897.97	Thái Nguyên
291	19C-268.39	Phú Thọ	1891	19A-751.68	Phú Thọ	3491	20A-898.39	Thái Nguyên
292	19C-272.79	Phú Thọ	1892	19C-266.67	Phú Thọ	3492	20A-902.77	Thái Nguyên
293	19C-274.22	Phú Thọ	1893	19C-267.68	Phú Thọ	3493	20A-905.79	Thái Nguyên
294	19C-277.00	Phú Thọ	1894	19C-268.33	Phú Thọ	3494	20A-906.44	Thái Nguyên
295	19D-019.55	Phú Thọ	1895	19C-274.44	Phú Thọ	3495	20B-036.30	Thái Nguyên
296	19D-021.20	Phú Thọ	1896	19C-274.66	Phú Thọ	3496	20B-037.99	Thái Nguyên
297	20A-865.44	Thái Nguyên	1897	19C-278.78	Phú Thọ	3497	20C-309.77	Thái Nguyên
298	20A-873.89	Thái Nguyên	1898	20A-864.22	Thái Nguyên	3498	20C-313.14	Thái Nguyên
299	20A-874.86	Thái Nguyên	1899	20A-882.44	Thái Nguyên	3499	20C-319.66	Thái Nguyên
300	20A-875.86	Thái Nguyên	1900	20A-888.27	Thái Nguyên	3500	20C-321.68	Thái Nguyên
301	20A-882.77	Thái Nguyên	1901	20A-890.77	Thái Nguyên	3501	20C-323.68	Thái Nguyên
302	20A-885.86	Thái Nguyên	1902	20A-893.00	Thái Nguyên	3502	20C-323.99	Thái Nguyên
303	20A-888.34	Thái Nguyên	1903	20A-895.66	Thái Nguyên	3503	21A-226.77	Yên Bái
304	20A-889.66	Thái Nguyên	1904	20A-904.33	Thái Nguyên	3504	21A-229.39	Yên Bái
305	20A-900.99	Thái Nguyên	1905	20B-035.69	Thái Nguyên	3505	21A-230.86	Yên Bái
306	20A-902.02	Thái Nguyên	1906	20B-035.77	Thái Nguyên	3506	21A-232.66	Yên Bái
307	20B-037.73	Thái Nguyên	1907	20C-318.44	Thái Nguyên	3507	21C-111.37	Yên Bái
308	20C-315.39	Thái Nguyên	1908	20D-032.44	Thái Nguyên	3508	21D-008.89	Yên Bái
309	20C-321.23	Thái Nguyên	1909	21A-222.18	Yên Bái	3509	21D-009.09	Yên Bái
310	21A-228.00	Yên Bái	1910	21A-224.55	Yên Bái	3510	22A-275.00	Tuyên Quang
311	21C-114.14	Yên Bái	1911	21A-229.22	Yên Bái	3511	22A-279.88	Tuyên Quang
312	21D-007.33	Yên Bái	1912	21B-014.44	Yên Bái	3512	22A-280.55	Tuyên Quang
313	21D-007.44	Yên Bái	1913	21C-111.45	Yên Bái	3513	22A-281.99	Tuyên Quang
314	21D-009.99	Yên Bái	1914	22A-269.79	Tuyên Quang	3514	22B-016.44	Tuyên Quang
315	22A-275.44	Tuyên Quang	1915	22C-113.86	Tuyên Quang	3515	22B-016.68	Tuyên Quang
316	22A-276.33	Tuyên Quang	1916	22D-010.79	Tuyên Quang	3516	22C-117.55	Tuyên Quang
317	22A-283.44	Tuyên Quang	1917	22D-011.10	Tuyên Quang	3517	23A-169.55	Hà Giang
318	22B-018.22	Tuyên Quang	1918	23A-169.77	Hà Giang	3518	23A-172.11	Hà Giang
319	22B-018.66	Tuyên Quang	1919	23B-013.77	Hà Giang	3519	23C-093.39	Hà Giang
320	22C-114.99	Tuyên Quang	1920	23C-093.33	Hà Giang	3520	23D-009.39	Hà Giang
321	22C-117.33	Tuyên Quang	1921	23D-011.33	Hà Giang	3521	23D-009.96	Hà Giang
322	23A-168.44	Hà Giang	1922	24A-318.18	Lào Cai	3522	24A-317.17	Lào Cai
323	23B-014.33	Hà Giang	1923	24B-020.20	Lào Cai	3523	24B-021.66	Lào Cai
324	24A-315.44	Lào Cai	1924	24B-020.88	Lào Cai	3524	25B-009.39	Lai Châu
325	24A-315.51	Lào Cai	1925	24B-022.88	Lào Cai	3525	25C-063.39	Lai Châu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
326	24A-319.19	Lào Cai	1926	24C-165.44	Lào Cai	3526	26A-235.33	Sơn La
327	24A-324.11	Lào Cai	1927	24C-167.22	Lào Cai	3527	26A-246.86	Sơn La
328	24A-324.22	Lào Cai	1928	24C-171.17	Lào Cai	3528	26C-165.61	Sơn La
329	24C-167.77	Lào Cai	1929	24D-009.99	Lào Cai	3529	26C-169.33	Sơn La
330	24C-171.69	Lào Cai	1930	24D-010.68	Lào Cai	3530	26D-014.22	Sơn La
331	24D-010.55	Lào Cai	1931	24D-011.66	Lào Cai	3531	26D-015.77	Sơn La
332	24D-012.39	Lào Cai	1932	25A-086.39	Lai Châu	3532	27A-128.77	Điện Biên
333	25A-087.00	Lai Châu	1933	25B-009.22	Lai Châu	3533	27A-131.32	Điện Biên
334	25A-087.33	Lai Châu	1934	25B-011.01	Lai Châu	3534	27A-132.44	Điện Biên
335	25A-087.44	Lai Châu	1935	26B-019.89	Sơn La	3535	27A-135.11	Điện Biên
336	25A-087.68	Lai Châu	1936	26C-167.22	Sơn La	3536	27C-077.07	Điện Biên
337	26A-236.44	Sơn La	1937	26C-168.39	Sơn La	3537	27D-009.77	Điện Biên
338	26A-237.32	Sơn La	1938	27A-129.11	Điện Biên	3538	28A-268.33	Hòa Bình
339	26A-243.99	Sơn La	1939	27A-130.88	Điện Biên	3539	28A-269.77	Hòa Bình
340	26A-244.77	Sơn La	1940	27C-075.88	Điện Biên	3540	28D-013.79	Hòa Bình
341	26B-022.11	Sơn La	1941	27C-076.77	Điện Biên	3541	29B-659.22	Hà Nội
342	26C-166.00	Sơn La	1942	27C-077.00	Điện Biên	3542	29D-627.88	Hà Nội
343	26C-166.33	Sơn La	1943	27C-077.99	Điện Biên	3543	29D-627.99	Hà Nội
344	26C-169.77	Sơn La	1944	27D-008.33	Điện Biên	3544	29D-630.86	Hà Nội
345	26D-014.15	Sơn La	1945	27D-009.99	Điện Biên	3545	29D-630.88	Hà Nội
346	27A-129.39	Điện Biên	1946	28A-264.79	Hòa Bình	3546	29D-635.68	Hà Nội
347	27A-131.69	Điện Biên	1947	28A-265.77	Hòa Bình	3547	29D-636.86	Hà Nội
348	27B-015.68	Điện Biên	1948	28A-265.86	Hòa Bình	3548	29D-638.79	Hà Nội
349	27D-009.89	Điện Biên	1949	28A-269.22	Hòa Bình	3549	29D-640.46	Hà Nội
350	28A-270.22	Hòa Bình	1950	29B-660.55	Hà Nội	3550	29D-640.77	Hà Nội
351	28C-125.26	Hòa Bình	1951	29B-660.79	Hà Nội	3551	29K-329.00	Hà Nội
352	29B-659.88	Hà Nội	1952	29B-661.00	Hà Nội	3552	29K-336.88	Hà Nội
353	29B-661.79	Hà Nội	1953	29B-661.22	Hà Nội	3553	29K-338.68	Hà Nội
354	29D-626.79	Hà Nội	1954	29D-629.33	Hà Nội	3554	29K-349.69	Hà Nội
355	29D-630.03	Hà Nội	1955	29D-632.11	Hà Nội	3555	29K-354.45	Hà Nội
356	29D-634.55	Hà Nội	1956	29D-633.89	Hà Nội	3556	29K-355.22	Hà Nội
357	29D-640.44	Hà Nội	1957	29D-635.89	Hà Nội	3557	29K-355.39	Hà Nội
358	29K-329.79	Hà Nội	1958	29D-636.36	Hà Nội	3558	29K-363.55	Hà Nội
359	29K-331.39	Hà Nội	1959	29D-637.00	Hà Nội	3559	29K-365.89	Hà Nội
360	29K-334.89	Hà Nội	1960	29D-638.68	Hà Nội	3560	29K-370.69	Hà Nội
361	29K-347.33	Hà Nội	1961	29D-639.00	Hà Nội	3561	29K-372.55	Hà Nội
362	29K-347.88	Hà Nội	1962	29K-326.22	Hà Nội	3562	29K-379.86	Hà Nội
363	29K-350.89	Hà Nội	1963	29K-326.32	Hà Nội	3563	29K-389.96	Hà Nội
364	29K-352.33	Hà Nội	1964	29K-327.89	Hà Nội	3564	29K-403.77	Hà Nội
365	29K-352.68	Hà Nội	1965	29K-328.33	Hà Nội	3565	29K-409.90	Hà Nội
366	29K-354.00	Hà Nội	1966	29K-331.86	Hà Nội	3566	29K-412.41	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	29K-354.69	Hà Nội	1967	29K-338.99	Hà Nội	3567	29K-412.99	Hà Nội
368	29K-378.39	Hà Nội	1968	29K-353.86	Hà Nội	3568	29K-416.99	Hà Nội
369	29K-394.95	Hà Nội	1969	29K-357.75	Hà Nội	3569	29K-418.99	Hà Nội
370	29K-403.22	Hà Nội	1970	29K-379.77	Hà Nội	3570	29K-420.88	Hà Nội
371	29K-407.89	Hà Nội	1971	29K-383.33	Hà Nội	3571	29K-427.42	Hà Nội
372	29K-417.41	Hà Nội	1972	29K-391.66	Hà Nội	3572	29K-429.88	Hà Nội
373	29K-430.00	Hà Nội	1973	29K-401.04	Hà Nội	3573	29K-430.77	Hà Nội
374	29K-430.68	Hà Nội	1974	29K-401.77	Hà Nội	3574	29K-434.89	Hà Nội
375	29K-435.86	Hà Nội	1975	29K-408.04	Hà Nội	3575	29K-437.33	Hà Nội
376	29K-441.33	Hà Nội	1976	29K-416.41	Hà Nội	3576	29K-437.55	Hà Nội
377	29K-444.17	Hà Nội	1977	29K-416.55	Hà Nội	3577	29K-441.86	Hà Nội
378	29K-446.89	Hà Nội	1978	29K-419.77	Hà Nội	3578	29K-444.05	Hà Nội
379	29K-457.00	Hà Nội	1979	29K-421.33	Hà Nội	3579	29K-446.66	Hà Nội
380	29K-461.61	Hà Nội	1980	29K-431.68	Hà Nội	3580	29K-447.55	Hà Nội
381	29K-462.63	Hà Nội	1981	29K-432.79	Hà Nội	3581	29K-455.88	Hà Nội
382	29K-462.79	Hà Nội	1982	29K-437.89	Hà Nội	3582	29K-458.89	Hà Nội
383	29K-466.22	Hà Nội	1983	29K-440.40	Hà Nội	3583	29K-460.66	Hà Nội
384	29K-473.11	Hà Nội	1984	29K-444.35	Hà Nội	3584	29K-462.26	Hà Nội
385	29K-476.39	Hà Nội	1985	29K-449.68	Hà Nội	3585	29K-470.55	Hà Nội
386	34A-924.79	Hải Dương	1986	29K-450.00	Hà Nội	3586	29K-471.69	Hà Nội
387	34A-937.37	Hải Dương	1987	29K-454.68	Hà Nội	3587	29K-477.11	Hà Nội
388	34A-940.11	Hải Dương	1988	29K-457.33	Hà Nội	3588	34A-924.22	Hải Dương
389	34A-945.68	Hải Dương	1989	29K-459.77	Hà Nội	3589	34A-930.44	Hải Dương
390	34A-946.68	Hải Dương	1990	29K-462.62	Hà Nội	3590	34A-932.68	Hải Dương
391	34A-967.86	Hải Dương	1991	29K-462.77	Hà Nội	3591	34A-950.51	Hải Dương
392	34A-968.11	Hải Dương	1992	29K-465.89	Hà Nội	3592	34A-952.88	Hải Dương
393	34A-970.88	Hải Dương	1993	29K-472.89	Hà Nội	3593	34A-957.88	Hải Dương
394	34C-437.69	Hải Dương	1994	34A-953.22	Hải Dương	3594	34A-958.55	Hải Dương
395	34C-437.77	Hải Dương	1995	34A-955.11	Hải Dương	3595	34A-963.69	Hải Dương
396	34C-446.86	Hải Dương	1996	34A-957.77	Hải Dương	3596	34A-965.79	Hải Dương
397	34D-041.00	Hải Dương	1997	34A-965.33	Hải Dương	3597	34A-973.77	Hải Dương
398	34D-042.04	Hải Dương	1998	34A-973.66	Hải Dương	3598	34B-043.66	Hải Dương
399	35A-468.00	Ninh Bình	1999	34A-974.75	Hải Dương	3599	34C-438.86	Hải Dương
400	35A-470.77	Ninh Bình	2000	34A-975.66	Hải Dương	3600	34D-039.03	Hải Dương
401	35A-481.00	Ninh Bình	2001	34B-045.40	Hải Dương	3601	34D-039.93	Hải Dương
402	35A-482.00	Ninh Bình	2002	34C-434.55	Hải Dương	3602	34D-040.41	Hải Dương
403	35A-483.38	Ninh Bình	2003	34C-443.69	Hải Dương	3603	35A-469.22	Ninh Bình
404	35B-024.24	Ninh Bình	2004	34C-444.58	Hải Dương	3604	35A-474.75	Ninh Bình
405	35B-025.77	Ninh Bình	2005	34C-451.52	Hải Dương	3605	35A-477.00	Ninh Bình
406	35C-181.55	Ninh Bình	2006	34D-041.11	Hải Dương	3606	35A-484.33	Ninh Bình
407	35D-019.44	Ninh Bình	2007	35A-468.22	Ninh Bình	3607	35C-179.86	Ninh Bình

ĐI
:ÔN
ĐẤU
ỢP L
IẾT
XUẤT

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
408	36C-578.75	Thanh Hóa	2008	35A-468.69	Ninh Bình	3608	35C-182.00	Ninh Bình
409	36C-579.86	Thanh Hóa	2009	35A-479.00	Ninh Bình	3609	35D-016.33	Ninh Bình
410	36C-580.99	Thanh Hóa	2010	35B-022.55	Ninh Bình	3610	36C-553.77	Thanh Hóa
411	36D-030.30	Thanh Hóa	2011	35B-023.99	Ninh Bình	3611	36C-554.89	Thanh Hóa
412	36D-032.69	Thanh Hóa	2012	35C-183.11	Ninh Bình	3612	36C-564.99	Thanh Hóa
413	36K-232.86	Thanh Hóa	2013	35D-017.89	Ninh Bình	3613	36C-577.68	Thanh Hóa
414	36K-233.86	Thanh Hóa	2014	36B-050.89	Thanh Hóa	3614	36C-578.22	Thanh Hóa
415	36K-234.39	Thanh Hóa	2015	36C-552.53	Thanh Hóa	3615	36C-578.33	Thanh Hóa
416	36K-237.79	Thanh Hóa	2016	36C-557.58	Thanh Hóa	3616	36D-031.88	Thanh Hóa
417	36K-241.00	Thanh Hóa	2017	36C-560.44	Thanh Hóa	3617	36D-032.89	Thanh Hóa
418	36K-243.66	Thanh Hóa	2018	36C-573.68	Thanh Hóa	3618	36K-229.29	Thanh Hóa
419	36K-243.79	Thanh Hóa	2019	36C-574.75	Thanh Hóa	3619	36K-244.39	Thanh Hóa
420	36K-251.89	Thanh Hóa	2020	36C-581.44	Thanh Hóa	3620	36K-245.69	Thanh Hóa
421	36K-255.69	Thanh Hóa	2021	36K-250.44	Thanh Hóa	3621	36K-253.35	Thanh Hóa
422	36K-256.68	Thanh Hóa	2022	36K-265.77	Thanh Hóa	3622	36K-254.99	Thanh Hóa
423	36K-262.62	Thanh Hóa	2023	36K-265.99	Thanh Hóa	3623	36K-262.88	Thanh Hóa
424	36K-262.63	Thanh Hóa	2024	36K-282.83	Thanh Hóa	3624	36K-273.33	Thanh Hóa
425	36K-271.77	Thanh Hóa	2025	36K-286.77	Thanh Hóa	3625	36K-276.44	Thanh Hóa
426	36K-280.22	Thanh Hóa	2026	36K-287.28	Thanh Hóa	3626	36K-276.67	Thanh Hóa
427	36K-295.44	Thanh Hóa	2027	36K-293.79	Thanh Hóa	3627	36K-277.72	Thanh Hóa
428	36K-298.77	Thanh Hóa	2028	36K-294.66	Thanh Hóa	3628	36K-277.86	Thanh Hóa
429	36K-305.69	Thanh Hóa	2029	36K-294.92	Thanh Hóa	3629	36K-278.72	Thanh Hóa
430	37B-048.77	Nghệ An	2030	36K-300.22	Thanh Hóa	3630	36K-279.22	Thanh Hóa
431	37B-049.86	Nghệ An	2031	36K-300.66	Thanh Hóa	3631	36K-285.68	Thanh Hóa
432	37C-571.86	Nghệ An	2032	36K-300.88	Thanh Hóa	3632	36K-302.55	Thanh Hóa
433	37C-587.69	Nghệ An	2033	37B-047.22	Nghệ An	3633	36K-304.88	Thanh Hóa
434	37C-594.44	Nghệ An	2034	37C-578.87	Nghệ An	3634	37C-568.55	Nghệ An
435	37D-047.00	Nghệ An	2035	37C-581.79	Nghệ An	3635	37C-573.73	Nghệ An
436	37K-490.77	Nghệ An	2036	37C-585.11	Nghệ An	3636	37C-580.86	Nghệ An
437	37K-498.44	Nghệ An	2037	37C-585.44	Nghệ An	3637	37D-049.22	Nghệ An
438	37K-500.50	Nghệ An	2038	37C-591.86	Nghệ An	3638	37D-049.89	Nghệ An
439	37K-501.02	Nghệ An	2039	37C-594.68	Nghệ An	3639	37K-486.87	Nghệ An
440	37K-501.33	Nghệ An	2040	37K-490.66	Nghệ An	3640	37K-491.19	Nghệ An
441	37K-503.89	Nghệ An	2041	37K-498.55	Nghệ An	3641	37K-493.99	Nghệ An
442	37K-507.00	Nghệ An	2042	37K-500.88	Nghệ An	3642	37K-494.88	Nghệ An
443	37K-515.69	Nghệ An	2043	37K-504.22	Nghệ An	3643	37K-498.33	Nghệ An
444	37K-527.79	Nghệ An	2044	37K-506.22	Nghệ An	3644	37K-502.55	Nghệ An
445	37K-529.66	Nghệ An	2045	37K-508.50	Nghệ An	3645	37K-511.12	Nghệ An
446	37K-532.44	Nghệ An	2046	37K-510.79	Nghệ An	3646	37K-515.33	Nghệ An
447	37K-535.35	Nghệ An	2047	37K-514.14	Nghệ An	3647	37K-526.77	Nghệ An
448	37K-536.00	Nghệ An	2048	37K-514.69	Nghệ An	3648	37K-531.55	Nghệ An



Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	37K-537.22	Nghệ An	2049	37K-532.23	Nghệ An	3649	37K-533.79	Nghệ An
450	37K-540.04	Nghệ An	2050	37K-533.35	Nghệ An	3650	37K-536.55	Nghệ An
451	37K-546.86	Nghệ An	2051	37K-534.77	Nghệ An	3651	37K-544.79	Nghệ An
452	37K-549.22	Nghệ An	2052	37K-535.99	Nghệ An	3652	37K-552.89	Nghệ An
453	37K-549.33	Nghệ An	2053	37K-539.77	Nghệ An	3653	37K-553.66	Nghệ An
454	37K-558.79	Nghệ An	2054	37K-546.44	Nghệ An	3654	37K-558.59	Nghệ An
455	37K-560.44	Nghệ An	2055	37K-550.86	Nghệ An	3655	37K-567.68	Nghệ An
456	37K-562.11	Nghệ An	2056	37K-552.53	Nghệ An	3656	37K-567.99	Nghệ An
457	37K-562.55	Nghệ An	2057	37K-553.33	Nghệ An	3657	38A-680.89	Hà Tĩnh
458	37K-570.77	Nghệ An	2058	37K-554.33	Nghệ An	3658	38A-692.86	Hà Tĩnh
459	37K-572.55	Nghệ An	2059	37K-556.22	Nghệ An	3659	38A-696.11	Hà Tĩnh
460	38A-681.88	Hà Tĩnh	2060	37K-556.39	Nghệ An	3660	38A-703.88	Hà Tĩnh
461	38A-693.44	Hà Tĩnh	2061	37K-556.88	Nghệ An	3661	38A-711.69	Hà Tĩnh
462	38A-702.99	Hà Tĩnh	2062	37K-562.00	Nghệ An	3662	38B-023.39	Hà Tĩnh
463	38A-703.68	Hà Tĩnh	2063	37K-563.89	Nghệ An	3663	38B-023.79	Hà Tĩnh
464	38A-705.22	Hà Tĩnh	2064	37K-570.55	Nghệ An	3664	38B-026.88	Hà Tĩnh
465	38A-705.89	Hà Tĩnh	2065	38A-690.55	Hà Tĩnh	3665	43A-947.89	Đà Nẵng
466	38A-710.89	Hà Tĩnh	2066	38A-691.44	Hà Tĩnh	3666	43A-951.55	Đà Nẵng
467	38C-249.94	Hà Tĩnh	2067	38A-691.69	Hà Tĩnh	3667	43A-963.22	Đà Nẵng
468	38C-251.79	Hà Tĩnh	2068	38A-692.44	Hà Tĩnh	3668	43A-963.64	Đà Nẵng
469	38D-023.44	Hà Tĩnh	2069	38A-701.66	Hà Tĩnh	3669	43A-965.86	Đà Nẵng
470	43A-949.79	Đà Nẵng	2070	38A-708.86	Hà Tĩnh	3670	43A-971.11	Đà Nẵng
471	43A-958.69	Đà Nẵng	2071	38A-709.22	Hà Tĩnh	3671	43A-980.11	Đà Nẵng
472	43A-962.33	Đà Nẵng	2072	38C-244.00	Hà Tĩnh	3672	43A-980.44	Đà Nẵng
473	43A-965.79	Đà Nẵng	2073	38C-244.99	Hà Tĩnh	3673	43B-064.33	Đà Nẵng
474	43A-978.33	Đà Nẵng	2074	38C-247.89	Hà Tĩnh	3674	43C-316.44	Đà Nẵng
475	43A-978.55	Đà Nẵng	2075	38D-023.20	Hà Tĩnh	3675	43C-324.25	Đà Nẵng
476	43C-320.86	Đà Nẵng	2076	43A-945.66	Đà Nẵng	3676	43D-012.68	Đà Nẵng
477	47A-814.89	Đắk Lắk	2077	43A-948.68	Đà Nẵng	3677	43D-012.79	Đà Nẵng
478	47A-815.44	Đắk Lắk	2078	43A-950.95	Đà Nẵng	3678	47A-813.88	Đắk Lắk
479	47A-834.99	Đắk Lắk	2079	43A-977.66	Đà Nẵng	3679	47A-819.88	Đắk Lắk
480	47A-844.22	Đắk Lắk	2080	43A-980.86	Đà Nẵng	3680	47A-821.66	Đắk Lắk
481	47A-844.48	Đắk Lắk	2081	43B-067.06	Đà Nẵng	3681	47A-824.39	Đắk Lắk
482	47A-846.86	Đắk Lắk	2082	43C-322.77	Đà Nẵng	3682	47A-825.00	Đắk Lắk
483	47A-852.33	Đắk Lắk	2083	47A-846.22	Đắk Lắk	3683	47A-829.82	Đắk Lắk
484	47A-861.22	Đắk Lắk	2084	47A-852.68	Đắk Lắk	3684	47A-831.38	Đắk Lắk
485	47A-863.00	Đắk Lắk	2085	47A-858.39	Đắk Lắk	3685	47A-837.66	Đắk Lắk
486	47B-044.22	Đắk Lắk	2086	47A-860.89	Đắk Lắk	3686	47A-846.68	Đắk Lắk
487	47B-045.66	Đắk Lắk	2087	47B-043.86	Đắk Lắk	3687	47A-850.58	Đắk Lắk
488	47C-398.55	Đắk Lắk	2088	47B-044.68	Đắk Lắk	3688	47A-854.77	Đắk Lắk
489	47C-405.00	Đắk Lắk	2089	47B-045.89	Đắk Lắk	3689	47A-857.75	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	47C-407.55	Đắk Lắk	2090	47C-403.88	Đắk Lắk	3690	47A-863.63	Đắk Lắk
491	47C-416.22	Đắk Lắk	2091	47C-406.60	Đắk Lắk	3691	47B-042.79	Đắk Lắk
492	47C-418.11	Đắk Lắk	2092	47C-409.04	Đắk Lắk	3692	47B-045.22	Đắk Lắk
493	47C-421.12	Đắk Lắk	2093	47C-409.90	Đắk Lắk	3693	47C-403.04	Đắk Lắk
494	47C-421.55	Đắk Lắk	2094	47C-413.39	Đắk Lắk	3694	47C-403.40	Đắk Lắk
495	47D-021.79	Đắk Lắk	2095	47C-415.68	Đắk Lắk	3695	47C-409.11	Đắk Lắk
496	47D-024.68	Đắk Lắk	2096	47C-417.18	Đắk Lắk	3696	47C-412.86	Đắk Lắk
497	48A-249.69	Đắk Nông	2097	47C-419.44	Đắk Lắk	3697	47C-413.11	Đắk Lắk
498	48A-258.55	Đắk Nông	2098	47C-419.95	Đắk Lắk	3698	47C-413.44	Đắk Lắk
499	48A-259.55	Đắk Nông	2099	47C-421.39	Đắk Lắk	3699	47C-414.68	Đắk Lắk
500	48C-116.33	Đắk Nông	2100	47D-020.68	Đắk Lắk	3700	47C-415.55	Đắk Lắk
501	48C-116.89	Đắk Nông	2101	47D-025.20	Đắk Lắk	3701	47C-416.79	Đắk Lắk
502	48D-008.66	Đắk Nông	2102	48A-252.77	Đắk Nông	3702	47C-417.71	Đắk Lắk
503	49A-748.49	Lâm Đồng	2103	48A-253.53	Đắk Nông	3703	47C-419.69	Đắk Lắk
504	49A-750.68	Lâm Đồng	2104	48A-254.33	Đắk Nông	3704	48A-249.24	Đắk Nông
505	49A-754.88	Lâm Đồng	2105	48A-257.69	Đắk Nông	3705	48A-254.88	Đắk Nông
506	49A-759.55	Lâm Đồng	2106	48B-016.33	Đắk Nông	3706	48C-116.44	Đắk Nông
507	49A-763.00	Lâm Đồng	2107	48C-116.39	Đắk Nông	3707	48C-121.89	Đắk Nông
508	49A-775.33	Lâm Đồng	2108	48C-120.33	Đắk Nông	3708	48D-006.68	Đắk Nông
509	49A-776.79	Lâm Đồng	2109	48C-120.68	Đắk Nông	3709	49A-759.00	Lâm Đồng
510	49C-389.77	Lâm Đồng	2110	48C-122.79	Đắk Nông	3710	49A-764.33	Lâm Đồng
511	49C-393.44	Lâm Đồng	2111	49A-746.89	Lâm Đồng	3711	49A-764.55	Lâm Đồng
512	49C-396.33	Lâm Đồng	2112	49A-747.00	Lâm Đồng	3712	49A-769.76	Lâm Đồng
513	49D-018.79	Lâm Đồng	2113	49A-749.22	Lâm Đồng	3713	49C-395.00	Lâm Đồng
514	51B-714.77	Hồ Chí Minh	2114	49A-759.75	Lâm Đồng	3714	49D-015.69	Lâm Đồng
515	51E-344.34	Hồ Chí Minh	2115	49A-761.77	Lâm Đồng	3715	49D-018.44	Lâm Đồng
516	51E-345.86	Hồ Chí Minh	2116	49A-769.22	Lâm Đồng	3716	51E-343.43	Hồ Chí Minh
517	60B-078.88	Đồng Nai	2117	49A-772.73	Lâm Đồng	3717	51E-347.68	Hồ Chí Minh
518	60C-762.33	Đồng Nai	2118	49A-781.22	Lâm Đồng	3718	60B-078.86	Đồng Nai
519	60C-773.86	Đồng Nai	2119	49C-384.48	Lâm Đồng	3719	60B-079.33	Đồng Nai
520	60C-778.78	Đồng Nai	2120	49C-391.77	Lâm Đồng	3720	60B-079.39	Đồng Nai
521	60C-782.33	Đồng Nai	2121	49D-017.88	Lâm Đồng	3721	60C-758.57	Đồng Nai
522	60C-782.78	Đồng Nai	2122	51E-343.33	Hồ Chí Minh	3722	60C-760.68	Đồng Nai
523	60C-784.00	Đồng Nai	2123	51E-353.39	Hồ Chí Minh	3723	60C-761.67	Đồng Nai
524	60C-785.77	Đồng Nai	2124	51E-353.79	Hồ Chí Minh	3724	60C-761.86	Đồng Nai
525	60D-023.79	Đồng Nai	2125	60C-771.55	Đồng Nai	3725	60C-763.64	Đồng Nai
526	60K-620.39	Đồng Nai	2126	60C-776.00	Đồng Nai	3726	60C-764.99	Đồng Nai
527	60K-620.77	Đồng Nai	2127	60C-777.24	Đồng Nai	3727	60C-772.79	Đồng Nai
528	60K-620.99	Đồng Nai	2128	60C-788.55	Đồng Nai	3728	60C-777.46	Đồng Nai
529	60K-626.79	Đồng Nai	2129	60C-792.92	Đồng Nai	3729	60C-777.47	Đồng Nai
530	60K-628.69	Đồng Nai	2130	60D-022.55	Đồng Nai	3730	60C-780.11	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	60K-637.99	Đồng Nai	2131	60D-024.42	Đồng Nai	3731	60K-625.00	Đồng Nai
532	60K-642.88	Đồng Nai	2132	60K-623.32	Đồng Nai	3732	60K-626.88	Đồng Nai
533	60K-649.11	Đồng Nai	2133	60K-623.99	Đồng Nai	3733	60K-630.86	Đồng Nai
534	60K-649.68	Đồng Nai	2134	60K-624.39	Đồng Nai	3734	60K-632.63	Đồng Nai
535	60K-649.96	Đồng Nai	2135	60K-638.33	Đồng Nai	3735	60K-634.79	Đồng Nai
536	60K-658.11	Đồng Nai	2136	60K-645.66	Đồng Nai	3736	60K-647.89	Đồng Nai
537	60K-658.59	Đồng Nai	2137	60K-646.55	Đồng Nai	3737	60K-650.50	Đồng Nai
538	60K-694.22	Đồng Nai	2138	60K-652.69	Đồng Nai	3738	60K-653.39	Đồng Nai
539	60K-694.33	Đồng Nai	2139	60K-653.11	Đồng Nai	3739	60K-656.00	Đồng Nai
540	60K-694.49	Đồng Nai	2140	60K-653.77	Đồng Nai	3740	60K-664.00	Đồng Nai
541	60K-698.69	Đồng Nai	2141	60K-655.39	Đồng Nai	3741	60K-664.39	Đồng Nai
542	61C-614.55	Bình Dương	2142	60K-663.00	Đồng Nai	3742	60K-664.99	Đồng Nai
543	61C-625.86	Bình Dương	2143	60K-665.89	Đồng Nai	3743	60K-666.57	Đồng Nai
544	61C-630.77	Bình Dương	2144	60K-674.67	Đồng Nai	3744	60K-668.11	Đồng Nai
545	61C-631.32	Bình Dương	2145	60K-676.44	Đồng Nai	3745	60K-670.44	Đồng Nai
546	61C-635.55	Bình Dương	2146	60K-676.86	Đồng Nai	3746	60K-672.33	Đồng Nai
547	61C-640.11	Bình Dương	2147	60K-684.77	Đồng Nai	3747	60K-672.44	Đồng Nai
548	61K-523.99	Bình Dương	2148	60K-687.22	Đồng Nai	3748	60K-673.79	Đồng Nai
549	61K-529.77	Bình Dương	2149	60K-690.11	Đồng Nai	3749	60K-676.67	Đồng Nai
550	61K-530.55	Bình Dương	2150	60K-695.00	Đồng Nai	3750	60K-688.44	Đồng Nai
551	61K-536.89	Bình Dương	2151	60K-698.55	Đồng Nai	3751	60K-690.33	Đồng Nai
552	61K-552.88	Bình Dương	2152	61C-619.00	Bình Dương	3752	60K-694.66	Đồng Nai
553	61K-575.75	Bình Dương	2153	61C-630.55	Bình Dương	3753	60K-698.00	Đồng Nai
554	61K-579.55	Bình Dương	2154	61D-022.68	Bình Dương	3754	60K-698.68	Đồng Nai
555	61K-580.11	Bình Dương	2155	61K-525.68	Bình Dương	3755	61B-047.89	Bình Dương
556	61K-587.88	Bình Dương	2156	61K-525.69	Bình Dương	3756	61C-612.89	Bình Dương
557	61K-588.33	Bình Dương	2157	61K-527.22	Bình Dương	3757	61C-613.99	Bình Dương
558	61K-589.98	Bình Dương	2158	61K-529.96	Bình Dương	3758	61C-623.11	Bình Dương
559	62A-471.17	Long An	2159	61K-530.66	Bình Dương	3759	61C-626.89	Bình Dương
560	62A-476.74	Long An	2160	61K-534.34	Bình Dương	3760	61C-638.22	Bình Dương
561	62A-477.00	Long An	2161	61K-549.88	Bình Dương	3761	61C-641.00	Bình Dương
562	62A-479.00	Long An	2162	61K-555.89	Bình Dương	3762	61C-641.66	Bình Dương
563	62A-485.58	Long An	2163	61K-561.55	Bình Dương	3763	61D-023.23	Bình Dương
564	62A-488.84	Long An	2164	61K-563.89	Bình Dương	3764	61D-024.20	Bình Dương
565	62A-492.44	Long An	2165	61K-572.73	Bình Dương	3765	61K-530.00	Bình Dương
566	62A-492.77	Long An	2166	61K-577.78	Bình Dương	3766	61K-534.55	Bình Dương
567	62C-217.22	Long An	2167	61K-577.86	Bình Dương	3767	61K-549.55	Bình Dương
568	62C-221.69	Long An	2168	61K-577.88	Bình Dương	3768	61K-555.38	Bình Dương
569	62C-222.45	Long An	2169	61K-580.58	Bình Dương	3769	61K-557.58	Bình Dương
570	62C-223.00	Long An	2170	61K-580.66	Bình Dương	3770	61K-561.39	Bình Dương
571	62D-015.44	Long An	2171	61K-582.11	Bình Dương	3771	61K-568.39	Bình Dương

01/11/2024
 CÔNG
 AN
 TỈNH
 DƯƠNG
 AN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
572	62D-015.51	Long An	2172	61K-583.00	Bình Dương	3772	61K-570.69	Bình Dương
573	63A-324.44	Tiền Giang	2173	61K-595.95	Bình Dương	3773	61K-572.75	Bình Dương
574	63A-328.66	Tiền Giang	2174	62A-470.66	Long An	3774	61K-576.76	Bình Dương
575	63A-342.43	Tiền Giang	2175	62A-482.28	Long An	3775	61K-583.79	Bình Dương
576	63B-033.88	Tiền Giang	2176	62A-482.44	Long An	3776	61K-583.89	Bình Dương
577	63C-232.00	Tiền Giang	2177	62A-491.86	Long An	3777	61K-586.77	Bình Dương
578	63C-238.38	Tiền Giang	2178	62B-032.69	Long An	3778	61K-588.58	Bình Dương
579	64A-203.66	Vĩnh Long	2179	62C-217.88	Long An	3779	61K-594.88	Bình Dương
580	64A-204.05	Vĩnh Long	2180	62C-219.12	Long An	3780	62A-471.77	Long An
581	64B-017.00	Vĩnh Long	2181	62C-219.91	Long An	3781	62A-483.39	Long An
582	64C-137.11	Vĩnh Long	2182	62C-221.89	Long An	3782	62A-483.44	Long An
583	64D-007.07	Vĩnh Long	2183	62C-222.15	Long An	3783	62A-492.39	Long An
584	64D-008.79	Vĩnh Long	2184	62C-222.57	Long An	3784	62C-216.99	Long An
585	64D-009.77	Vĩnh Long	2185	62D-017.79	Long An	3785	62C-220.39	Long An
586	65A-516.99	Cần Thơ	2186	63A-324.68	Tiền Giang	3786	62C-222.34	Long An
587	65A-518.89	Cần Thơ	2187	63A-325.11	Tiền Giang	3787	63A-327.33	Tiền Giang
588	65A-524.55	Cần Thơ	2188	63A-326.62	Tiền Giang	3788	63A-329.86	Tiền Giang
589	65A-534.39	Cần Thơ	2189	63A-326.68	Tiền Giang	3789	63A-331.13	Tiền Giang
590	65B-027.66	Cần Thơ	2190	63A-330.89	Tiền Giang	3790	63A-338.38	Tiền Giang
591	65B-028.00	Cần Thơ	2191	63A-338.86	Tiền Giang	3791	63A-340.33	Tiền Giang
592	65C-250.77	Cần Thơ	2192	63A-340.00	Tiền Giang	3792	63C-229.69	Tiền Giang
593	65C-261.39	Cần Thơ	2193	63A-340.66	Tiền Giang	3793	63C-233.79	Tiền Giang
594	65C-262.86	Cần Thơ	2194	63B-033.03	Tiền Giang	3794	63C-236.55	Tiền Giang
595	65C-265.33	Cần Thơ	2195	63B-035.22	Tiền Giang	3795	63C-237.32	Tiền Giang
596	65C-279.68	Cần Thơ	2196	63B-035.33	Tiền Giang	3796	64A-205.44	Vĩnh Long
597	65D-014.01	Cần Thơ	2197	63C-230.88	Tiền Giang	3797	64A-208.20	Vĩnh Long
598	66A-309.00	Đồng Tháp	2198	63C-238.89	Tiền Giang	3798	64A-212.77	Vĩnh Long
599	66A-309.09	Đồng Tháp	2199	63C-239.89	Tiền Giang	3799	64B-017.33	Vĩnh Long
600	66A-311.79	Đồng Tháp	2200	63D-012.12	Tiền Giang	3800	65A-517.69	Cần Thơ
601	66A-316.11	Đồng Tháp	2201	63D-013.99	Tiền Giang	3801	65A-522.23	Cần Thơ
602	66C-183.69	Đồng Tháp	2202	64A-209.68	Vĩnh Long	3802	65A-522.55	Cần Thơ
603	66C-184.48	Đồng Tháp	2203	64A-210.99	Vĩnh Long	3803	65C-259.00	Cần Thơ
604	66C-185.18	Đồng Tháp	2204	64B-016.88	Vĩnh Long	3804	65C-263.39	Cần Thơ
605	66C-188.18	Đồng Tháp	2205	65A-525.11	Cần Thơ	3805	65C-263.55	Cần Thơ
606	66D-015.16	Đồng Tháp	2206	65A-529.68	Cần Thơ	3806	65C-263.63	Cần Thơ
607	67A-329.44	An Giang	2207	65B-028.82	Cần Thơ	3807	65C-269.11	Cần Thơ
608	67A-336.00	An Giang	2208	65C-250.89	Cần Thơ	3808	65C-270.33	Cần Thơ
609	67A-342.79	An Giang	2209	65C-251.51	Cần Thơ	3809	65D-011.33	Cần Thơ
610	67C-193.44	An Giang	2210	65C-264.44	Cần Thơ	3810	66A-305.68	Đồng Tháp
611	67D-010.33	An Giang	2211	65C-267.22	Cần Thơ	3811	66A-306.60	Đồng Tháp
612	68A-372.79	Kiên Giang	2212	65C-273.33	Cần Thơ	3812	66A-312.77	Đồng Tháp

TỶ
IẢ
NH
AM
T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
613	68A-376.33	Kiên Giang	2213	65C-273.44	Cần Thơ	3813	66A-316.55	Đồng Tháp
614	68A-379.86	Kiên Giang	2214	65C-274.88	Cần Thơ	3814	66A-317.00	Đồng Tháp
615	68C-183.44	Kiên Giang	2215	66A-302.44	Đồng Tháp	3815	66B-024.44	Đồng Tháp
616	68C-184.11	Kiên Giang	2216	66A-306.03	Đồng Tháp	3816	66B-024.86	Đồng Tháp
617	68D-010.89	Kiên Giang	2217	66A-317.88	Đồng Tháp	3817	66B-025.55	Đồng Tháp
618	69A-173.44	Cà Mau	2218	66B-026.86	Đồng Tháp	3818	66B-026.68	Đồng Tháp
619	69B-015.44	Cà Mau	2219	66C-189.86	Đồng Tháp	3819	66B-026.99	Đồng Tháp
620	69C-107.68	Cà Mau	2220	67A-333.25	An Giang	3820	66C-184.88	Đồng Tháp
621	69C-108.33	Cà Mau	2221	67A-338.33	An Giang	3821	66C-191.55	Đồng Tháp
622	69C-109.10	Cà Mau	2222	67A-346.22	An Giang	3822	67A-335.33	An Giang
623	70A-585.69	Tây Ninh	2223	67C-191.77	An Giang	3823	67B-031.77	An Giang
624	70A-590.90	Tây Ninh	2224	67C-194.49	An Giang	3824	67C-193.91	An Giang
625	70A-591.69	Tây Ninh	2225	67C-195.44	An Giang	3825	67D-008.99	An Giang
626	70A-596.00	Tây Ninh	2226	67C-195.96	An Giang	3826	68A-368.11	Kiên Giang
627	70A-596.55	Tây Ninh	2227	67C-196.00	An Giang	3827	68A-370.07	Kiên Giang
628	70A-598.00	Tây Ninh	2228	68A-371.00	Kiên Giang	3828	68A-370.37	Kiên Giang
629	70A-601.39	Tây Ninh	2229	68A-374.39	Kiên Giang	3829	68A-371.39	Kiên Giang
630	70A-615.69	Tây Ninh	2230	68A-375.69	Kiên Giang	3830	68A-378.68	Kiên Giang
631	70B-035.55	Tây Ninh	2231	68A-376.77	Kiên Giang	3831	68B-037.69	Kiên Giang
632	70C-217.55	Tây Ninh	2232	68C-184.99	Kiên Giang	3832	68C-183.00	Kiên Giang
633	70D-013.33	Tây Ninh	2233	68C-185.58	Kiên Giang	3833	68C-184.66	Kiên Giang
634	70D-013.89	Tây Ninh	2234	69A-170.70	Cà Mau	3834	68D-009.89	Kiên Giang
635	71A-213.44	Bến Tre	2235	69B-015.69	Cà Mau	3835	69A-171.79	Cà Mau
636	71A-215.11	Bến Tre	2236	69C-104.99	Cà Mau	3836	69B-017.00	Cà Mau
637	71A-216.33	Bến Tre	2237	69C-105.00	Cà Mau	3837	69D-005.66	Cà Mau
638	71A-218.11	Bến Tre	2238	70A-590.00	Tây Ninh	3838	70A-586.87	Tây Ninh
639	71A-218.99	Bến Tre	2239	70A-599.55	Tây Ninh	3839	70A-587.85	Tây Ninh
640	71B-023.24	Bến Tre	2240	70A-602.11	Tây Ninh	3840	70A-593.59	Tây Ninh
641	71B-023.69	Bến Tre	2241	70A-613.39	Tây Ninh	3841	70A-598.86	Tây Ninh
642	71B-024.99	Bến Tre	2242	70C-213.77	Tây Ninh	3842	70A-606.44	Tây Ninh
643	71C-135.44	Bến Tre	2243	70C-217.88	Tây Ninh	3843	70A-607.60	Tây Ninh
644	72A-850.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2244	71A-213.11	Bến Tre	3844	70B-035.86	Tây Ninh
645	72A-863.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2245	71A-213.99	Bến Tre	3845	70C-214.89	Tây Ninh
646	72A-864.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2246	71B-026.00	Bến Tre	3846	71A-212.66	Bến Tre
647	72A-868.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2247	71C-135.89	Bến Tre	3847	71A-216.86	Bến Tre
648	72A-873.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2248	71C-136.69	Bến Tre	3848	71C-135.31	Bến Tre
649	72A-875.57	Bà Rịa - Vũng Tàu	2249	71C-137.33	Bến Tre	3849	71D-005.68	Bến Tre
650	72A-877.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2250	71D-008.99	Bến Tre	3850	71D-007.00	Bến Tre
651	72B-046.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2251	72A-860.61	Bà Rịa - Vũng Tàu	3851	71D-009.00	Bến Tre
652	72B-046.04	Bà Rịa - Vũng Tàu	2252	72A-861.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	3852	72A-847.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
653	72B-047.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2253	72A-870.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	3853	72A-848.11	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
654	72B-048.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2254	72A-871.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3854	72A-868.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
655	72C-264.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	2255	72A-871.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	3855	72C-273.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
656	72C-266.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2256	72A-874.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3856	72C-275.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
657	72C-270.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	2257	72A-881.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	3857	72D-014.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
658	72C-275.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2258	72A-881.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	3858	73A-370.73	Quảng Bình
659	72C-282.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	2259	72B-046.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3859	73A-374.47	Quảng Bình
660	73A-372.66	Quảng Bình	2260	72C-268.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	3860	73A-376.44	Quảng Bình
661	73A-374.39	Quảng Bình	2261	72C-271.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3861	73A-378.86	Quảng Bình
662	73A-378.68	Quảng Bình	2262	72C-276.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	3862	73C-191.77	Quảng Bình
663	73B-018.66	Quảng Bình	2263	72C-276.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	3863	73C-195.19	Quảng Bình
664	73C-196.89	Quảng Bình	2264	72D-014.41	Bà Rịa - Vũng Tàu	3864	73C-196.91	Quảng Bình
665	74C-145.41	Quảng Trị	2265	73A-369.55	Quảng Bình	3865	73D-008.55	Quảng Bình
666	74C-148.00	Quảng Trị	2266	73A-370.39	Quảng Bình	3866	74A-280.00	Quảng Trị
667	75A-390.79	Thừa Thiên Huế	2267	73A-372.44	Quảng Bình	3867	74B-020.77	Quảng Trị
668	75A-396.55	Thừa Thiên Huế	2268	73B-017.01	Quảng Bình	3868	74C-146.22	Quảng Trị
669	75A-402.86	Thừa Thiên Huế	2269	73B-019.39	Quảng Bình	3869	74C-146.86	Quảng Trị
670	75A-403.03	Thừa Thiên Huế	2270	73D-010.22	Quảng Bình	3870	74D-012.39	Quảng Trị
671	75B-031.33	Thừa Thiên Huế	2271	74A-278.66	Quảng Trị	3871	74D-014.55	Quảng Trị
672	75B-031.39	Thừa Thiên Huế	2272	74A-280.28	Quảng Trị	3872	75A-396.68	Thừa Thiên Huế
673	76A-323.89	Quảng Ngãi	2273	74A-286.44	Quảng Trị	3873	75A-399.22	Thừa Thiên Huế
674	76A-325.77	Quảng Ngãi	2274	74A-286.55	Quảng Trị	3874	75A-399.93	Thừa Thiên Huế
675	76A-328.22	Quảng Ngãi	2275	74B-019.22	Quảng Trị	3875	75B-032.33	Thừa Thiên Huế
676	76B-027.89	Quảng Ngãi	2276	75A-397.88	Thừa Thiên Huế	3876	75B-033.00	Thừa Thiên Huế
677	76B-028.69	Quảng Ngãi	2277	75B-032.11	Thừa Thiên Huế	3877	75C-157.58	Thừa Thiên Huế
678	76D-015.01	Quảng Ngãi	2278	75C-157.11	Thừa Thiên Huế	3878	75C-162.44	Thừa Thiên Huế
679	76D-015.51	Quảng Ngãi	2279	75C-162.77	Thừa Thiên Huế	3879	75C-164.39	Thừa Thiên Huế
680	77A-358.77	Bình Định	2280	76A-325.00	Quảng Ngãi	3880	75D-012.89	Thừa Thiên Huế
681	77A-360.99	Bình Định	2281	76A-328.77	Quảng Ngãi	3881	75D-013.01	Thừa Thiên Huế
682	77A-367.77	Bình Định	2282	76A-330.68	Quảng Ngãi	3882	76A-324.32	Quảng Ngãi
683	77B-038.33	Bình Định	2283	76C-180.55	Quảng Ngãi	3883	76A-330.55	Quảng Ngãi
684	77C-261.44	Bình Định	2284	77A-359.35	Bình Định	3884	76A-331.99	Quảng Ngãi
685	77C-264.11	Bình Định	2285	77A-361.00	Bình Định	3885	76A-333.46	Quảng Ngãi
686	77D-007.66	Bình Định	2286	77A-362.99	Bình Định	3886	76A-335.35	Quảng Ngãi
687	78B-018.99	Phú Yên	2287	77A-371.77	Bình Định	3887	76A-336.11	Quảng Ngãi
688	79A-574.86	Khánh Hòa	2288	78A-220.22	Phú Yên	3888	77A-357.35	Bình Định
689	79A-576.67	Khánh Hòa	2289	78A-222.45	Phú Yên	3889	77A-360.63	Bình Định
690	79A-580.81	Khánh Hòa	2290	78A-223.77	Phú Yên	3890	77A-370.79	Bình Định
691	79A-589.58	Khánh Hòa	2291	78A-224.25	Phú Yên	3891	77B-039.03	Bình Định
692	79A-589.68	Khánh Hòa	2292	78C-127.00	Phú Yên	3892	77D-008.77	Bình Định
693	79A-590.59	Khánh Hòa	2293	78D-007.79	Phú Yên	3893	77D-010.55	Bình Định
694	79A-593.77	Khánh Hòa	2294	79A-569.44	Khánh Hòa	3894	78A-215.89	Phú Yên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
695	79A-594.39	Khánh Hòa	2295	79A-573.37	Khánh Hòa	3895	78A-216.44	Phú Yên
696	79A-594.77	Khánh Hòa	2296	79A-574.39	Khánh Hòa	3896	78A-222.08	Phú Yên
697	79C-228.00	Khánh Hòa	2297	79A-581.86	Khánh Hòa	3897	78C-128.99	Phú Yên
698	79C-231.68	Khánh Hòa	2298	79A-585.99	Khánh Hòa	3898	78C-129.00	Phú Yên
699	79C-231.69	Khánh Hòa	2299	79C-230.22	Khánh Hòa	3899	78C-129.39	Phú Yên
700	79D-013.33	Khánh Hòa	2300	79C-232.44	Khánh Hòa	3900	78D-010.00	Phú Yên
701	81A-453.39	Gia Lai	2301	79C-234.00	Khánh Hòa	3901	79A-570.69	Khánh Hòa
702	81A-457.44	Gia Lai	2302	79D-011.88	Khánh Hòa	3902	79A-575.66	Khánh Hòa
703	81A-457.58	Gia Lai	2303	79D-013.31	Khánh Hòa	3903	79A-577.78	Khánh Hòa
704	81A-459.33	Gia Lai	2304	81A-456.33	Gia Lai	3904	79A-578.57	Khánh Hòa
705	81A-461.64	Gia Lai	2305	81A-461.16	Gia Lai	3905	79A-591.44	Khánh Hòa
706	81A-463.63	Gia Lai	2306	81A-473.89	Gia Lai	3906	79C-231.39	Khánh Hòa
707	81A-465.65	Gia Lai	2307	81B-028.28	Gia Lai	3907	79C-234.23	Khánh Hòa
708	81A-467.99	Gia Lai	2308	81C-284.44	Gia Lai	3908	79D-010.66	Khánh Hòa
709	81A-468.22	Gia Lai	2309	81C-289.96	Gia Lai	3909	81A-459.69	Gia Lai
710	81A-471.86	Gia Lai	2310	81C-290.77	Gia Lai	3910	81A-477.39	Gia Lai
711	81A-472.73	Gia Lai	2311	81C-291.79	Gia Lai	3911	81A-479.22	Gia Lai
712	81A-473.47	Gia Lai	2312	81C-295.88	Gia Lai	3912	81B-028.29	Gia Lai
713	81A-478.22	Gia Lai	2313	81D-014.10	Gia Lai	3913	81B-029.33	Gia Lai
714	81B-029.88	Gia Lai	2314	82A-163.63	Kon Tum	3914	81C-283.66	Gia Lai
715	81C-288.44	Gia Lai	2315	82A-164.69	Kon Tum	3915	81C-290.33	Gia Lai
716	81C-291.33	Gia Lai	2316	82A-164.79	Kon Tum	3916	81C-290.90	Gia Lai
717	81C-298.44	Gia Lai	2317	82C-098.44	Kon Tum	3917	81C-293.33	Gia Lai
718	81D-015.00	Gia Lai	2318	82C-098.68	Kon Tum	3918	81C-294.66	Gia Lai
719	82A-159.44	Kon Tum	2319	82C-098.77	Kon Tum	3919	81C-297.97	Gia Lai
720	82C-097.11	Kon Tum	2320	82D-014.41	Kon Tum	3920	81D-016.22	Gia Lai
721	83A-197.00	Sóc Trăng	2321	83A-193.44	Sóc Trăng	3921	82A-164.46	Kon Tum
722	83C-134.86	Sóc Trăng	2322	83A-196.33	Sóc Trăng	3922	82B-023.33	Kon Tum
723	83C-135.22	Sóc Trăng	2323	83A-200.39	Sóc Trăng	3923	82B-024.11	Kon Tum
724	83C-136.36	Sóc Trăng	2324	83C-136.11	Sóc Trăng	3924	83A-194.66	Sóc Trăng
725	83C-139.44	Sóc Trăng	2325	84B-020.39	Trà Vinh	3925	83B-026.20	Sóc Trăng
726	84A-147.00	Trà Vinh	2326	85A-146.77	Ninh Thuận	3926	83C-138.33	Sóc Trăng
727	84D-008.44	Trà Vinh	2327	85A-148.69	Ninh Thuận	3927	84A-146.77	Trà Vinh
728	85A-146.64	Ninh Thuận	2328	85A-149.88	Ninh Thuận	3928	84A-152.15	Trà Vinh
729	85A-150.44	Ninh Thuận	2329	85A-152.00	Ninh Thuận	3929	84B-020.20	Trà Vinh
730	86A-327.44	Bình Thuận	2330	85B-014.77	Ninh Thuận	3930	84B-020.89	Trà Vinh
731	86A-329.11	Bình Thuận	2331	85B-016.33	Ninh Thuận	3931	84B-023.23	Trà Vinh
732	86B-026.79	Bình Thuận	2332	85B-017.00	Ninh Thuận	3932	84C-128.12	Trà Vinh
733	86C-209.89	Bình Thuận	2333	85D-009.11	Ninh Thuận	3933	84C-128.79	Trà Vinh
734	88A-789.69	Vĩnh Phúc	2334	86A-330.00	Bình Thuận	3934	85A-147.33	Ninh Thuận
735	88A-798.68	Vĩnh Phúc	2335	86B-025.77	Bình Thuận	3935	85D-008.08	Ninh Thuận

01/11/2024
 ÔNG
 ĐẦU G
 ỚP DA
 IỆT N
 XUÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
736	88A-804.00	Vĩnh Phúc	2336	86B-026.69	Bình Thuận	3936	85D-009.79	Ninh Thuận
737	88A-804.11	Vĩnh Phúc	2337	86B-028.28	Bình Thuận	3937	86A-320.39	Bình Thuận
738	88A-804.40	Vĩnh Phúc	2338	86C-213.21	Bình Thuận	3938	86A-322.88	Bình Thuận
739	88A-804.99	Vĩnh Phúc	2339	86D-006.88	Bình Thuận	3939	86A-324.55	Bình Thuận
740	88A-808.09	Vĩnh Phúc	2340	88A-789.78	Vĩnh Phúc	3940	86A-332.44	Bình Thuận
741	88A-812.00	Vĩnh Phúc	2341	88A-796.33	Vĩnh Phúc	3941	86A-334.39	Bình Thuận
742	88A-813.18	Vĩnh Phúc	2342	88A-801.00	Vĩnh Phúc	3942	86C-209.22	Bình Thuận
743	88A-813.69	Vĩnh Phúc	2343	88A-805.11	Vĩnh Phúc	3943	86C-211.69	Bình Thuận
744	88A-821.66	Vĩnh Phúc	2344	88A-805.89	Vĩnh Phúc	3944	88A-789.86	Vĩnh Phúc
745	88A-827.39	Vĩnh Phúc	2345	88A-813.55	Vĩnh Phúc	3945	88A-801.44	Vĩnh Phúc
746	88B-023.23	Vĩnh Phúc	2346	88A-819.69	Vĩnh Phúc	3946	88A-803.44	Vĩnh Phúc
747	88C-310.31	Vĩnh Phúc	2347	88A-826.62	Vĩnh Phúc	3947	88A-803.68	Vĩnh Phúc
748	88C-311.66	Vĩnh Phúc	2348	88C-310.13	Vĩnh Phúc	3948	88A-806.99	Vĩnh Phúc
749	88C-314.99	Vĩnh Phúc	2349	88C-312.44	Vĩnh Phúc	3949	88A-815.86	Vĩnh Phúc
750	88C-315.77	Vĩnh Phúc	2350	88C-312.66	Vĩnh Phúc	3950	88A-816.33	Vĩnh Phúc
751	88C-324.24	Vĩnh Phúc	2351	88C-315.88	Vĩnh Phúc	3951	88A-817.55	Vĩnh Phúc
752	89A-531.69	Hưng Yên	2352	88C-316.77	Vĩnh Phúc	3952	88A-820.33	Vĩnh Phúc
753	89A-531.88	Hưng Yên	2353	88C-317.31	Vĩnh Phúc	3953	88C-321.79	Vĩnh Phúc
754	89A-532.79	Hưng Yên	2354	88C-319.00	Vĩnh Phúc	3954	88C-325.86	Vĩnh Phúc
755	89A-534.43	Hưng Yên	2355	88C-325.11	Vĩnh Phúc	3955	89A-534.77	Hưng Yên
756	89A-544.99	Hưng Yên	2356	88D-021.86	Vĩnh Phúc	3956	89A-541.89	Hưng Yên
757	89A-549.96	Hưng Yên	2357	89A-537.69	Hưng Yên	3957	89A-542.55	Hưng Yên
758	89A-553.39	Hưng Yên	2358	89A-554.69	Hưng Yên	3958	89A-545.00	Hưng Yên
759	89B-025.44	Hưng Yên	2359	89A-561.33	Hưng Yên	3959	89A-551.86	Hưng Yên
760	89B-025.55	Hưng Yên	2360	89A-565.44	Hưng Yên	3960	89A-559.44	Hưng Yên
761	89B-027.79	Hưng Yên	2361	89B-028.11	Hưng Yên	3961	89A-560.79	Hưng Yên
762	89C-349.66	Hưng Yên	2362	89B-028.68	Hưng Yên	3962	89A-561.86	Hưng Yên
763	89C-353.11	Hưng Yên	2363	89B-029.00	Hưng Yên	3963	89A-563.63	Hưng Yên
764	89C-355.11	Hưng Yên	2364	89C-355.00	Hưng Yên	3964	89A-566.77	Hưng Yên
765	90B-015.44	Hà Nam	2365	89C-357.11	Hưng Yên	3965	89C-346.77	Hưng Yên
766	90C-157.68	Hà Nam	2366	89C-357.69	Hưng Yên	3966	89C-350.86	Hưng Yên
767	90D-011.86	Hà Nam	2367	89C-360.68	Hưng Yên	3967	90A-291.69	Hà Nam
768	92A-450.05	Quảng Nam	2368	89D-023.66	Hưng Yên	3968	90B-013.39	Hà Nam
769	92C-259.25	Quảng Nam	2369	89D-025.11	Hưng Yên	3969	90B-014.22	Hà Nam
770	92C-262.39	Quảng Nam	2370	90A-287.88	Hà Nam	3970	90D-010.55	Hà Nam
771	92C-263.88	Quảng Nam	2371	90A-295.22	Hà Nam	3971	92A-433.89	Quảng Nam
772	92C-263.99	Quảng Nam	2372	90A-301.30	Hà Nam	3972	92A-443.66	Quảng Nam
773	92C-265.22	Quảng Nam	2373	90B-013.22	Hà Nam	3973	92A-447.55	Quảng Nam
774	92D-012.12	Quảng Nam	2374	90D-013.22	Hà Nam	3974	92A-449.55	Quảng Nam
775	92D-012.13	Quảng Nam	2375	92A-447.22	Quảng Nam	3975	92B-039.22	Quảng Nam
776	93A-508.68	Bình Phước	2376	92C-266.39	Quảng Nam	3976	92C-260.77	Quảng Nam

Y.C.
A
JH
.M
T.P.H.A.

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
777	93A-515.69	Bình Phước	2377	92D-014.89	Quảng Nam	3977	92D-013.77	Quảng Nam
778	93A-522.79	Bình Phước	2378	92D-015.00	Quảng Nam	3978	93A-505.77	Bình Phước
779	93C-205.39	Bình Phước	2379	93A-509.55	Bình Phước	3979	93A-505.89	Bình Phước
780	93C-205.89	Bình Phước	2380	93A-509.88	Bình Phước	3980	93A-516.89	Bình Phước
781	93C-207.07	Bình Phước	2381	93A-509.89	Bình Phước	3981	93B-023.77	Bình Phước
782	93D-009.11	Bình Phước	2382	93A-512.12	Bình Phước	3982	93C-204.04	Bình Phước
783	94A-110.01	Bạc Liêu	2383	93A-512.13	Bình Phước	3983	93C-206.39	Bình Phước
784	94A-111.23	Bạc Liêu	2384	93A-522.11	Bình Phước	3984	93C-208.02	Bình Phước
785	94B-017.89	Bạc Liêu	2385	93C-200.66	Bình Phước	3985	94D-006.68	Bạc Liêu
786	95C-089.66	Hậu Giang	2386	93C-203.55	Bình Phước	3986	94D-008.22	Bạc Liêu
787	97A-098.09	Bắc Kạn	2387	93C-204.79	Bình Phước	3987	95C-091.69	Hậu Giang
788	97A-100.68	Bắc Kạn	2388	93C-206.20	Bình Phước	3988	95C-092.55	Hậu Giang
789	97D-009.90	Bắc Kạn	2389	93C-206.66	Bình Phước	3989	95C-093.44	Hậu Giang
790	98A-861.33	Bắc Giang	2390	93D-010.11	Bình Phước	3990	95D-023.69	Hậu Giang
791	98A-871.89	Bắc Giang	2391	93D-010.99	Bình Phước	3991	95D-023.77	Hậu Giang
792	98A-873.11	Bắc Giang	2392	95A-138.77	Hậu Giang	3992	95D-024.02	Hậu Giang
793	98A-880.55	Bắc Giang	2393	95A-139.88	Hậu Giang	3993	97A-100.11	Bắc Kạn
794	98A-883.99	Bắc Giang	2394	95A-143.44	Hậu Giang	3994	97D-011.44	Bắc Kạn
795	98A-884.11	Bắc Giang	2395	95B-018.22	Hậu Giang	3995	98A-858.59	Bắc Giang
796	98A-885.33	Bắc Giang	2396	95B-019.79	Hậu Giang	3996	98A-867.22	Bắc Giang
797	98A-887.39	Bắc Giang	2397	95D-025.02	Hậu Giang	3997	98A-869.89	Bắc Giang
798	98A-890.66	Bắc Giang	2398	97D-008.08	Bắc Kạn	3998	98A-872.72	Bắc Giang
799	98A-890.88	Bắc Giang	2399	97D-008.22	Bắc Kạn	3999	98A-879.68	Bắc Giang
800	98A-891.66	Bắc Giang	2400	98A-859.79	Bắc Giang	4000	98A-885.11	Bắc Giang
801	98A-893.33	Bắc Giang	2401	98A-860.55	Bắc Giang	4001	98A-888.06	Bắc Giang
802	98A-894.44	Bắc Giang	2402	98A-863.99	Bắc Giang	4002	98A-902.89	Bắc Giang
803	98A-905.39	Bắc Giang	2403	98A-872.39	Bắc Giang	4003	98A-906.89	Bắc Giang
804	98A-907.69	Bắc Giang	2404	98A-875.66	Bắc Giang	4004	98A-909.68	Bắc Giang
805	98A-910.22	Bắc Giang	2405	98A-878.66	Bắc Giang	4005	98B-044.45	Bắc Giang
806	98A-910.86	Bắc Giang	2406	98A-888.03	Bắc Giang	4006	98B-048.00	Bắc Giang
807	98C-390.22	Bắc Giang	2407	98A-888.37	Bắc Giang	4007	98C-377.39	Bắc Giang
808	98C-390.93	Bắc Giang	2408	98A-892.93	Bắc Giang	4008	98C-379.73	Bắc Giang
809	98C-393.39	Bắc Giang	2409	98A-896.22	Bắc Giang	4009	98C-381.44	Bắc Giang
810	99A-855.77	Bắc Ninh	2410	98A-900.68	Bắc Giang	4010	98C-381.79	Bắc Giang
811	99A-864.79	Bắc Ninh	2411	98A-902.11	Bắc Giang	4011	98C-386.66	Bắc Giang
812	99A-866.11	Bắc Ninh	2412	98A-904.66	Bắc Giang	4012	98C-388.39	Bắc Giang
813	99A-872.44	Bắc Ninh	2413	98B-044.55	Bắc Giang	4013	98D-020.89	Bắc Giang
814	99A-873.11	Bắc Ninh	2414	98B-044.89	Bắc Giang	4014	99A-851.22	Bắc Ninh
815	99A-873.66	Bắc Ninh	2415	98C-379.44	Bắc Giang	4015	99A-852.99	Bắc Ninh
816	99A-873.87	Bắc Ninh	2416	98C-382.44	Bắc Giang	4016	99A-855.22	Bắc Ninh
817	99A-875.44	Bắc Ninh	2417	98C-384.22	Bắc Giang	4017	99A-860.33	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	99A-876.55	Bắc Ninh	2418	98C-385.58	Bắc Giang	4018	99A-862.63	Bắc Ninh
819	99A-888.18	Bắc Ninh	2419	98C-385.88	Bắc Giang	4019	99A-870.44	Bắc Ninh
820	99A-888.24	Bắc Ninh	2420	98C-394.86	Bắc Giang	4020	99A-873.74	Bắc Ninh
821	99A-890.39	Bắc Ninh	2421	98C-398.11	Bắc Giang	4021	99A-881.82	Bắc Ninh
822	99A-893.77	Bắc Ninh	2422	99A-853.22	Bắc Ninh	4022	99B-032.11	Bắc Ninh
823	99A-894.89	Bắc Ninh	2423	99A-864.69	Bắc Ninh	4023	99C-331.33	Bắc Ninh
824	99C-332.79	Bắc Ninh	2424	99A-880.55	Bắc Ninh	4024	99C-334.35	Bắc Ninh
825	99C-343.69	Bắc Ninh	2425	99A-882.28	Bắc Ninh	4025	99C-337.22	Bắc Ninh
826	99D-025.25	Bắc Ninh	2426	99C-331.55	Bắc Ninh	4026	99C-337.89	Bắc Ninh
827	99D-026.55	Bắc Ninh	2427	99D-027.44	Bắc Ninh	4027	99D-027.66	Bắc Ninh
828	11A-139.58	Cao Bằng	2428	11A-136.16	Cao Bằng	4028	11A-139.85	Cao Bằng
829	11D-011.29	Cao Bằng	2429	11A-139.16	Cao Bằng	4029	11A-141.15	Cao Bằng
830	12A-263.16	Lạng Sơn	2430	11B-014.59	Cao Bằng	4030	11B-013.95	Cao Bằng
831	12A-264.28	Lạng Sơn	2431	11B-016.63	Cao Bằng	4031	11B-016.36	Cao Bằng
832	12A-270.18	Lạng Sơn	2432	11C-090.25	Cao Bằng	4032	11D-011.96	Cao Bằng
833	12B-018.28	Lạng Sơn	2433	11D-009.63	Cao Bằng	4033	12A-263.58	Lạng Sơn
834	12C-141.63	Lạng Sơn	2434	12C-140.35	Lạng Sơn	4034	12A-267.16	Lạng Sơn
835	12C-143.65	Lạng Sơn	2435	12D-009.16	Lạng Sơn	4035	12A-270.96	Lạng Sơn
836	12C-143.85	Lạng Sơn	2436	14A-991.58	Quảng Ninh	4036	12A-272.38	Lạng Sơn
837	12D-010.96	Lạng Sơn	2437	14B-055.28	Quảng Ninh	4037	12B-016.36	Lạng Sơn
838	14A-992.26	Quảng Ninh	2438	14C-451.56	Quảng Ninh	4038	12B-016.98	Lạng Sơn
839	14B-054.25	Quảng Ninh	2439	14C-461.98	Quảng Ninh	4039	14A-989.58	Quảng Ninh
840	14C-456.25	Quảng Ninh	2440	14C-462.98	Quảng Ninh	4040	14A-993.09	Quảng Ninh
841	14C-457.19	Quảng Ninh	2441	14C-466.95	Quảng Ninh	4041	14A-994.85	Quảng Ninh
842	14C-460.98	Quảng Ninh	2442	14C-467.98	Quảng Ninh	4042	14A-997.25	Quảng Ninh
843	14C-463.56	Quảng Ninh	2443	14C-468.08	Quảng Ninh	4043	14A-998.59	Quảng Ninh
844	14D-030.59	Quảng Ninh	2444	14A-936.96	Quảng Ninh	4044	14A-995.79	Quảng Ninh
845	14D-030.98	Quảng Ninh	2445	14K-001.25	Quảng Ninh	4045	14C-450.08	Quảng Ninh
846	14K-010.36	Quảng Ninh	2446	14K-002.28	Quảng Ninh	4046	14C-450.09	Quảng Ninh
847	14K-010.58	Quảng Ninh	2447	14K-003.59	Quảng Ninh	4047	14C-470.85	Quảng Ninh
848	14K-010.63	Quảng Ninh	2448	14K-008.35	Quảng Ninh	4048	14K-004.06	Quảng Ninh
849	14K-016.35	Quảng Ninh	2449	14K-008.95	Quảng Ninh	4049	14K-009.95	Quảng Ninh
850	14K-022.98	Quảng Ninh	2450	14K-011.35	Quảng Ninh	4050	14K-012.63	Quảng Ninh
851	14K-024.09	Quảng Ninh	2451	14K-022.83	Quảng Ninh	4051	14K-019.08	Quảng Ninh
852	14K-027.85	Quảng Ninh	2452	15C-482.15	Hải Phòng	4052	14K-019.15	Quảng Ninh
853	14K-032.06	Quảng Ninh	2453	15C-487.95	Hải Phòng	4053	14K-021.15	Quảng Ninh
854	14K-039.18	Quảng Ninh	2454	15C-493.56	Hải Phòng	4054	14K-021.29	Quảng Ninh
855	14K-048.29	Quảng Ninh	2455	15C-496.09	Hải Phòng	4055	14K-023.16	Quảng Ninh
856	15C-487.96	Hải Phòng	2456	15C-497.36	Hải Phòng	4056	14K-026.18	Quảng Ninh
857	15C-488.38	Hải Phòng	2457	15K-425.98	Hải Phòng	4057	14K-026.56	Quảng Ninh
858	15C-491.08	Hải Phòng	2458	15K-427.58	Hải Phòng	4058	14K-032.08	Quảng Ninh



Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	15C-491.85	Hải Phòng	2459	15K-438.19	Hải Phòng	4059	14K-034.08	Quảng Ninh
860	15C-495.09	Hải Phòng	2460	15K-440.56	Hải Phòng	4060	14K-044.58	Quảng Ninh
861	15D-055.19	Hải Phòng	2461	15K-445.19	Hải Phòng	4061	15C-481.08	Hải Phòng
862	15K-431.29	Hải Phòng	2462	15K-448.96	Hải Phòng	4062	15C-486.38	Hải Phòng
863	15K-436.96	Hải Phòng	2463	15K-472.35	Hải Phòng	4063	15C-486.63	Hải Phòng
864	15K-445.36	Hải Phòng	2464	15K-478.15	Hải Phòng	4064	15C-486.98	Hải Phòng
865	15K-446.96	Hải Phòng	2465	15K-480.58	Hải Phòng	4065	15C-493.25	Hải Phòng
866	15K-450.19	Hải Phòng	2466	15K-484.15	Hải Phòng	4066	15D-053.15	Hải Phòng
867	15K-458.29	Hải Phòng	2467	15K-486.08	Hải Phòng	4067	15D-054.38	Hải Phòng
868	15K-459.18	Hải Phòng	2468	15K-493.58	Hải Phòng	4068	15K-428.18	Hải Phòng
869	15K-461.29	Hải Phòng	2469	15K-509.65	Hải Phòng	4069	15K-432.28	Hải Phòng
870	15K-464.26	Hải Phòng	2470	17A-511.95	Thái Bình	4070	15K-444.96	Hải Phòng
871	15K-465.95	Hải Phòng	2471	17A-513.18	Thái Bình	4071	15K-446.19	Hải Phòng
872	15K-470.28	Hải Phòng	2472	17A-514.06	Thái Bình	4072	15K-448.18	Hải Phòng
873	15K-472.19	Hải Phòng	2473	17D-014.18	Thái Bình	4073	15K-449.06	Hải Phòng
874	15K-478.96	Hải Phòng	2474	18A-455.88	Nam Định	4074	15K-478.98	Hải Phòng
875	15K-482.96	Hải Phòng	2475	18A-493.95	Nam Định	4075	15K-486.28	Hải Phòng
876	15K-488.29	Hải Phòng	2476	18A-501.25	Nam Định	4076	15K-489.09	Hải Phòng
877	15K-489.18	Hải Phòng	2477	18C-175.18	Nam Định	4077	15K-497.19	Hải Phòng
878	15K-496.59	Hải Phòng	2478	18D-015.25	Nam Định	4078	15K-508.18	Hải Phòng
879	15K-496.65	Hải Phòng	2479	19A-718.59	Phú Thọ	4079	15K-511.59	Hải Phòng
880	15K-503.56	Hải Phòng	2480	19A-724.15	Phú Thọ	4080	15K-513.19	Hải Phòng
881	15K-505.26	Hải Phòng	2481	19A-729.08	Phú Thọ	4081	17A-493.08	Thái Bình
882	15K-507.83	Hải Phòng	2482	19A-731.63	Phú Thọ	4082	17A-509.25	Thái Bình
883	17A-494.65	Thái Bình	2483	19A-738.58	Phú Thọ	4083	17A-509.56	Thái Bình
884	17A-504.65	Thái Bình	2484	19A-741.38	Phú Thọ	4084	17B-030.59	Thái Bình
885	17A-506.35	Thái Bình	2485	19A-741.56	Phú Thọ	4085	17B-031.15	Thái Bình
886	17A-509.36	Thái Bình	2486	19A-742.25	Phú Thọ	4086	17B-031.83	Thái Bình
887	18A-387.88	Nam Định	2487	19A-748.96	Phú Thọ	4087	17C-221.18	Thái Bình
888	18A-490.26	Nam Định	2488	19A-756.06	Phú Thọ	4088	17D-013.06	Thái Bình
889	18A-497.56	Nam Định	2489	19B-027.95	Phú Thọ	4089	17D-013.83	Thái Bình
890	18A-497.96	Nam Định	2490	19C-273.95	Phú Thọ	4090	18A-495.16	Nam Định
891	18A-505.85	Nam Định	2491	19C-275.35	Phú Thọ	4091	18A-498.18	Nam Định
892	18A-507.63	Nam Định	2492	19D-022.83	Phú Thọ	4092	18A-498.59	Nam Định
893	19A-718.58	Phú Thọ	2493	20A-863.56	Thái Nguyên	4093	18A-501.56	Nam Định
894	19A-719.26	Phú Thọ	2494	20A-868.28	Thái Nguyên	4094	18A-504.96	Nam Định
895	19A-719.35	Phú Thọ	2495	20A-872.19	Thái Nguyên	4095	18A-507.16	Nam Định
896	19A-726.85	Phú Thọ	2496	20A-872.38	Thái Nguyên	4096	18C-177.85	Nam Định
897	19A-736.26	Phú Thọ	2497	20A-874.85	Thái Nguyên	4097	19A-725.98	Phú Thọ
898	19A-736.85	Phú Thọ	2498	20A-875.08	Thái Nguyên	4098	19A-727.95	Phú Thọ
899	19A-739.19	Phú Thọ	2499	20A-883.95	Thái Nguyên	4099	19A-735.83	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	19A-743.26	Phú Thọ	2500	20A-884.29	Thái Nguyên	4100	19A-738.28	Phú Thọ
901	19A-743.85	Phú Thọ	2501	20A-886.28	Thái Nguyên	4101	19A-742.19	Phú Thọ
902	19A-744.95	Phú Thọ	2502	20A-896.38	Thái Nguyên	4102	19B-028.63	Phú Thọ
903	19A-752.29	Phú Thọ	2503	20A-904.35	Thái Nguyên	4103	19C-265.59	Phú Thọ
904	19A-755.63	Phú Thọ	2504	20C-313.26	Thái Nguyên	4104	19C-267.85	Phú Thọ
905	19A-757.29	Phú Thọ	2505	20C-323.15	Thái Nguyên	4105	19C-269.18	Phú Thọ
906	19C-264.08	Phú Thọ	2506	21A-228.16	Yên Bái	4106	19C-273.09	Phú Thọ
907	19C-265.15	Phú Thọ	2507	21A-231.19	Yên Bái	4107	20A-874.25	Thái Nguyên
908	19C-272.06	Phú Thọ	2508	21C-111.85	Yên Bái	4108	20A-878.95	Thái Nguyên
909	19C-272.38	Phú Thọ	2509	21C-113.18	Yên Bái	4109	20A-880.59	Thái Nguyên
910	19C-274.25	Phú Thọ	2510	21C-114.38	Yên Bái	4110	20A-897.18	Thái Nguyên
911	19D-019.28	Phú Thọ	2511	22A-271.25	Tuyên Quang	4111	20A-905.26	Thái Nguyên
912	19D-022.56	Phú Thọ	2512	22A-277.19	Tuyên Quang	4112	20B-036.25	Thái Nguyên
913	20A-864.95	Thái Nguyên	2513	22A-279.95	Tuyên Quang	4113	20B-037.96	Thái Nguyên
914	20A-867.36	Thái Nguyên	2514	22B-017.95	Tuyên Quang	4114	20B-038.65	Thái Nguyên
915	20A-878.06	Thái Nguyên	2515	22B-018.25	Tuyên Quang	4115	20C-311.85	Thái Nguyên
916	20A-879.15	Thái Nguyên	2516	23A-169.15	Hà Giang	4116	20C-315.85	Thái Nguyên
917	20A-879.19	Thái Nguyên	2517	23B-013.96	Hà Giang	4117	20C-317.06	Thái Nguyên
918	20A-883.58	Thái Nguyên	2518	23C-093.15	Hà Giang	4118	20C-319.59	Thái Nguyên
919	20A-890.63	Thái Nguyên	2519	23D-007.63	Hà Giang	4119	21A-225.18	Yên Bái
920	20A-894.85	Thái Nguyên	2520	23D-008.36	Hà Giang	4120	21A-225.19	Yên Bái
921	20A-903.36	Thái Nguyên	2521	24A-315.98	Lào Cai	4121	22A-270.06	Tuyên Quang
922	20A-906.65	Thái Nguyên	2522	24A-321.56	Lào Cai	4122	22A-280.95	Tuyên Quang
923	20C-317.25	Thái Nguyên	2523	24A-324.36	Lào Cai	4123	22B-019.08	Tuyên Quang
924	20C-319.63	Thái Nguyên	2524	24B-019.15	Lào Cai	4124	23A-164.63	Hà Giang
925	20C-319.85	Thái Nguyên	2525	24B-021.18	Lào Cai	4125	23B-013.56	Hà Giang
926	20C-321.06	Thái Nguyên	2526	24C-167.65	Lào Cai	4126	24A-315.96	Lào Cai
927	20C-321.18	Thái Nguyên	2527	24D-010.16	Lào Cai	4127	24A-318.25	Lào Cai
928	20C-322.19	Thái Nguyên	2528	25B-008.06	Lai Châu	4128	24A-321.38	Lào Cai
929	20C-323.59	Thái Nguyên	2529	25C-063.35	Lai Châu	4129	24A-322.98	Lào Cai
930	21A-226.15	Yên Bái	2530	25C-063.56	Lai Châu	4130	24A-323.26	Lào Cai
931	21A-226.29	Yên Bái	2531	26A-235.18	Sơn La	4131	24A-324.26	Lào Cai
932	21B-014.26	Yên Bái	2532	26A-239.63	Sơn La	4132	24B-022.85	Lào Cai
933	21C-112.58	Yên Bái	2533	26C-167.65	Sơn La	4133	24C-166.19	Lào Cai
934	21C-113.59	Yên Bái	2534	26C-169.28	Sơn La	4134	24C-169.95	Lào Cai
935	21C-114.18	Yên Bái	2535	27A-132.16	Điện Biên	4135	25A-088.25	Lai Châu
936	21C-115.29	Yên Bái	2536	27B-014.83	Điện Biên	4136	26A-235.83	Sơn La
937	22A-270.85	Tuyên Quang	2537	27B-015.56	Điện Biên	4137	27A-133.26	Điện Biên
938	22A-271.28	Tuyên Quang	2538	27C-075.85	Điện Biên	4138	27C-074.36	Điện Biên
939	22A-277.06	Tuyên Quang	2539	27D-010.56	Điện Biên	4139	27D-008.63	Điện Biên
940	22A-280.83	Tuyên Quang	2540	28B-018.29	Hòa Bình	4140	28A-260.59	Hòa Bình

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	22A-282.58	Tuyên Quang	2541	29B-661.06	Hà Nội	4141	28A-267.15	Hòa Bình
942	22B-019.58	Tuyên Quang	2542	29D-633.08	Hà Nội	4142	28B-018.08	Hòa Bình
943	22C-114.59	Tuyên Quang	2543	29D-633.65	Hà Nội	4143	28C-124.16	Hòa Bình
944	22C-117.96	Tuyên Quang	2544	29D-639.38	Hà Nội	4144	28C-127.15	Hòa Bình
945	22D-010.26	Tuyên Quang	2545	29K-325.85	Hà Nội	4145	29D-633.35	Hà Nội
946	23A-164.29	Hà Giang	2546	29K-332.59	Hà Nội	4146	29D-635.25	Hà Nội
947	23B-014.58	Hà Giang	2547	29K-334.25	Hà Nội	4147	29K-329.36	Hà Nội
948	23C-093.26	Hà Giang	2548	29K-337.18	Hà Nội	4148	29K-335.19	Hà Nội
949	23D-010.65	Hà Giang	2549	29K-341.28	Hà Nội	4149	29K-337.95	Hà Nội
950	24A-318.16	Lào Cai	2550	29K-348.26	Hà Nội	4150	29K-339.08	Hà Nội
951	24A-322.08	Lào Cai	2551	29K-360.58	Hà Nội	4151	29K-346.96	Hà Nội
952	24A-322.59	Lào Cai	2552	29K-360.85	Hà Nội	4152	29K-354.26	Hà Nội
953	24A-325.35	Lào Cai	2553	29K-370.18	Hà Nội	4153	29K-363.59	Hà Nội
954	24A-325.98	Lào Cai	2554	29K-372.96	Hà Nội	4154	29K-363.85	Hà Nội
955	24B-019.63	Lào Cai	2555	29K-380.15	Hà Nội	4155	29K-378.06	Hà Nội
956	25A-088.59	Lai Châu	2556	29K-381.65	Hà Nội	4156	29K-383.35	Hà Nội
957	26A-238.19	Sơn La	2557	29K-394.63	Hà Nội	4157	29K-393.26	Hà Nội
958	26C-168.35	Sơn La	2558	29K-399.16	Hà Nội	4158	29K-394.58	Hà Nội
959	27B-017.38	Điện Biên	2559	29K-401.15	Hà Nội	4159	29K-404.63	Hà Nội
960	27B-017.56	Điện Biên	2560	29K-405.63	Hà Nội	4160	29K-405.09	Hà Nội
961	27D-007.98	Điện Biên	2561	29K-407.85	Hà Nội	4161	29K-408.95	Hà Nội
962	27D-008.83	Điện Biên	2562	29K-410.15	Hà Nội	4162	29K-415.95	Hà Nội
963	28A-264.18	Hòa Bình	2563	29K-410.36	Hà Nội	4163	29K-420.19	Hà Nội
964	28A-266.06	Hòa Bình	2564	29K-413.15	Hà Nội	4164	29K-422.56	Hà Nội
965	28A-270.56	Hòa Bình	2565	29K-417.26	Hà Nội	4165	29K-426.06	Hà Nội
966	28B-019.85	Hòa Bình	2566	29K-418.25	Hà Nội	4166	29K-426.28	Hà Nội
967	28B-021.15	Hòa Bình	2567	29K-418.59	Hà Nội	4167	29K-431.26	Hà Nội
968	28C-124.15	Hòa Bình	2568	29K-420.96	Hà Nội	4168	29K-438.15	Hà Nội
969	28D-013.15	Hòa Bình	2569	29K-429.25	Hà Nội	4169	29K-442.95	Hà Nội
970	29B-660.28	Hà Nội	2570	29K-440.96	Hà Nội	4170	29K-443.18	Hà Nội
971	29D-627.58	Hà Nội	2571	29K-441.08	Hà Nội	4171	29K-445.56	Hà Nội
972	29D-632.65	Hà Nội	2572	29K-442.63	Hà Nội	4172	29K-454.16	Hà Nội
973	29D-637.28	Hà Nội	2573	29K-446.18	Hà Nội	4173	29K-458.09	Hà Nội
974	29K-327.56	Hà Nội	2574	29K-446.25	Hà Nội	4174	29K-458.25	Hà Nội
975	29K-330.63	Hà Nội	2575	29K-452.63	Hà Nội	4175	29K-464.56	Hà Nội
976	29K-331.28	Hà Nội	2576	29K-453.65	Hà Nội	4176	29K-465.15	Hà Nội
977	29K-341.85	Hà Nội	2577	29K-453.98	Hà Nội	4177	29K-466.26	Hà Nội
978	29K-348.56	Hà Nội	2578	29K-455.25	Hà Nội	4178	29K-469.19	Hà Nội
979	29K-364.38	Hà Nội	2579	29K-462.95	Hà Nội	4179	29K-476.98	Hà Nội
980	29K-367.25	Hà Nội	2580	29K-463.65	Hà Nội	4180	30M-033.19	Hà Nội
981	29K-367.65	Hà Nội	2581	29K-464.58	Hà Nội	4181	30M-033.25	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	29K-380.09	Hà Nội	2582	29K-465.06	Hà Nội	4182	30M-033.36	Hà Nội
983	29K-381.96	Hà Nội	2583	29K-469.36	Hà Nội	4183	30M-044.38	Hà Nội
984	29K-384.63	Hà Nội	2584	30M-037.16	Hà Nội	4184	30M-055.96	Hà Nội
985	29K-389.56	Hà Nội	2585	30M-041.38	Hà Nội	4185	30M-057.06	Hà Nội
986	29K-391.59	Hà Nội	2586	30M-042.09	Hà Nội	4186	30M-059.36	Hà Nội
987	29K-391.85	Hà Nội	2587	30M-043.26	Hà Nội	4187	30M-061.25	Hà Nội
988	29K-395.36	Hà Nội	2588	30M-045.98	Hà Nội	4188	30M-063.08	Hà Nội
989	29K-401.25	Hà Nội	2589	30M-047.38	Hà Nội	4189	30M-069.28	Hà Nội
990	29K-402.08	Hà Nội	2590	30M-047.59	Hà Nội	4190	30M-073.29	Hà Nội
991	29K-406.15	Hà Nội	2591	30M-050.56	Hà Nội	4191	30M-073.58	Hà Nội
992	29K-410.96	Hà Nội	2592	30M-054.35	Hà Nội	4192	30M-076.09	Hà Nội
993	29K-412.65	Hà Nội	2593	30M-056.59	Hà Nội	4193	30M-078.59	Hà Nội
994	29K-417.09	Hà Nội	2594	30M-060.59	Hà Nội	4194	30M-091.38	Hà Nội
995	29K-424.59	Hà Nội	2595	30M-072.09	Hà Nội	4195	30M-094.56	Hà Nội
996	29K-427.25	Hà Nội	2596	30M-073.38	Hà Nội	4196	30M-097.26	Hà Nội
997	29K-428.98	Hà Nội	2597	30M-078.06	Hà Nội	4197	30M-099.35	Hà Nội
998	29K-436.95	Hà Nội	2598	30M-080.85	Hà Nội	4198	30M-102.35	Hà Nội
999	29K-440.35	Hà Nội	2599	30M-081.29	Hà Nội	4199	30M-106.09	Hà Nội
1000	29K-448.09	Hà Nội	2600	30M-083.06	Hà Nội	4200	30M-117.56	Hà Nội
1001	29K-448.58	Hà Nội	2601	30M-090.25	Hà Nội	4201	30M-130.28	Hà Nội
1002	29K-450.26	Hà Nội	2602	30M-093.95	Hà Nội	4202	30M-130.56	Hà Nội
1003	29K-452.08	Hà Nội	2603	30M-095.16	Hà Nội	4203	30M-132.08	Hà Nội
1004	29K-460.08	Hà Nội	2604	30M-104.58	Hà Nội	4204	30M-133.56	Hà Nội
1005	29K-460.65	Hà Nội	2605	30M-108.26	Hà Nội	4205	30M-144.19	Hà Nội
1006	29K-465.09	Hà Nội	2606	30M-108.35	Hà Nội	4206	30M-151.65	Hà Nội
1007	29K-471.59	Hà Nội	2607	30M-118.26	Hà Nội	4207	30M-176.83	Hà Nội
1008	29K-472.63	Hà Nội	2608	30M-123.16	Hà Nội	4208	30M-178.25	Hà Nội
1009	29K-473.28	Hà Nội	2609	30M-131.25	Hà Nội	4209	30M-185.36	Hà Nội
1010	30M-032.85	Hà Nội	2610	30M-132.96	Hà Nội	4210	30M-185.63	Hà Nội
1011	30M-034.25	Hà Nội	2611	30M-138.15	Hà Nội	4211	30M-186.19	Hà Nội
1012	30M-044.19	Hà Nội	2612	30M-142.08	Hà Nội	4212	30M-189.06	Hà Nội
1013	30M-046.16	Hà Nội	2613	30M-151.29	Hà Nội	4213	30M-190.83	Hà Nội
1014	30M-050.83	Hà Nội	2614	30M-152.18	Hà Nội	4214	30M-191.16	Hà Nội
1015	30M-052.96	Hà Nội	2615	30M-156.85	Hà Nội	4215	30M-191.58	Hà Nội
1016	30M-055.83	Hà Nội	2616	30M-159.83	Hà Nội	4216	30M-199.63	Hà Nội
1017	30M-056.95	Hà Nội	2617	30M-163.35	Hà Nội	4217	30M-203.85	Hà Nội
1018	30M-058.35	Hà Nội	2618	30M-177.95	Hà Nội	4218	30M-204.63	Hà Nội
1019	30M-061.08	Hà Nội	2619	30M-185.06	Hà Nội	4219	30M-205.59	Hà Nội
1020	30M-068.08	Hà Nội	2620	30M-187.09	Hà Nội	4220	30M-210.06	Hà Nội
1021	30M-070.16	Hà Nội	2621	30M-187.65	Hà Nội	4221	30M-213.96	Hà Nội
1022	30M-070.96	Hà Nội	2622	30M-190.26	Hà Nội	4222	30M-214.19	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	30M-082.95	Hà Nội	2623	30M-196.18	Hà Nội	4223	30M-220.15	Hà Nội
1024	30M-097.56	Hà Nội	2624	30M-210.36	Hà Nội	4224	30M-223.06	Hà Nội
1025	30M-100.26	Hà Nội	2625	30M-212.83	Hà Nội	4225	30M-225.95	Hà Nội
1026	30M-102.63	Hà Nội	2626	30M-215.36	Hà Nội	4226	30M-233.26	Hà Nội
1027	30M-103.16	Hà Nội	2627	30M-217.25	Hà Nội	4227	30M-236.95	Hà Nội
1028	30M-106.15	Hà Nội	2628	30M-219.06	Hà Nội	4228	30M-243.28	Hà Nội
1029	30M-108.59	Hà Nội	2629	30M-222.95	Hà Nội	4229	30M-249.63	Hà Nội
1030	30M-113.18	Hà Nội	2630	30M-228.25	Hà Nội	4230	30M-252.06	Hà Nội
1031	30M-114.83	Hà Nội	2631	30M-237.63	Hà Nội	4231	30M-255.19	Hà Nội
1032	30M-117.36	Hà Nội	2632	30M-238.56	Hà Nội	4232	30M-258.28	Hà Nội
1033	30M-137.95	Hà Nội	2633	30M-242.36	Hà Nội	4233	30M-264.96	Hà Nội
1034	30M-139.08	Hà Nội	2634	30M-242.59	Hà Nội	4234	30M-279.85	Hà Nội
1035	30M-140.06	Hà Nội	2635	30M-260.56	Hà Nội	4235	30M-280.95	Hà Nội
1036	30M-141.08	Hà Nội	2636	30M-265.16	Hà Nội	4236	30M-283.85	Hà Nội
1037	30M-161.26	Hà Nội	2637	30M-273.96	Hà Nội	4237	30M-286.98	Hà Nội
1038	30M-164.19	Hà Nội	2638	30M-275.25	Hà Nội	4238	30M-295.08	Hà Nội
1039	30M-165.35	Hà Nội	2639	30M-278.36	Hà Nội	4239	30M-297.56	Hà Nội
1040	30M-177.29	Hà Nội	2640	30M-280.16	Hà Nội	4240	30M-306.15	Hà Nội
1041	30M-181.96	Hà Nội	2641	30M-280.19	Hà Nội	4241	30M-309.15	Hà Nội
1042	30M-182.29	Hà Nội	2642	30M-281.15	Hà Nội	4242	30M-319.18	Hà Nội
1043	30M-184.09	Hà Nội	2643	30M-281.95	Hà Nội	4243	30M-321.09	Hà Nội
1044	30M-191.38	Hà Nội	2644	30M-287.19	Hà Nội	4244	30M-325.63	Hà Nội
1045	30M-192.96	Hà Nội	2645	30M-295.06	Hà Nội	4245	30M-326.85	Hà Nội
1046	30M-197.38	Hà Nội	2646	30M-295.09	Hà Nội	4246	30M-327.65	Hà Nội
1047	30M-202.09	Hà Nội	2647	30M-298.36	Hà Nội	4247	30M-329.38	Hà Nội
1048	30M-203.35	Hà Nội	2648	30M-302.56	Hà Nội	4248	30M-335.15	Hà Nội
1049	30M-207.98	Hà Nội	2649	30M-303.26	Hà Nội	4249	30M-342.95	Hà Nội
1050	30M-216.63	Hà Nội	2650	30M-306.85	Hà Nội	4250	30M-343.58	Hà Nội
1051	30M-217.15	Hà Nội	2651	30M-308.15	Hà Nội	4251	30M-343.95	Hà Nội
1052	30M-217.95	Hà Nội	2652	30M-319.38	Hà Nội	4252	30M-346.18	Hà Nội
1053	30M-228.56	Hà Nội	2653	30M-328.26	Hà Nội	4253	30M-347.36	Hà Nội
1054	30M-243.06	Hà Nội	2654	30M-331.25	Hà Nội	4254	30M-353.15	Hà Nội
1055	30M-257.85	Hà Nội	2655	30M-338.16	Hà Nội	4255	30M-355.65	Hà Nội
1056	30M-261.96	Hà Nội	2656	30M-357.29	Hà Nội	4256	30M-363.28	Hà Nội
1057	30M-264.58	Hà Nội	2657	30M-360.85	Hà Nội	4257	30M-369.83	Hà Nội
1058	30M-270.65	Hà Nội	2658	30M-365.29	Hà Nội	4258	30M-377.26	Hà Nội
1059	30M-271.18	Hà Nội	2659	30M-368.06	Hà Nội	4259	30M-380.95	Hà Nội
1060	30M-276.36	Hà Nội	2660	30M-368.56	Hà Nội	4260	30M-386.59	Hà Nội
1061	30M-290.18	Hà Nội	2661	30M-369.38	Hà Nội	4261	30M-387.09	Hà Nội
1062	30M-293.36	Hà Nội	2662	30M-371.28	Hà Nội	4262	30M-390.83	Hà Nội
1063	30M-309.25	Hà Nội	2663	30M-372.83	Hà Nội	4263	30M-391.96	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1064	30M-315.09	Hà Nội	2664	30M-380.98	Hà Nội	4264	30M-394.59	Hà Nội
1065	30M-315.38	Hà Nội	2665	30M-393.83	Hà Nội	4265	30M-405.63	Hà Nội
1066	30M-326.28	Hà Nội	2666	30M-394.08	Hà Nội	4266	30M-413.09	Hà Nội
1067	30M-332.63	Hà Nội	2667	30M-395.83	Hà Nội	4267	30M-414.85	Hà Nội
1068	30M-335.16	Hà Nội	2668	30M-396.16	Hà Nội	4268	30M-416.95	Hà Nội
1069	30M-343.38	Hà Nội	2669	30M-419.16	Hà Nội	4269	30M-417.58	Hà Nội
1070	30M-350.58	Hà Nội	2670	30M-421.38	Hà Nội	4270	30M-417.96	Hà Nội
1071	30M-356.95	Hà Nội	2671	34A-919.35	Hải Dương	4271	30M-421.36	Hà Nội
1072	30M-372.96	Hà Nội	2672	34A-924.36	Hải Dương	4272	34A-922.63	Hải Dương
1073	30M-374.59	Hà Nội	2673	34A-930.56	Hải Dương	4273	34A-925.85	Hải Dương
1074	30M-376.56	Hà Nội	2674	34A-942.85	Hải Dương	4274	34A-933.56	Hải Dương
1075	30M-384.63	Hà Nội	2675	34A-944.16	Hải Dương	4275	34A-935.16	Hải Dương
1076	30M-387.85	Hà Nội	2676	34A-944.28	Hải Dương	4276	34A-939.56	Hải Dương
1077	30M-393.09	Hà Nội	2677	34A-944.36	Hải Dương	4277	34A-941.36	Hải Dương
1078	30M-394.63	Hà Nội	2678	34A-945.19	Hải Dương	4278	34A-950.15	Hải Dương
1079	30M-408.16	Hà Nội	2679	34A-947.26	Hải Dương	4279	34A-957.19	Hải Dương
1080	30M-415.83	Hà Nội	2680	34A-948.83	Hải Dương	4280	34A-957.29	Hải Dương
1081	30M-416.59	Hà Nội	2681	34A-955.35	Hải Dương	4281	34A-972.58	Hải Dương
1082	30M-420.06	Hà Nội	2682	34A-964.15	Hải Dương	4282	34B-045.28	Hải Dương
1083	30M-420.16	Hà Nội	2683	34A-969.36	Hải Dương	4283	34B-046.25	Hải Dương
1084	30M-420.58	Hà Nội	2684	34A-971.36	Hải Dương	4284	34C-436.06	Hải Dương
1085	34A-926.88	Hải Dương	2685	34B-045.38	Hải Dương	4285	34C-445.15	Hải Dương
1086	34A-928.06	Hải Dương	2686	34C-439.65	Hải Dương	4286	34C-449.63	Hải Dương
1087	34A-929.63	Hải Dương	2687	34C-441.25	Hải Dương	4287	34C-452.08	Hải Dương
1088	34A-932.06	Hải Dương	2688	34C-446.29	Hải Dương	4288	35A-471.38	Ninh Bình
1089	34A-933.19	Hải Dương	2689	35A-467.83	Ninh Bình	4289	35A-473.06	Ninh Bình
1090	34A-934.96	Hải Dương	2690	35A-467.96	Ninh Bình	4290	35A-476.63	Ninh Bình
1091	34A-947.35	Hải Dương	2691	35A-470.19	Ninh Bình	4291	35A-478.59	Ninh Bình
1092	34A-948.19	Hải Dương	2692	35A-480.26	Ninh Bình	4292	35A-481.28	Ninh Bình
1093	34A-951.18	Hải Dương	2693	35A-481.56	Ninh Bình	4293	35A-483.26	Ninh Bình
1094	34A-956.18	Hải Dương	2694	35C-180.58	Ninh Bình	4294	35B-024.16	Ninh Bình
1095	34A-963.85	Hải Dương	2695	35D-016.09	Ninh Bình	4295	35B-024.96	Ninh Bình
1096	34A-964.28	Hải Dương	2696	35D-016.18	Ninh Bình	4296	35C-183.28	Ninh Bình
1097	34A-970.85	Hải Dương	2697	35D-019.06	Ninh Bình	4297	36B-048.08	Thanh Hóa
1098	34A-972.83	Hải Dương	2698	36C-547.09	Thanh Hóa	4298	36C-548.19	Thanh Hóa
1099	34B-046.63	Hải Dương	2699	36C-550.65	Thanh Hóa	4299	36C-559.38	Thanh Hóa
1100	34C-436.38	Hải Dương	2700	36C-552.35	Thanh Hóa	4300	36C-561.83	Thanh Hóa
1101	34C-447.29	Hải Dương	2701	36C-553.38	Thanh Hóa	4301	36C-563.98	Thanh Hóa
1102	34C-449.28	Hải Dương	2702	36C-556.28	Thanh Hóa	4302	36D-031.19	Thanh Hóa
1103	34C-450.18	Hải Dương	2703	36C-558.83	Thanh Hóa	4303	36D-032.26	Thanh Hóa
1104	34C-452.58	Hải Dương	2704	36C-566.25	Thanh Hóa	4304	36D-033.25	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1105	35A-467.58	Ninh Bình	2705	36C-570.26	Thanh Hóa	4305	36K-229.36	Thanh Hóa
1106	35A-468.15	Ninh Bình	2706	36C-573.38	Thanh Hóa	4306	36K-232.28	Thanh Hóa
1107	35B-024.06	Ninh Bình	2707	36K-241.28	Thanh Hóa	4307	36K-245.28	Thanh Hóa
1108	35B-025.63	Ninh Bình	2708	36K-241.35	Thanh Hóa	4308	36K-245.36	Thanh Hóa
1109	35C-186.25	Ninh Bình	2709	36K-244.16	Thanh Hóa	4309	36K-247.06	Thanh Hóa
1110	36B-050.83	Thanh Hóa	2710	36K-244.28	Thanh Hóa	4310	36K-253.63	Thanh Hóa
1111	36C-553.65	Thanh Hóa	2711	36K-260.96	Thanh Hóa	4311	36K-270.08	Thanh Hóa
1112	36C-560.09	Thanh Hóa	2712	36K-266.09	Thanh Hóa	4312	36K-270.65	Thanh Hóa
1113	36C-564.38	Thanh Hóa	2713	36K-270.83	Thanh Hóa	4313	36K-272.65	Thanh Hóa
1114	36C-565.95	Thanh Hóa	2714	36K-273.28	Thanh Hóa	4314	36K-273.19	Thanh Hóa
1115	36C-568.15	Thanh Hóa	2715	36K-273.59	Thanh Hóa	4315	36K-274.28	Thanh Hóa
1116	36C-575.96	Thanh Hóa	2716	36K-273.96	Thanh Hóa	4316	36K-279.29	Thanh Hóa
1117	36C-577.29	Thanh Hóa	2717	36K-274.35	Thanh Hóa	4317	36K-291.08	Thanh Hóa
1118	36D-031.06	Thanh Hóa	2718	36K-274.83	Thanh Hóa	4318	36K-302.95	Thanh Hóa
1119	36D-032.96	Thanh Hóa	2719	36K-275.29	Thanh Hóa	4319	37B-046.95	Nghệ An
1120	36K-236.09	Thanh Hóa	2720	36K-277.35	Thanh Hóa	4320	37C-569.36	Nghệ An
1121	36K-236.83	Thanh Hóa	2721	36K-284.06	Thanh Hóa	4321	37C-569.63	Nghệ An
1122	36K-238.29	Thanh Hóa	2722	36K-284.36	Thanh Hóa	4322	37C-571.38	Nghệ An
1123	36K-238.63	Thanh Hóa	2723	36K-293.06	Thanh Hóa	4323	37C-575.56	Nghệ An
1124	36K-242.96	Thanh Hóa	2724	36K-296.83	Thanh Hóa	4324	37C-581.65	Nghệ An
1125	36K-247.83	Thanh Hóa	2725	36K-298.36	Thanh Hóa	4325	37C-581.83	Nghệ An
1126	36K-248.98	Thanh Hóa	2726	36K-299.65	Thanh Hóa	4326	37C-585.59	Nghệ An
1127	36K-251.35	Thanh Hóa	2727	36K-303.85	Thanh Hóa	4327	37C-586.65	Nghệ An
1128	36K-252.06	Thanh Hóa	2728	37C-568.28	Nghệ An	4328	37C-587.63	Nghệ An
1129	36K-252.18	Thanh Hóa	2729	37C-570.36	Nghệ An	4329	37C-594.38	Nghệ An
1130	36K-259.36	Thanh Hóa	2730	37C-574.83	Nghệ An	4330	37D-050.38	Nghệ An
1131	36K-261.95	Thanh Hóa	2731	37C-592.09	Nghệ An	4331	37K-482.35	Nghệ An
1132	36K-271.65	Thanh Hóa	2732	37D-049.09	Nghệ An	4332	37K-492.63	Nghệ An
1133	36K-275.56	Thanh Hóa	2733	37D-049.15	Nghệ An	4333	37K-501.96	Nghệ An
1134	36K-277.65	Thanh Hóa	2734	37D-049.26	Nghệ An	4334	37K-508.63	Nghệ An
1135	36K-278.96	Thanh Hóa	2735	37D-049.95	Nghệ An	4335	37K-509.08	Nghệ An
1136	36K-282.18	Thanh Hóa	2736	37K-490.18	Nghệ An	4336	37K-513.26	Nghệ An
1137	36K-292.63	Thanh Hóa	2737	37K-490.28	Nghệ An	4337	37K-516.19	Nghệ An
1138	36K-292.96	Thanh Hóa	2738	37K-499.56	Nghệ An	4338	37K-525.36	Nghệ An
1139	36K-297.19	Thanh Hóa	2739	37K-506.16	Nghệ An	4339	37K-532.26	Nghệ An
1140	36K-304.28	Thanh Hóa	2740	37K-512.09	Nghệ An	4340	37K-536.06	Nghệ An
1141	36K-305.15	Thanh Hóa	2741	37K-520.29	Nghệ An	4341	37K-540.63	Nghệ An
1142	37B-047.56	Nghệ An	2742	37K-521.18	Nghệ An	4342	37K-544.96	Nghệ An
1143	37B-050.09	Nghệ An	2743	37K-528.58	Nghệ An	4343	37K-545.96	Nghệ An
1144	37C-577.09	Nghệ An	2744	37K-532.25	Nghệ An	4344	37K-554.65	Nghệ An
1145	37C-580.06	Nghệ An	2745	37K-532.96	Nghệ An	4345	37K-564.19	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1146	37C-585.28	Nghệ An	2746	37K-537.06	Nghệ An	4346	37K-570.38	Nghệ An
1147	37C-596.18	Nghệ An	2747	37K-542.95	Nghệ An	4347	38A-685.59	Hà Tĩnh
1148	37K-485.96	Nghệ An	2748	37K-543.15	Nghệ An	4348	38A-689.09	Hà Tĩnh
1149	37K-493.83	Nghệ An	2749	37K-543.65	Nghệ An	4349	38A-689.26	Hà Tĩnh
1150	37K-495.08	Nghệ An	2750	37K-557.83	Nghệ An	4350	38A-693.28	Hà Tĩnh
1151	37K-500.15	Nghệ An	2751	38A-678.85	Hà Tĩnh	4351	38A-694.38	Hà Tĩnh
1152	37K-510.65	Nghệ An	2752	38A-681.85	Hà Tĩnh	4352	38A-696.15	Hà Tĩnh
1153	37K-524.58	Nghệ An	2753	38A-682.58	Hà Tĩnh	4353	38A-696.36	Hà Tĩnh
1154	37K-527.95	Nghệ An	2754	38A-690.26	Hà Tĩnh	4354	38A-703.59	Hà Tĩnh
1155	37K-531.15	Nghệ An	2755	38A-690.59	Hà Tĩnh	4355	38B-026.08	Hà Tĩnh
1156	37K-536.08	Nghệ An	2756	38A-690.65	Hà Tĩnh	4356	38B-026.96	Hà Tĩnh
1157	37K-539.08	Nghệ An	2757	38A-702.36	Hà Tĩnh	4357	38C-245.18	Hà Tĩnh
1158	37K-540.59	Nghệ An	2758	38B-023.56	Hà Tĩnh	4358	43A-952.35	Đà Nẵng
1159	37K-540.96	Nghệ An	2759	38D-021.26	Hà Tĩnh	4359	43A-958.83	Đà Nẵng
1160	37K-554.59	Nghệ An	2760	43A-947.85	Đà Nẵng	4360	43A-963.85	Đà Nẵng
1161	37K-558.56	Nghệ An	2761	43A-948.26	Đà Nẵng	4361	43A-975.63	Đà Nẵng
1162	37K-561.35	Nghệ An	2762	43A-957.35	Đà Nẵng	4362	43C-317.85	Đà Nẵng
1163	37K-567.06	Nghệ An	2763	43A-963.98	Đà Nẵng	4363	43C-319.28	Đà Nẵng
1164	37K-571.09	Nghệ An	2764	43A-971.35	Đà Nẵng	4364	43C-322.59	Đà Nẵng
1165	37K-571.28	Nghệ An	2765	43A-974.26	Đà Nẵng	4365	47A-816.85	Đắk Lắk
1166	37K-572.25	Nghệ An	2766	43B-066.28	Đà Nẵng	4366	47A-832.25	Đắk Lắk
1167	38A-687.59	Hà Tĩnh	2767	43C-319.25	Đà Nẵng	4367	47A-832.85	Đắk Lắk
1168	38A-690.58	Hà Tĩnh	2768	43C-323.35	Đà Nẵng	4368	47A-837.35	Đắk Lắk
1169	38A-705.35	Hà Tĩnh	2769	47A-817.26	Đắk Lắk	4369	47A-838.15	Đắk Lắk
1170	38B-025.16	Hà Tĩnh	2770	47A-841.09	Đắk Lắk	4370	47A-842.19	Đắk Lắk
1171	38C-245.06	Hà Tĩnh	2771	47A-846.06	Đắk Lắk	4371	47A-849.29	Đắk Lắk
1172	38C-250.98	Hà Tĩnh	2772	47A-860.09	Đắk Lắk	4372	47A-855.95	Đắk Lắk
1173	38D-020.65	Hà Tĩnh	2773	47A-860.59	Đắk Lắk	4373	47A-856.35	Đắk Lắk
1174	38D-021.36	Hà Tĩnh	2774	47A-863.25	Đắk Lắk	4374	47A-857.95	Đắk Lắk
1175	43A-947.65	Đà Nẵng	2775	47C-399.63	Đắk Lắk	4375	47C-403.63	Đắk Lắk
1176	43A-951.25	Đà Nẵng	2776	47C-400.26	Đắk Lắk	4376	47C-411.63	Đắk Lắk
1177	43A-953.26	Đà Nẵng	2777	47C-402.18	Đắk Lắk	4377	47C-414.08	Đắk Lắk
1178	43A-955.29	Đà Nẵng	2778	47C-403.08	Đắk Lắk	4378	47C-420.95	Đắk Lắk
1179	43A-957.96	Đà Nẵng	2779	47C-404.08	Đắk Lắk	4379	47D-024.63	Đắk Lắk
1180	43A-963.25	Đà Nẵng	2780	47C-404.35	Đắk Lắk	4380	48A-256.98	Đắk Nông
1181	43A-977.59	Đà Nẵng	2781	47C-407.18	Đắk Lắk	4381	48B-015.85	Đắk Nông
1182	43A-977.65	Đà Nẵng	2782	47C-407.85	Đắk Lắk	4382	48D-006.29	Đắk Nông
1183	43C-316.08	Đà Nẵng	2783	47C-408.63	Đắk Lắk	4383	49A-748.38	Lâm Đồng
1184	43C-319.38	Đà Nẵng	2784	47C-412.59	Đắk Lắk	4384	49A-749.59	Lâm Đồng
1185	43C-321.18	Đà Nẵng	2785	47C-415.95	Đắk Lắk	4385	49A-752.36	Lâm Đồng
1186	43C-321.95	Đà Nẵng	2786	47C-418.83	Đắk Lắk	4386	49A-756.19	Lâm Đồng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1187	43D-013.63	Đà Nẵng	2787	47C-419.56	Đắk Lắk	4387	49A-759.06	Lâm Đồng
1188	47A-816.35	Đắk Lắk	2788	47C-422.18	Đắk Lắk	4388	49A-761.96	Lâm Đồng
1189	47A-825.58	Đắk Lắk	2789	47C-423.63	Đắk Lắk	4389	49A-764.29	Lâm Đồng
1190	47A-841.19	Đắk Lắk	2790	48A-253.19	Đắk Nông	4390	49A-766.35	Lâm Đồng
1191	47A-847.28	Đắk Lắk	2791	48A-256.36	Đắk Nông	4391	49A-768.18	Lâm Đồng
1192	47A-849.25	Đắk Lắk	2792	48A-260.09	Đắk Nông	4392	49A-770.85	Lâm Đồng
1193	47A-852.59	Đắk Lắk	2793	48B-015.08	Đắk Nông	4393	49A-778.98	Lâm Đồng
1194	47A-858.35	Đắk Lắk	2794	48C-120.96	Đắk Nông	4394	49C-388.26	Lâm Đồng
1195	47B-043.18	Đắk Lắk	2795	48D-010.29	Đắk Nông	4395	49C-389.95	Lâm Đồng
1196	47B-044.36	Đắk Lắk	2796	49A-746.56	Lâm Đồng	4396	49C-393.18	Lâm Đồng
1197	47C-413.59	Đắk Lắk	2797	49A-746.98	Lâm Đồng	4397	49C-394.65	Lâm Đồng
1198	48A-250.83	Đắk Nông	2798	49A-751.16	Lâm Đồng	4398	49C-397.35	Lâm Đồng
1199	48A-255.06	Đắk Nông	2799	49A-755.15	Lâm Đồng	4399	49D-018.63	Lâm Đồng
1200	48A-255.28	Đắk Nông	2800	49A-762.29	Lâm Đồng	4400	51E-341.28	Hồ Chí Minh
1201	48A-258.06	Đắk Nông	2801	49A-764.85	Lâm Đồng	4401	51E-343.06	Hồ Chí Minh
1202	48D-006.35	Đắk Nông	2802	49A-766.15	Lâm Đồng	4402	51E-343.95	Hồ Chí Minh
1203	49A-747.65	Lâm Đồng	2803	49A-767.59	Lâm Đồng	4403	51E-350.08	Hồ Chí Minh
1204	49A-750.38	Lâm Đồng	2804	49A-767.83	Lâm Đồng	4404	51E-354.59	Hồ Chí Minh
1205	49A-751.36	Lâm Đồng	2805	49A-774.29	Lâm Đồng	4405	51L-900.96	Hồ Chí Minh
1206	49A-752.18	Lâm Đồng	2806	49A-779.15	Lâm Đồng	4406	51L-902.63	Hồ Chí Minh
1207	49A-754.18	Lâm Đồng	2807	49C-392.35	Lâm Đồng	4407	51L-913.08	Hồ Chí Minh
1208	49A-760.95	Lâm Đồng	2808	49D-017.36	Lâm Đồng	4408	51L-916.36	Hồ Chí Minh
1209	49A-761.25	Lâm Đồng	2809	49D-018.16	Lâm Đồng	4409	51L-918.36	Hồ Chí Minh
1210	49A-773.59	Lâm Đồng	2810	51E-342.95	Hồ Chí Minh	4410	51L-922.26	Hồ Chí Minh
1211	49A-780.59	Lâm Đồng	2811	51E-344.63	Hồ Chí Minh	4411	51L-926.65	Hồ Chí Minh
1212	49B-032.95	Lâm Đồng	2812	51E-352.08	Hồ Chí Minh	4412	51L-942.59	Hồ Chí Minh
1213	49B-033.83	Lâm Đồng	2813	51L-897.29	Hồ Chí Minh	4413	51L-943.15	Hồ Chí Minh
1214	49B-034.09	Lâm Đồng	2814	51L-901.25	Hồ Chí Minh	4414	51L-945.65	Hồ Chí Minh
1215	49C-385.59	Lâm Đồng	2815	51L-902.58	Hồ Chí Minh	4415	51L-950.15	Hồ Chí Minh
1216	49C-387.36	Lâm Đồng	2816	51L-903.19	Hồ Chí Minh	4416	51L-952.09	Hồ Chí Minh
1217	49C-389.25	Lâm Đồng	2817	51L-908.83	Hồ Chí Minh	4417	51L-953.16	Hồ Chí Minh
1218	49C-392.26	Lâm Đồng	2818	51L-913.25	Hồ Chí Minh	4418	51L-954.63	Hồ Chí Minh
1219	49C-393.19	Lâm Đồng	2819	51L-914.25	Hồ Chí Minh	4419	51L-958.15	Hồ Chí Minh
1220	49C-395.58	Lâm Đồng	2820	51L-920.96	Hồ Chí Minh	4420	51L-961.36	Hồ Chí Minh
1221	49C-398.58	Lâm Đồng	2821	51L-921.15	Hồ Chí Minh	4421	51L-962.83	Hồ Chí Minh
1222	49C-399.83	Lâm Đồng	2822	51L-926.25	Hồ Chí Minh	4422	51L-963.83	Hồ Chí Minh
1223	49D-016.58	Lâm Đồng	2823	51L-928.26	Hồ Chí Minh	4423	51L-983.25	Hồ Chí Minh
1224	49D-018.35	Lâm Đồng	2824	51L-928.63	Hồ Chí Minh	4424	51L-984.35	Hồ Chí Minh
1225	49D-018.59	Lâm Đồng	2825	51L-937.83	Hồ Chí Minh	4425	51L-987.06	Hồ Chí Minh
1226	51E-346.95	Hồ Chí Minh	2826	51L-944.19	Hồ Chí Minh	4426	51L-987.95	Hồ Chí Minh
1227	51E-348.29	Hồ Chí Minh	2827	51L-950.08	Hồ Chí Minh	4427	51L-997.08	Hồ Chí Minh

47
 NG
 U G
 3 DA
 T N
 JÂN -

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1228	51E-353.58	Hồ Chí Minh	2828	51L-955.63	Hồ Chí Minh	4428	51M-056.38	Hồ Chí Minh
1229	51E-354.25	Hồ Chí Minh	2829	51L-974.56	Hồ Chí Minh	4429	51M-063.09	Hồ Chí Minh
1230	51L-903.98	Hồ Chí Minh	2830	51L-975.09	Hồ Chí Minh	4430	51M-063.95	Hồ Chí Minh
1231	51L-907.96	Hồ Chí Minh	2831	51L-976.19	Hồ Chí Minh	4431	51M-067.09	Hồ Chí Minh
1232	51L-938.15	Hồ Chí Minh	2832	51L-986.25	Hồ Chí Minh	4432	51M-073.35	Hồ Chí Minh
1233	51L-941.85	Hồ Chí Minh	2833	51L-989.26	Hồ Chí Minh	4433	51M-075.25	Hồ Chí Minh
1234	51L-944.83	Hồ Chí Minh	2834	51L-991.59	Hồ Chí Minh	4434	51M-077.25	Hồ Chí Minh
1235	51L-944.98	Hồ Chí Minh	2835	51M-057.96	Hồ Chí Minh	4435	51M-077.59	Hồ Chí Minh
1236	51L-948.06	Hồ Chí Minh	2836	51M-062.56	Hồ Chí Minh	4436	51M-084.35	Hồ Chí Minh
1237	51L-950.28	Hồ Chí Minh	2837	51M-066.16	Hồ Chí Minh	4437	51M-086.83	Hồ Chí Minh
1238	51L-955.25	Hồ Chí Minh	2838	51M-070.09	Hồ Chí Minh	4438	51M-087.65	Hồ Chí Minh
1239	51L-963.65	Hồ Chí Minh	2839	51M-073.18	Hồ Chí Minh	4439	51M-088.95	Hồ Chí Minh
1240	51L-965.58	Hồ Chí Minh	2840	51M-079.58	Hồ Chí Minh	4440	51M-094.08	Hồ Chí Minh
1241	51L-966.26	Hồ Chí Minh	2841	51M-085.19	Hồ Chí Minh	4441	51M-096.85	Hồ Chí Minh
1242	51L-967.09	Hồ Chí Minh	2842	51M-087.95	Hồ Chí Minh	4442	51M-100.29	Hồ Chí Minh
1243	51L-972.15	Hồ Chí Minh	2843	51M-095.08	Hồ Chí Minh	4443	51M-101.29	Hồ Chí Minh
1244	51L-975.35	Hồ Chí Minh	2844	51M-105.18	Hồ Chí Minh	4444	51M-112.08	Hồ Chí Minh
1245	51L-983.09	Hồ Chí Minh	2845	51M-106.83	Hồ Chí Minh	4445	51M-113.95	Hồ Chí Minh
1246	51L-998.25	Hồ Chí Minh	2846	51M-106.95	Hồ Chí Minh	4446	51M-123.38	Hồ Chí Minh
1247	51L-998.96	Hồ Chí Minh	2847	51M-120.28	Hồ Chí Minh	4447	51M-126.08	Hồ Chí Minh
1248	51M-060.56	Hồ Chí Minh	2848	51M-120.65	Hồ Chí Minh	4448	51M-126.85	Hồ Chí Minh
1249	51M-065.08	Hồ Chí Minh	2849	51M-135.96	Hồ Chí Minh	4449	51M-137.25	Hồ Chí Minh
1250	51M-069.09	Hồ Chí Minh	2850	51M-136.15	Hồ Chí Minh	4450	51M-144.15	Hồ Chí Minh
1251	51M-070.28	Hồ Chí Minh	2851	51M-136.38	Hồ Chí Minh	4451	51M-155.16	Hồ Chí Minh
1252	51M-077.65	Hồ Chí Minh	2852	51M-141.63	Hồ Chí Minh	4452	51M-157.09	Hồ Chí Minh
1253	51M-089.85	Hồ Chí Minh	2853	51M-144.83	Hồ Chí Minh	4453	51M-159.09	Hồ Chí Minh
1254	51M-099.59	Hồ Chí Minh	2854	51M-151.09	Hồ Chí Minh	4454	51M-166.98	Hồ Chí Minh
1255	51M-104.96	Hồ Chí Minh	2855	51M-153.29	Hồ Chí Minh	4455	51M-172.09	Hồ Chí Minh
1256	51M-108.96	Hồ Chí Minh	2856	51M-166.15	Hồ Chí Minh	4456	51M-172.65	Hồ Chí Minh
1257	51M-113.06	Hồ Chí Minh	2857	51M-182.09	Hồ Chí Minh	4457	51M-179.25	Hồ Chí Minh
1258	51M-115.63	Hồ Chí Minh	2858	51M-193.36	Hồ Chí Minh	4458	51M-191.18	Hồ Chí Minh
1259	51M-119.28	Hồ Chí Minh	2859	51M-197.59	Hồ Chí Minh	4459	51M-200.58	Hồ Chí Minh
1260	51M-123.63	Hồ Chí Minh	2860	51M-201.26	Hồ Chí Minh	4460	51M-200.85	Hồ Chí Minh
1261	51M-123.85	Hồ Chí Minh	2861	51M-204.08	Hồ Chí Minh	4461	51M-233.36	Hồ Chí Minh
1262	51M-128.16	Hồ Chí Minh	2862	51M-206.58	Hồ Chí Minh	4462	51M-239.98	Hồ Chí Minh
1263	51M-132.95	Hồ Chí Minh	2863	51M-209.08	Hồ Chí Minh	4463	51M-253.36	Hồ Chí Minh
1264	51M-143.58	Hồ Chí Minh	2864	51M-211.25	Hồ Chí Minh	4464	51M-256.98	Hồ Chí Minh
1265	51M-167.18	Hồ Chí Minh	2865	51M-219.18	Hồ Chí Minh	4465	51M-259.09	Hồ Chí Minh
1266	51M-167.58	Hồ Chí Minh	2866	51M-219.56	Hồ Chí Minh	4466	51M-264.18	Hồ Chí Minh
1267	51M-177.38	Hồ Chí Minh	2867	51M-235.58	Hồ Chí Minh	4467	51M-270.85	Hồ Chí Minh
1268	51M-179.35	Hồ Chí Minh	2868	51M-236.08	Hồ Chí Minh	4468	51M-275.98	Hồ Chí Minh

Y
4
IH
M
P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1269	51M-182.36	Hồ Chí Minh	2869	51M-244.35	Hồ Chí Minh	4469	51M-281.98	Hồ Chí Minh
1270	51M-187.83	Hồ Chí Minh	2870	51M-247.19	Hồ Chí Minh	4470	51M-284.35	Hồ Chí Minh
1271	51M-197.28	Hồ Chí Minh	2871	51M-251.59	Hồ Chí Minh	4471	51M-289.83	Hồ Chí Minh
1272	51M-198.36	Hồ Chí Minh	2872	51M-257.19	Hồ Chí Minh	4472	51M-290.28	Hồ Chí Minh
1273	51M-219.28	Hồ Chí Minh	2873	51M-260.58	Hồ Chí Minh	4473	51M-303.95	Hồ Chí Minh
1274	51M-225.08	Hồ Chí Minh	2874	51M-270.96	Hồ Chí Minh	4474	51M-305.15	Hồ Chí Minh
1275	51M-229.38	Hồ Chí Minh	2875	51M-271.58	Hồ Chí Minh	4475	51M-305.18	Hồ Chí Minh
1276	51M-231.26	Hồ Chí Minh	2876	51M-277.06	Hồ Chí Minh	4476	51M-305.85	Hồ Chí Minh
1277	51M-234.85	Hồ Chí Minh	2877	51M-279.18	Hồ Chí Minh	4477	51N-009.83	Hồ Chí Minh
1278	51M-236.35	Hồ Chí Minh	2878	51M-281.63	Hồ Chí Minh	4478	51N-011.56	Hồ Chí Minh
1279	51M-244.18	Hồ Chí Minh	2879	51M-289.35	Hồ Chí Minh	4479	51N-018.28	Hồ Chí Minh
1280	51M-245.65	Hồ Chí Minh	2880	51M-291.96	Hồ Chí Minh	4480	51N-035.16	Hồ Chí Minh
1281	51M-246.16	Hồ Chí Minh	2881	51M-296.38	Hồ Chí Minh	4481	51N-036.56	Hồ Chí Minh
1282	51M-255.19	Hồ Chí Minh	2882	51M-298.25	Hồ Chí Minh	4482	51N-037.09	Hồ Chí Minh
1283	51M-257.16	Hồ Chí Minh	2883	51M-303.56	Hồ Chí Minh	4483	51N-040.58	Hồ Chí Minh
1284	51M-278.16	Hồ Chí Minh	2884	51M-308.95	Hồ Chí Minh	4484	51N-042.06	Hồ Chí Minh
1285	51M-282.35	Hồ Chí Minh	2885	51M-309.83	Hồ Chí Minh	4485	51N-047.65	Hồ Chí Minh
1286	51M-284.08	Hồ Chí Minh	2886	51M-310.18	Hồ Chí Minh	4486	51N-049.56	Hồ Chí Minh
1287	51M-287.06	Hồ Chí Minh	2887	51N-003.29	Hồ Chí Minh	4487	51N-056.96	Hồ Chí Minh
1288	51M-297.06	Hồ Chí Minh	2888	51N-007.25	Hồ Chí Minh	4488	51N-057.28	Hồ Chí Minh
1289	51M-307.98	Hồ Chí Minh	2889	51N-013.58	Hồ Chí Minh	4489	51N-059.56	Hồ Chí Minh
1290	51M-310.29	Hồ Chí Minh	2890	51N-017.59	Hồ Chí Minh	4490	51N-069.65	Hồ Chí Minh
1291	51M-311.36	Hồ Chí Minh	2891	51N-040.25	Hồ Chí Minh	4491	51N-074.83	Hồ Chí Minh
1292	51N-010.96	Hồ Chí Minh	2892	51N-040.29	Hồ Chí Minh	4492	51N-077.25	Hồ Chí Minh
1293	51N-019.25	Hồ Chí Minh	2893	51N-042.95	Hồ Chí Minh	4493	51N-078.06	Hồ Chí Minh
1294	51N-030.56	Hồ Chí Minh	2894	51N-044.15	Hồ Chí Minh	4494	51N-087.95	Hồ Chí Minh
1295	51N-033.83	Hồ Chí Minh	2895	51N-044.85	Hồ Chí Minh	4495	51N-093.15	Hồ Chí Minh
1296	51N-035.28	Hồ Chí Minh	2896	51N-045.63	Hồ Chí Minh	4496	51N-093.16	Hồ Chí Minh
1297	51N-036.85	Hồ Chí Minh	2897	51N-046.58	Hồ Chí Minh	4497	51N-105.63	Hồ Chí Minh
1298	51N-037.18	Hồ Chí Minh	2898	51N-057.95	Hồ Chí Minh	4498	51N-110.58	Hồ Chí Minh
1299	51N-048.38	Hồ Chí Minh	2899	51N-059.15	Hồ Chí Minh	4499	51N-118.56	Hồ Chí Minh
1300	51N-050.96	Hồ Chí Minh	2900	51N-060.35	Hồ Chí Minh	4500	51N-122.58	Hồ Chí Minh
1301	51N-054.18	Hồ Chí Minh	2901	51N-062.29	Hồ Chí Minh	4501	51N-127.59	Hồ Chí Minh
1302	51N-070.06	Hồ Chí Minh	2902	51N-078.85	Hồ Chí Minh	4502	51N-132.98	Hồ Chí Minh
1303	51N-075.08	Hồ Chí Minh	2903	51N-081.36	Hồ Chí Minh	4503	51N-135.09	Hồ Chí Minh
1304	51N-089.06	Hồ Chí Minh	2904	51N-083.09	Hồ Chí Minh	4504	51N-135.25	Hồ Chí Minh
1305	51N-094.96	Hồ Chí Minh	2905	51N-096.98	Hồ Chí Minh	4505	51N-138.26	Hồ Chí Minh
1306	51N-107.59	Hồ Chí Minh	2906	51N-098.38	Hồ Chí Minh	4506	51N-141.58	Hồ Chí Minh
1307	51N-114.25	Hồ Chí Minh	2907	51N-102.35	Hồ Chí Minh	4507	51N-147.15	Hồ Chí Minh
1308	51N-118.85	Hồ Chí Minh	2908	51N-112.16	Hồ Chí Minh	4508	60B-081.15	Đồng Nai
1309	51N-138.15	Hồ Chí Minh	2909	51N-118.36	Hồ Chí Minh	4509	60C-757.18	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1310	51N-138.63	Hồ Chí Minh	2910	51N-120.59	Hồ Chí Minh	4510	60C-762.83	Đồng Nai
1311	51N-140.29	Hồ Chí Minh	2911	51N-121.83	Hồ Chí Minh	4511	60C-763.29	Đồng Nai
1312	51N-143.25	Hồ Chí Minh	2912	51N-122.98	Hồ Chí Minh	4512	60C-764.98	Đồng Nai
1313	51N-148.15	Hồ Chí Minh	2913	51N-123.95	Hồ Chí Minh	4513	60C-773.56	Đồng Nai
1314	51N-154.98	Hồ Chí Minh	2914	51N-124.95	Hồ Chí Minh	4514	60C-783.06	Đồng Nai
1315	60B-081.36	Đồng Nai	2915	51N-128.06	Hồ Chí Minh	4515	60C-784.08	Đồng Nai
1316	60C-774.25	Đồng Nai	2916	51N-136.29	Hồ Chí Minh	4516	60C-786.35	Đồng Nai
1317	60C-777.95	Đồng Nai	2917	51N-143.29	Hồ Chí Minh	4517	60C-786.96	Đồng Nai
1318	60K-620.15	Đồng Nai	2918	51N-151.83	Hồ Chí Minh	4518	60C-788.85	Đồng Nai
1319	60K-625.58	Đồng Nai	2919	51N-154.95	Hồ Chí Minh	4519	60C-792.25	Đồng Nai
1320	60K-631.29	Đồng Nai	2920	60C-758.36	Đồng Nai	4520	60D-022.15	Đồng Nai
1321	60K-644.08	Đồng Nai	2921	60C-761.56	Đồng Nai	4521	60K-619.28	Đồng Nai
1322	60K-655.58	Đồng Nai	2922	60C-766.06	Đồng Nai	4522	60K-619.63	Đồng Nai
1323	60K-655.59	Đồng Nai	2923	60C-766.28	Đồng Nai	4523	60K-630.65	Đồng Nai
1324	60K-659.16	Đồng Nai	2924	60C-768.19	Đồng Nai	4524	60K-639.15	Đồng Nai
1325	60K-669.19	Đồng Nai	2925	60C-769.95	Đồng Nai	4525	60K-643.08	Đồng Nai
1326	60K-685.83	Đồng Nai	2926	60C-774.98	Đồng Nai	4526	60K-643.95	Đồng Nai
1327	60K-686.09	Đồng Nai	2927	60C-780.85	Đồng Nai	4527	60K-652.08	Đồng Nai
1328	60K-692.58	Đồng Nai	2928	60C-781.83	Đồng Nai	4528	60K-659.08	Đồng Nai
1329	60K-695.35	Đồng Nai	2929	60C-788.08	Đồng Nai	4529	60K-663.08	Đồng Nai
1330	61B-044.65	Bình Dương	2930	60D-025.35	Đồng Nai	4530	60K-668.06	Đồng Nai
1331	61B-045.59	Bình Dương	2931	60K-619.59	Đồng Nai	4531	60K-673.08	Đồng Nai
1332	61C-612.38	Bình Dương	2932	60K-625.63	Đồng Nai	4532	60K-681.36	Đồng Nai
1333	61C-614.58	Bình Dương	2933	60K-628.18	Đồng Nai	4533	60K-681.56	Đồng Nai
1334	61C-617.35	Bình Dương	2934	60K-628.56	Đồng Nai	4534	60K-692.09	Đồng Nai
1335	61C-623.18	Bình Dương	2935	60K-634.83	Đồng Nai	4535	61B-046.06	Bình Dương
1336	61C-629.36	Bình Dương	2936	60K-634.96	Đồng Nai	4536	61B-047.96	Bình Dương
1337	61C-630.35	Bình Dương	2937	60K-637.35	Đồng Nai	4537	61C-612.59	Bình Dương
1338	61C-634.15	Bình Dương	2938	60K-648.26	Đồng Nai	4538	61C-616.36	Bình Dương
1339	61C-639.25	Bình Dương	2939	60K-650.95	Đồng Nai	4539	61C-617.25	Bình Dương
1340	61C-643.09	Bình Dương	2940	60K-654.29	Đồng Nai	4540	61C-620.09	Bình Dương
1341	61K-522.63	Bình Dương	2941	60K-656.09	Đồng Nai	4541	61C-627.83	Bình Dương
1342	61K-523.19	Bình Dương	2942	60K-658.96	Đồng Nai	4542	61C-628.98	Bình Dương
1343	61K-525.98	Bình Dương	2943	60K-663.58	Đồng Nai	4543	61K-527.15	Bình Dương
1344	61K-527.65	Bình Dương	2944	60K-663.85	Đồng Nai	4544	61K-537.18	Bình Dương
1345	61K-530.96	Bình Dương	2945	60K-676.16	Đồng Nai	4545	61K-538.98	Bình Dương
1346	61K-534.15	Bình Dương	2946	60K-682.38	Đồng Nai	4546	61K-546.15	Bình Dương
1347	61K-534.65	Bình Dương	2947	60K-684.36	Đồng Nai	4547	61K-546.96	Bình Dương
1348	61K-539.98	Bình Dương	2948	60K-686.35	Đồng Nai	4548	61K-549.98	Bình Dương
1349	61K-544.15	Bình Dương	2949	60K-701.63	Đồng Nai	4549	61K-554.08	Bình Dương
1350	61K-546.08	Bình Dương	2950	61C-614.18	Bình Dương	4550	61K-557.16	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1351	61K-550.06	Bình Dương	2951	61C-625.56	Bình Dương	4551	61K-557.98	Bình Dương
1352	61K-553.36	Bình Dương	2952	61C-627.63	Bình Dương	4552	61K-567.96	Bình Dương
1353	61K-554.29	Bình Dương	2953	61D-023.95	Bình Dương	4553	61K-577.26	Bình Dương
1354	61K-555.83	Bình Dương	2954	61K-530.18	Bình Dương	4554	61K-581.36	Bình Dương
1355	61K-566.06	Bình Dương	2955	61K-531.08	Bình Dương	4555	61K-595.56	Bình Dương
1356	61K-578.56	Bình Dương	2956	61K-553.95	Bình Dương	4556	61K-595.58	Bình Dương
1357	61K-579.08	Bình Dương	2957	61K-563.26	Bình Dương	4557	61K-596.85	Bình Dương
1358	61K-582.95	Bình Dương	2958	61K-565.83	Bình Dương	4558	62A-471.25	Long An
1359	61K-592.28	Bình Dương	2959	61K-567.08	Bình Dương	4559	62A-479.38	Long An
1360	62A-472.06	Long An	2960	61K-571.25	Bình Dương	4560	62A-479.95	Long An
1361	62A-482.58	Long An	2961	61K-577.96	Bình Dương	4561	62A-480.56	Long An
1362	62A-485.19	Long An	2962	61K-580.83	Bình Dương	4562	62A-485.63	Long An
1363	62A-486.98	Long An	2963	61K-595.15	Bình Dương	4563	62A-492.28	Long An
1364	62C-216.65	Long An	2964	62A-474.85	Long An	4564	62C-218.38	Long An
1365	62C-217.85	Long An	2965	62A-478.08	Long An	4565	62C-224.26	Long An
1366	62D-014.56	Long An	2966	62A-479.98	Long An	4566	63A-324.38	Tiền Giang
1367	63A-335.25	Tiền Giang	2967	62A-480.19	Long An	4567	63A-325.35	Tiền Giang
1368	63A-336.25	Tiền Giang	2968	62C-219.65	Long An	4568	63B-034.29	Tiền Giang
1369	63C-229.08	Tiền Giang	2969	63A-331.85	Tiền Giang	4569	63C-229.56	Tiền Giang
1370	63C-234.85	Tiền Giang	2970	63A-334.36	Tiền Giang	4570	63C-230.19	Tiền Giang
1371	63D-014.06	Tiền Giang	2971	63C-237.98	Tiền Giang	4571	63C-231.59	Tiền Giang
1372	64A-204.16	Vĩnh Long	2972	63D-012.65	Tiền Giang	4572	63C-234.19	Tiền Giang
1373	64A-210.65	Vĩnh Long	2973	64A-209.25	Vĩnh Long	4573	63C-238.58	Tiền Giang
1374	64A-210.85	Vĩnh Long	2974	64B-017.19	Vĩnh Long	4574	64A-208.16	Vĩnh Long
1375	64A-214.06	Vĩnh Long	2975	64D-008.36	Vĩnh Long	4575	64A-212.25	Vĩnh Long
1376	64B-017.58	Vĩnh Long	2976	65A-519.06	Cần Thơ	4576	64B-017.65	Vĩnh Long
1377	64C-137.98	Vĩnh Long	2977	65A-520.29	Cần Thơ	4577	64C-138.08	Vĩnh Long
1378	64D-008.58	Vĩnh Long	2978	65A-525.38	Cần Thơ	4578	64C-138.29	Vĩnh Long
1379	65A-530.15	Cần Thơ	2979	65A-526.83	Cần Thơ	4579	64D-009.15	Vĩnh Long
1380	65A-534.96	Cần Thơ	2980	65C-258.18	Cần Thơ	4580	65A-522.56	Cần Thơ
1381	65A-535.26	Cần Thơ	2981	65C-271.08	Cần Thơ	4581	65B-027.96	Cần Thơ
1382	65B-025.15	Cần Thơ	2982	65C-271.36	Cần Thơ	4582	65C-250.08	Cần Thơ
1383	65B-026.19	Cần Thơ	2983	65D-013.25	Cần Thơ	4583	65C-258.16	Cần Thơ
1384	65C-258.06	Cần Thơ	2984	66A-303.59	Đồng Tháp	4584	65C-280.18	Cần Thơ
1385	65C-262.59	Cần Thơ	2985	66A-303.63	Đồng Tháp	4585	66A-306.15	Đồng Tháp
1386	65C-274.06	Cần Thơ	2986	66A-305.29	Đồng Tháp	4586	66A-308.38	Đồng Tháp
1387	65D-013.18	Cần Thơ	2987	66A-308.25	Đồng Tháp	4587	66A-311.08	Đồng Tháp
1388	66A-309.25	Đồng Tháp	2988	66A-318.35	Đồng Tháp	4588	66A-313.15	Đồng Tháp
1389	66A-317.06	Đồng Tháp	2989	66C-187.85	Đồng Tháp	4589	66A-314.98	Đồng Tháp
1390	66A-317.65	Đồng Tháp	2990	67A-335.08	An Giang	4590	67A-329.56	An Giang
1391	66B-024.96	Đồng Tháp	2991	67A-345.38	An Giang	4591	67A-330.06	An Giang

ĐI 4
ÔNG
ĐẦU
ỚP D
ỆT M
YUÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1392	66C-184.06	Đồng Tháp	2992	67A-345.85	An Giang	4592	67A-332.63	An Giang
1393	67A-334.65	An Giang	2993	67B-030.58	An Giang	4593	67A-336.83	An Giang
1394	67A-345.95	An Giang	2994	67B-031.59	An Giang	4594	67A-336.85	An Giang
1395	67A-346.19	An Giang	2995	67C-194.26	An Giang	4595	67B-031.06	An Giang
1396	67B-033.06	An Giang	2996	67D-008.96	An Giang	4596	67C-196.25	An Giang
1397	67C-192.35	An Giang	2997	68A-371.56	Kiên Giang	4597	67D-010.98	An Giang
1398	67C-194.96	An Giang	2998	68C-179.63	Kiên Giang	4598	68A-368.06	Kiên Giang
1399	67D-009.85	An Giang	2999	68C-181.56	Kiên Giang	4599	68A-376.08	Kiên Giang
1400	68A-369.06	Kiên Giang	3000	68D-009.15	Kiên Giang	4600	68A-377.85	Kiên Giang
1401	68A-369.59	Kiên Giang	3001	69A-169.85	Cà Mau	4601	68A-381.19	Kiên Giang
1402	68B-036.38	Kiên Giang	3002	69A-170.96	Cà Mau	4602	68B-034.29	Kiên Giang
1403	68C-181.08	Kiên Giang	3003	69A-174.63	Cà Mau	4603	68C-178.38	Kiên Giang
1404	68C-185.06	Kiên Giang	3004	69B-017.35	Cà Mau	4604	69A-168.98	Cà Mau
1405	68D-010.18	Kiên Giang	3005	69D-007.18	Cà Mau	4605	69A-171.08	Cà Mau
1406	69B-016.56	Cà Mau	3006	69D-007.29	Cà Mau	4606	69D-006.35	Cà Mau
1407	70A-590.29	Tây Ninh	3007	70A-595.56	Tây Ninh	4607	70A-586.06	Tây Ninh
1408	70A-594.58	Tây Ninh	3008	70A-598.19	Tây Ninh	4608	70A-586.35	Tây Ninh
1409	70A-595.83	Tây Ninh	3009	70A-599.85	Tây Ninh	4609	70A-595.38	Tây Ninh
1410	70A-596.19	Tây Ninh	3010	70A-608.98	Tây Ninh	4610	70A-603.19	Tây Ninh
1411	70A-600.15	Tây Ninh	3011	70A-612.83	Tây Ninh	4611	70A-604.09	Tây Ninh
1412	70A-603.18	Tây Ninh	3012	70B-037.35	Tây Ninh	4612	70A-604.38	Tây Ninh
1413	70A-612.15	Tây Ninh	3013	70C-214.08	Tây Ninh	4613	70A-604.59	Tây Ninh
1414	70A-613.59	Tây Ninh	3014	70C-219.56	Tây Ninh	4614	70A-605.08	Tây Ninh
1415	70D-011.35	Tây Ninh	3015	70D-011.95	Tây Ninh	4615	70A-606.63	Tây Ninh
1416	70D-014.25	Tây Ninh	3016	71A-221.83	Bến Tre	4616	70A-608.58	Tây Ninh
1417	71A-218.96	Bến Tre	3017	71B-023.09	Bến Tre	4617	70B-037.59	Tây Ninh
1418	71A-219.38	Bến Tre	3018	72A-845.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	4618	70C-216.63	Tây Ninh
1419	71A-221.25	Bến Tre	3019	72A-845.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	4619	71A-221.58	Bến Tre
1420	71A-221.35	Bến Tre	3020	72A-849.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4620	71B-023.96	Bến Tre
1421	71B-025.09	Bến Tre	3021	72A-850.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4621	71B-026.38	Bến Tre
1422	72A-850.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	3022	72A-864.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	4622	71C-135.98	Bến Tre
1423	72A-856.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	3023	72A-870.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	4623	71C-138.59	Bến Tre
1424	72A-860.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	3024	72A-876.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	4624	71D-008.29	Bến Tre
1425	72A-871.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	3025	72A-876.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	4625	72A-850.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
1426	72A-872.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3026	72A-878.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4626	72A-859.36	Bà Rịa - Vũng Tàu
1427	72A-873.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	3027	72A-878.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	4627	72A-864.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
1428	72A-874.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	3028	72B-046.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	4628	72A-866.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
1429	72B-049.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	3029	72B-047.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	4629	72A-876.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
1430	72C-268.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	3030	72C-264.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	4630	72A-880.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
1431	72C-279.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	3031	72C-275.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	4631	72C-267.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
1432	72D-015.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3032	72C-282.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	4632	72C-280.65	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1433	73A-374.28	Quảng Bình	3033	73A-374.06	Quảng Bình	4633	73A-381.98	Quảng Bình
1434	73A-375.36	Quảng Bình	3034	73A-375.65	Quảng Bình	4634	73B-019.28	Quảng Bình
1435	73B-020.18	Quảng Bình	3035	73C-191.95	Quảng Bình	4635	73B-019.38	Quảng Bình
1436	73C-197.59	Quảng Bình	3036	74A-282.26	Quảng Trị	4636	73B-020.06	Quảng Bình
1437	73D-012.08	Quảng Bình	3037	74A-282.38	Quảng Trị	4637	73D-009.19	Quảng Bình
1438	74C-149.63	Quảng Trị	3038	74A-284.15	Quảng Trị	4638	74A-281.96	Quảng Trị
1439	74D-014.28	Quảng Trị	3039	74A-285.06	Quảng Trị	4639	74A-282.35	Quảng Trị
1440	75A-397.36	Thừa Thiên Huế	3040	74A-287.06	Quảng Trị	4640	74A-285.18	Quảng Trị
1441	75A-399.06	Thừa Thiên Huế	3041	74B-017.16	Quảng Trị	4641	74B-017.96	Quảng Trị
1442	75B-030.98	Thừa Thiên Huế	3042	74B-017.56	Quảng Trị	4642	74C-144.59	Quảng Trị
1443	75C-162.35	Thừa Thiên Huế	3043	74B-018.59	Quảng Trị	4643	74C-146.15	Quảng Trị
1444	75C-164.26	Thừa Thiên Huế	3044	75A-394.19	Thừa Thiên Huế	4644	74C-146.96	Quảng Trị
1445	75D-010.58	Thừa Thiên Huế	3045	75A-395.08	Thừa Thiên Huế	4645	74C-148.59	Quảng Trị
1446	76A-334.85	Quảng Ngãi	3046	75A-396.19	Thừa Thiên Huế	4646	74D-013.28	Quảng Trị
1447	76B-030.25	Quảng Ngãi	3047	75A-401.38	Thừa Thiên Huế	4647	75A-398.09	Thừa Thiên Huế
1448	76B-030.28	Quảng Ngãi	3048	75C-159.18	Thừa Thiên Huế	4648	75C-160.28	Thừa Thiên Huế
1449	76D-012.19	Quảng Ngãi	3049	75C-159.83	Thừa Thiên Huế	4649	75C-161.28	Thừa Thiên Huế
1450	76D-014.25	Quảng Ngãi	3050	75C-162.98	Thừa Thiên Huế	4650	75D-009.56	Thừa Thiên Huế
1451	77A-363.06	Bình Định	3051	76A-328.38	Quảng Ngãi	4651	75D-011.28	Thừa Thiên Huế
1452	77A-364.83	Bình Định	3052	76A-336.18	Quảng Ngãi	4652	75D-011.65	Thừa Thiên Huế
1453	77A-364.95	Bình Định	3053	76A-336.25	Quảng Ngãi	4653	76A-325.19	Quảng Ngãi
1454	77A-365.06	Bình Định	3054	76C-179.15	Quảng Ngãi	4654	76A-329.35	Quảng Ngãi
1455	77D-008.58	Bình Định	3055	76C-179.38	Quảng Ngãi	4655	76A-329.36	Quảng Ngãi
1456	77D-009.06	Bình Định	3056	76C-180.58	Quảng Ngãi	4656	76A-334.38	Quảng Ngãi
1457	78A-218.56	Phú Yên	3057	76D-013.29	Quảng Ngãi	4657	76B-028.16	Quảng Ngãi
1458	78A-219.25	Phú Yên	3058	76D-015.59	Quảng Ngãi	4658	76C-179.29	Quảng Ngãi
1459	78A-222.65	Phú Yên	3059	77A-356.95	Bình Định	4659	76C-180.15	Quảng Ngãi
1460	78A-226.16	Phú Yên	3060	77B-038.59	Bình Định	4660	77A-360.58	Bình Định
1461	78B-019.58	Phú Yên	3061	77B-039.83	Bình Định	4661	77A-362.18	Bình Định
1462	78B-020.06	Phú Yên	3062	77C-266.63	Bình Định	4662	77A-364.19	Bình Định
1463	78B-020.15	Phú Yên	3063	77D-008.59	Bình Định	4663	77A-368.19	Bình Định
1464	78B-022.09	Phú Yên	3064	78C-126.19	Phú Yên	4664	77C-262.25	Bình Định
1465	78C-127.56	Phú Yên	3065	78C-129.98	Phú Yên	4665	77D-008.65	Bình Định
1466	78D-008.58	Phú Yên	3066	79A-569.63	Khánh Hòa	4666	78A-217.16	Phú Yên
1467	79A-570.16	Khánh Hòa	3067	79A-575.63	Khánh Hòa	4667	78A-220.16	Phú Yên
1468	79A-571.65	Khánh Hòa	3068	79A-581.96	Khánh Hòa	4668	78A-225.15	Phú Yên
1469	79A-576.28	Khánh Hòa	3069	79A-582.29	Khánh Hòa	4669	78C-128.95	Phú Yên
1470	79A-578.15	Khánh Hòa	3070	79A-584.36	Khánh Hòa	4670	79A-569.28	Khánh Hòa
1471	79A-582.38	Khánh Hòa	3071	79A-585.29	Khánh Hòa	4671	79A-584.06	Khánh Hòa
1472	79A-584.59	Khánh Hòa	3072	79A-587.26	Khánh Hòa	4672	79A-592.35	Khánh Hòa
1473	79A-589.18	Khánh Hòa	3073	79A-589.19	Khánh Hòa	4673	79B-044.16	Khánh Hòa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1474	79A-594.25	Khánh Hòa	3074	79B-047.29	Khánh Hòa	4674	79B-045.26	Khánh Hòa
1475	79C-234.96	Khánh Hòa	3075	79C-230.08	Khánh Hòa	4675	79B-045.28	Khánh Hòa
1476	79C-235.58	Khánh Hòa	3076	79C-234.26	Khánh Hòa	4676	79B-046.09	Khánh Hòa
1477	79D-010.85	Khánh Hòa	3077	79C-234.95	Khánh Hòa	4677	79B-046.85	Khánh Hòa
1478	79D-013.18	Khánh Hòa	3078	81A-458.65	Gia Lai	4678	79C-232.25	Khánh Hòa
1479	81A-456.29	Gia Lai	3079	81A-461.09	Gia Lai	4679	79D-011.09	Khánh Hòa
1480	81A-460.96	Gia Lai	3080	81A-465.96	Gia Lai	4680	81A-457.26	Gia Lai
1481	81A-476.06	Gia Lai	3081	81A-472.85	Gia Lai	4681	81A-471.63	Gia Lai
1482	81A-478.09	Gia Lai	3082	81A-474.63	Gia Lai	4682	81A-475.19	Gia Lai
1483	81B-031.28	Gia Lai	3083	81A-474.85	Gia Lai	4683	81A-476.95	Gia Lai
1484	81C-286.65	Gia Lai	3084	81A-475.36	Gia Lai	4684	81C-298.59	Gia Lai
1485	81C-292.59	Gia Lai	3085	81A-476.98	Gia Lai	4685	81C-299.28	Gia Lai
1486	81C-295.08	Gia Lai	3086	81C-298.16	Gia Lai	4686	81D-015.95	Gia Lai
1487	81C-297.26	Gia Lai	3087	82A-161.83	Kon Tum	4687	82A-164.15	Kon Tum
1488	81C-299.06	Gia Lai	3088	82A-164.98	Kon Tum	4688	82B-022.15	Kon Tum
1489	82A-162.09	Kon Tum	3089	82B-021.06	Kon Tum	4689	82C-095.36	Kon Tum
1490	83A-192.96	Sóc Trăng	3090	82C-096.38	Kon Tum	4690	82D-011.35	Kon Tum
1491	83C-137.06	Sóc Trăng	3091	82D-012.16	Kon Tum	4691	82D-014.08	Kon Tum
1492	83C-138.19	Sóc Trăng	3092	83B-023.28	Sóc Trăng	4692	83A-194.35	Sóc Trăng
1493	84B-020.08	Trà Vinh	3093	83D-010.18	Sóc Trăng	4693	83A-199.36	Sóc Trăng
1494	84B-021.26	Trà Vinh	3094	83D-011.26	Sóc Trăng	4694	83A-199.59	Sóc Trăng
1495	84B-021.36	Trà Vinh	3095	84A-148.25	Trà Vinh	4695	83B-026.36	Sóc Trăng
1496	84D-007.36	Trà Vinh	3096	84A-148.58	Trà Vinh	4696	83C-135.29	Sóc Trăng
1497	85A-150.85	Ninh Thuận	3097	84A-149.85	Trà Vinh	4697	84A-148.59	Trà Vinh
1498	85A-151.28	Ninh Thuận	3098	84B-021.28	Trà Vinh	4698	84A-151.95	Trà Vinh
1499	85A-153.63	Ninh Thuận	3099	84C-124.59	Trà Vinh	4699	84A-151.96	Trà Vinh
1500	85B-015.09	Ninh Thuận	3100	84C-127.58	Trà Vinh	4700	84B-020.35	Trà Vinh
1501	85B-016.36	Ninh Thuận	3101	84D-005.83	Trà Vinh	4701	84D-006.59	Trà Vinh
1502	85D-009.06	Ninh Thuận	3102	85A-148.06	Ninh Thuận	4702	85A-151.29	Ninh Thuận
1503	86A-321.56	Bình Thuận	3103	85A-153.06	Ninh Thuận	4703	85B-016.38	Ninh Thuận
1504	86A-323.09	Bình Thuận	3104	85C-087.26	Ninh Thuận	4704	86A-326.63	Bình Thuận
1505	86A-324.98	Bình Thuận	3105	85C-087.35	Ninh Thuận	4705	86A-328.36	Bình Thuận
1506	86A-329.95	Bình Thuận	3106	85C-088.63	Ninh Thuận	4706	86C-213.85	Bình Thuận
1507	86D-006.65	Bình Thuận	3107	85D-010.38	Ninh Thuận	4707	88A-789.15	Vĩnh Phúc
1508	88A-797.83	Vĩnh Phúc	3108	86A-320.18	Bình Thuận	4708	88A-796.09	Vĩnh Phúc
1509	88A-798.36	Vĩnh Phúc	3109	86A-321.18	Bình Thuận	4709	88A-796.29	Vĩnh Phúc
1510	88A-799.25	Vĩnh Phúc	3110	86B-025.18	Bình Thuận	4710	88A-798.29	Vĩnh Phúc
1511	88A-801.26	Vĩnh Phúc	3111	86B-028.08	Bình Thuận	4711	88A-800.29	Vĩnh Phúc
1512	88A-802.96	Vĩnh Phúc	3112	86C-211.15	Bình Thuận	4712	88A-803.58	Vĩnh Phúc
1513	88A-806.83	Vĩnh Phúc	3113	86C-211.16	Bình Thuận	4713	88A-806.25	Vĩnh Phúc
1514	88A-807.36	Vĩnh Phúc	3114	86D-006.56	Bình Thuận	4714	88A-807.56	Vĩnh Phúc

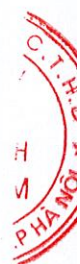
...ĐT
 CÔNG
 ĐÃI
 HỢP
 VIỆT
 NH XU

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1515	88A-808.95	Vĩnh Phúc	3115	86D-006.85	Bình Thuận	4715	88A-811.08	Vĩnh Phúc
1516	88A-809.58	Vĩnh Phúc	3116	86D-009.06	Bình Thuận	4716	88A-817.06	Vĩnh Phúc
1517	88A-816.09	Vĩnh Phúc	3117	88A-798.25	Vĩnh Phúc	4717	88A-821.19	Vĩnh Phúc
1518	88A-826.06	Vĩnh Phúc	3118	88A-798.96	Vĩnh Phúc	4718	88A-821.59	Vĩnh Phúc
1519	88A-828.58	Vĩnh Phúc	3119	88A-800.06	Vĩnh Phúc	4719	88A-823.35	Vĩnh Phúc
1520	88B-024.18	Vĩnh Phúc	3120	88A-829.95	Vĩnh Phúc	4720	88C-314.36	Vĩnh Phúc
1521	88B-024.96	Vĩnh Phúc	3121	88B-024.08	Vĩnh Phúc	4721	88C-318.06	Vĩnh Phúc
1522	88C-311.25	Vĩnh Phúc	3122	88C-311.08	Vĩnh Phúc	4722	88C-318.26	Vĩnh Phúc
1523	88C-314.09	Vĩnh Phúc	3123	89A-538.15	Hung Yên	4723	88C-325.65	Vĩnh Phúc
1524	88C-315.35	Vĩnh Phúc	3124	89A-540.28	Hung Yên	4724	89A-533.15	Hung Yên
1525	88C-319.58	Vĩnh Phúc	3125	89A-543.18	Hung Yên	4725	89A-533.28	Hung Yên
1526	88C-323.58	Vĩnh Phúc	3126	89A-543.19	Hung Yên	4726	89A-534.16	Hung Yên
1527	88D-021.16	Vĩnh Phúc	3127	89A-543.85	Hung Yên	4727	89A-540.85	Hung Yên
1528	88D-022.08	Vĩnh Phúc	3128	89C-348.83	Hung Yên	4728	89A-546.59	Hung Yên
1529	88D-022.35	Vĩnh Phúc	3129	89C-355.65	Hung Yên	4729	89A-551.29	Hung Yên
1530	89A-535.98	Hung Yên	3130	89D-024.26	Hung Yên	4730	89A-553.28	Hung Yên
1531	89A-554.95	Hung Yên	3131	89D-026.08	Hung Yên	4731	89A-559.28	Hung Yên
1532	89A-559.25	Hung Yên	3132	90A-287.85	Hà Nam	4732	89A-562.35	Hung Yên
1533	89A-566.63	Hung Yên	3133	90C-155.83	Hà Nam	4733	89A-564.16	Hung Yên
1534	89B-025.16	Hung Yên	3134	90C-160.15	Hà Nam	4734	89B-027.08	Hung Yên
1535	89C-345.19	Hung Yên	3135	92A-433.58	Quảng Nam	4735	89C-348.36	Hung Yên
1536	89C-352.09	Hung Yên	3136	92A-445.16	Quảng Nam	4736	89C-349.18	Hung Yên
1537	89C-352.15	Hung Yên	3137	92B-042.16	Quảng Nam	4737	89D-023.29	Hung Yên
1538	89C-359.83	Hung Yên	3138	92B-042.19	Quảng Nam	4738	89D-024.08	Hung Yên
1539	89C-360.08	Hung Yên	3139	92C-261.59	Quảng Nam	4739	89D-024.19	Hung Yên
1540	89D-023.28	Hung Yên	3140	92C-264.35	Quảng Nam	4740	90A-292.15	Hà Nam
1541	90A-293.38	Hà Nam	3141	92C-265.16	Quảng Nam	4741	90A-299.06	Hà Nam
1542	90A-299.38	Hà Nam	3142	92D-012.15	Quảng Nam	4742	90A-300.28	Hà Nam
1543	90A-302.15	Hà Nam	3143	92D-012.56	Quảng Nam	4743	90A-300.58	Hà Nam
1544	90C-156.59	Hà Nam	3144	92D-012.83	Quảng Nam	4744	90A-301.26	Hà Nam
1545	90C-158.19	Hà Nam	3145	93A-508.38	Bình Phước	4745	90A-302.28	Hà Nam
1546	90D-010.15	Hà Nam	3146	93A-513.19	Bình Phước	4746	90A-302.38	Hà Nam
1547	92A-436.16	Quảng Nam	3147	93A-522.96	Bình Phước	4747	90B-014.09	Hà Nam
1548	92A-442.26	Quảng Nam	3148	93B-022.95	Bình Phước	4748	90C-156.08	Hà Nam
1549	92A-448.85	Quảng Nam	3149	93B-023.09	Bình Phước	4749	90C-158.28	Hà Nam
1550	92B-040.06	Quảng Nam	3150	93C-204.59	Bình Phước	4750	90C-159.35	Hà Nam
1551	92B-041.83	Quảng Nam	3151	93C-208.29	Bình Phước	4751	90D-011.36	Hà Nam
1552	92D-014.16	Quảng Nam	3152	94A-110.65	Bạc Liêu	4752	92A-443.26	Quảng Nam
1553	93A-510.36	Bình Phước	3153	94A-112.63	Bạc Liêu	4753	92C-262.25	Quảng Nam
1554	93A-511.09	Bình Phước	3154	94A-113.36	Bạc Liêu	4754	92C-264.08	Quảng Nam
1555	93A-511.59	Bình Phước	3155	94D-007.83	Bạc Liêu	4755	92D-013.95	Quảng Nam

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1556	93B-024.59	Bình Phước	3156	95A-141.56	Hậu Giang	4756	93A-505.96	Bình Phước
1557	93D-011.28	Bình Phước	3157	95A-142.58	Hậu Giang	4757	93A-513.96	Bình Phước
1558	94B-015.19	Bạc Liêu	3158	95B-016.38	Hậu Giang	4758	93A-514.06	Bình Phước
1559	94B-017.85	Bạc Liêu	3159	95C-092.08	Hậu Giang	4759	93A-515.06	Bình Phước
1560	94C-085.28	Bạc Liêu	3160	95D-025.59	Hậu Giang	4760	93A-517.26	Bình Phước
1561	94C-086.25	Bạc Liêu	3161	97A-096.85	Bắc Kạn	4761	93B-021.56	Bình Phước
1562	94D-006.85	Bạc Liêu	3162	97B-016.19	Bắc Kạn	4762	93B-023.25	Bình Phước
1563	95A-137.29	Hậu Giang	3163	97B-018.08	Bắc Kạn	4763	93B-024.96	Bình Phước
1564	95C-089.59	Hậu Giang	3164	97C-052.09	Bắc Kạn	4764	93C-200.19	Bình Phước
1565	97A-095.63	Bắc Kạn	3165	97D-007.59	Bắc Kạn	4765	93C-202.08	Bình Phước
1566	97D-009.59	Bắc Kạn	3166	98A-860.18	Bắc Giang	4766	94B-014.95	Bạc Liêu
1567	98A-861.36	Bắc Giang	3167	98A-862.56	Bắc Giang	4767	95B-017.15	Hậu Giang
1568	98A-862.28	Bắc Giang	3168	98A-866.28	Bắc Giang	4768	97A-100.63	Bắc Kạn
1569	98A-863.96	Bắc Giang	3169	98A-872.56	Bắc Giang	4769	97B-016.58	Bắc Kạn
1570	98A-864.35	Bắc Giang	3170	98A-873.18	Bắc Giang	4770	97C-050.18	Bắc Kạn
1571	98A-865.26	Bắc Giang	3171	98A-876.38	Bắc Giang	4771	97D-010.85	Bắc Kạn
1572	98A-867.25	Bắc Giang	3172	98A-887.08	Bắc Giang	4772	98A-869.83	Bắc Giang
1573	98A-874.15	Bắc Giang	3173	98A-889.63	Bắc Giang	4773	98A-870.96	Bắc Giang
1574	98A-875.85	Bắc Giang	3174	98A-896.35	Bắc Giang	4774	98A-882.19	Bắc Giang
1575	98A-877.56	Bắc Giang	3175	98A-902.16	Bắc Giang	4775	98A-889.18	Bắc Giang
1576	98A-884.58	Bắc Giang	3176	98A-904.26	Bắc Giang	4776	98A-891.56	Bắc Giang
1577	98A-891.65	Bắc Giang	3177	98A-909.85	Bắc Giang	4777	98A-892.16	Bắc Giang
1578	98A-892.58	Bắc Giang	3178	98A-911.96	Bắc Giang	4778	98A-893.26	Bắc Giang
1579	98A-893.25	Bắc Giang	3179	98B-046.65	Bắc Giang	4779	98A-895.25	Bắc Giang
1580	98A-907.18	Bắc Giang	3180	98C-379.59	Bắc Giang	4780	98A-899.35	Bắc Giang
1581	98B-044.95	Bắc Giang	3181	98C-381.59	Bắc Giang	4781	98A-908.19	Bắc Giang
1582	98A-888.69	Bắc Giang	3182	98C-386.29	Bắc Giang	4782	98A-908.95	Bắc Giang
1583	98C-378.15	Bắc Giang	3183	98A-867.68	Bắc Giang	4783	98C-379.63	Bắc Giang
1584	98C-380.36	Bắc Giang	3184	98C-396.28	Bắc Giang	4784	98C-384.06	Bắc Giang
1585	98C-381.25	Bắc Giang	3185	98C-397.18	Bắc Giang	4785	98C-388.09	Bắc Giang
1586	98C-390.19	Bắc Giang	3186	98C-397.28	Bắc Giang	4786	98C-389.28	Bắc Giang
1587	98C-391.83	Bắc Giang	3187	98D-024.38	Bắc Giang	4787	98C-396.59	Bắc Giang
1588	98C-393.35	Bắc Giang	3188	99A-854.38	Bắc Ninh	4788	98C-397.19	Bắc Giang
1589	98C-394.65	Bắc Giang	3189	99A-855.29	Bắc Ninh	4789	99A-869.63	Bắc Ninh
1590	98D-022.26	Bắc Giang	3190	99A-858.16	Bắc Ninh	4790	99A-873.59	Bắc Ninh
1591	99A-854.16	Bắc Ninh	3191	99A-872.56	Bắc Ninh	4791	99A-875.25	Bắc Ninh
1592	99A-861.26	Bắc Ninh	3192	99A-872.98	Bắc Ninh	4792	99A-878.63	Bắc Ninh
1593	99A-861.36	Bắc Ninh	3193	99A-873.63	Bắc Ninh	4793	99A-883.65	Bắc Ninh
1594	99A-862.35	Bắc Ninh	3194	99A-876.35	Bắc Ninh	4794	99A-885.18	Bắc Ninh
1595	99A-870.36	Bắc Ninh	3195	99A-879.65	Bắc Ninh	4795	99A-887.28	Bắc Ninh
1596	99A-873.83	Bắc Ninh	3196	99A-894.36	Bắc Ninh	4796	99A-897.15	Bắc Ninh



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1597	99A-878.26	Bắc Ninh	3197	99A-895.08	Bắc Ninh	4797	99A-897.16	Bắc Ninh
1598	99A-887.29	Bắc Ninh	3198	99B-031.56	Bắc Ninh	4798	99C-337.18	Bắc Ninh
1599	99A-893.95	Bắc Ninh	3199	99C-342.06	Bắc Ninh	4799	99C-337.63	Bắc Ninh
1600	99C-337.26	Bắc Ninh	3200	99C-345.56	Bắc Ninh	4800	99C-338.09	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4801	30M-266.88	Hà Nội	6401	30M-288.88	Hà Nội			
4802	98C-388.88	Bắc Giang	6402	51L-977.77	Hồ Chí Minh			
4803	89A-533.33	Hung Yên	6403	99A-868.99	Bắc Ninh			
4804	95A-139.39	Hậu Giang	6404	61K-566.99	Bình Dương			
4805	14C-468.88	Quảng Ninh	6405	29K-444.47	Hà Nội			
4806	14K-000.07	Quảng Ninh	6406	30M-258.88	Hà Nội			
4807	30M-222.21	Hà Nội	6407	30M-387.77	Hà Nội			
4808	30M-289.98	Hà Nội	6408	30M-388.98	Hà Nội			
4809	36K-279.97	Thanh Hóa	6409	30M-408.88	Hà Nội			
4810	36K-299.88	Thanh Hóa	6410	36K-265.55	Thanh Hóa			
4811	37K-555.35	Nghệ An	6411	37K-488.66	Nghệ An			
4812	49A-748.88	Lâm Đồng	6412	43A-979.89	Đà Nẵng			
4813	51L-999.90	Hồ Chí Minh	6413	43B-066.88	Đà Nẵng			
4814	51M-069.99	Hồ Chí Minh	6414	49A-769.99	Lâm Đồng			
4815	51M-209.99	Hồ Chí Minh	6415	51L-969.68	Hồ Chí Minh			
4816	51M-299.88	Hồ Chí Minh	6416	51M-129.99	Hồ Chí Minh			
4817	51N-095.55	Hồ Chí Minh	6417	51M-229.99	Hồ Chí Minh			
4818	60K-666.78	Đồng Nai	6418	51N-000.08	Hồ Chí Minh			
4819	60K-669.66	Đồng Nai	6419	51N-138.88	Hồ Chí Minh			
4820	61K-555.52	Bình Dương	6420	61K-555.25	Bình Dương			
4821	62C-222.23	Long An	6421	61K-555.51	Bình Dương			
4822	68B-034.56	Kiên Giang	6422	61K-597.99	Bình Dương			
4823	73A-369.66	Quảng Bình	6423	62A-489.88	Long An			
4824	78A-222.25	Phú Yên	6424	71A-222.27	Bến Tre			
4825	78A-222.27	Phú Yên	6425	72A-833.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4826	79B-044.44	Khánh Hòa	6426	81A-468.66	Gia Lai			
4827	88A-789.88	Vĩnh Phúc	6427	81C-298.99	Gia Lai			
4828	90A-297.99	Hà Nam	6428	90D-011.11	Hà Nam			
4829	98A-877.77	Bắc Giang	6429	14A-998.68	Quảng Ninh			
4830	11A-121.68	Cao Bằng	6430	14A-998.83	Quảng Ninh			
4831	12A-266.99	Lạng Sơn	6431	23A-134.99	Hà Giang			
4832	15K-395.36	Hải Phòng	6432	29K-468.85	Hà Nội			
4833	20A-899.85	Thái Nguyên	6433	30K-723.23	Hà Nội			
4834	30M-036.39	Hà Nội	6434	30M-009.11	Hà Nội			
4835	30M-339.95	Hà Nội	6435	30M-266.26	Hà Nội			
4836	34A-826.86	Hải Dương	6436	30M-345.66	Hà Nội			
4837	34A-858.66	Hải Dương	6437	34A-968.85	Hải Dương			
4838	34A-885.66	Hải Dương	6438	35A-381.11	Ninh Bình			
4839	36K-299.98	Thanh Hóa	6439	36K-011.66	Thanh Hóa			
4840	38A-696.95	Hà Tĩnh	6440	49A-678.86	Lâm Đồng			
4841	43A-976.79	Đà Nẵng	6441	51L-899.83	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
4842	51L-797.93	Hồ Chí Minh	6442	51M-088.83	Hồ Chí Minh			
4843	51L-898.99	Hồ Chí Minh	6443	51N-001.01	Hồ Chí Minh			
4844	60K-656.56	Đồng Nai	6444	72A-868.85	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4845	82B-022.22	Kon Tum	6445	75A-329.29	Thừa Thiên Huế			
4846	93C-188.68	Bình Phước	6446	89A-567.85	Hưng Yên			
4847	98A-825.89	Bắc Giang	6447	94A-090.68	Bạc Liêu			
4848	98A-868.98	Bắc Giang	6448	30M-053.86	Hà Nội			
4849	99A-869.79	Bắc Ninh	6449	30M-057.99	Hà Nội			
4850	30M-034.86	Hà Nội	6450	30M-062.60	Hà Nội			
4851	30M-048.84	Hà Nội	6451	30M-069.11	Hà Nội			
4852	30M-064.89	Hà Nội	6452	30M-070.69	Hà Nội			
4853	30M-066.22	Hà Nội	6453	30M-072.00	Hà Nội			
4854	30M-068.39	Hà Nội	6454	30M-077.69	Hà Nội			
4855	30M-072.88	Hà Nội	6455	30M-078.70	Hà Nội			
4856	30M-075.66	Hà Nội	6456	30M-083.86	Hà Nội			
4857	30M-078.99	Hà Nội	6457	30M-086.87	Hà Nội			
4858	30M-079.86	Hà Nội	6458	30M-100.99	Hà Nội			
4859	30M-081.18	Hà Nội	6459	30M-103.11	Hà Nội			
4860	30M-085.58	Hà Nội	6460	30M-104.55	Hà Nội			
4861	30M-105.79	Hà Nội	6461	30M-106.07	Hà Nội			
4862	30M-114.88	Hà Nội	6462	30M-108.79	Hà Nội			
4863	30M-121.33	Hà Nội	6463	30M-119.22	Hà Nội			
4864	30M-122.11	Hà Nội	6464	30M-121.89	Hà Nội			
4865	30M-128.00	Hà Nội	6465	30M-129.11	Hà Nội			
4866	30M-132.00	Hà Nội	6466	30M-133.68	Hà Nội			
4867	30M-141.00	Hà Nội	6467	30M-143.86	Hà Nội			
4868	30M-150.15	Hà Nội	6468	30M-145.41	Hà Nội			
4869	30M-161.44	Hà Nội	6469	30M-147.41	Hà Nội			
4870	30M-162.33	Hà Nội	6470	30M-148.86	Hà Nội			
4871	30M-164.69	Hà Nội	6471	30M-154.22	Hà Nội			
4872	30M-164.77	Hà Nội	6472	30M-157.51	Hà Nội			
4873	30M-174.39	Hà Nội	6473	30M-159.22	Hà Nội			
4874	30M-189.69	Hà Nội	6474	30M-159.88	Hà Nội			
4875	30M-193.55	Hà Nội	6475	30M-164.61	Hà Nội			
4876	30M-207.77	Hà Nội	6476	30M-167.33	Hà Nội			
4877	30M-212.13	Hà Nội	6477	30M-167.77	Hà Nội			
4878	30M-224.77	Hà Nội	6478	30M-179.11	Hà Nội			
4879	30M-234.11	Hà Nội	6479	30M-183.69	Hà Nội			
4880	30M-236.89	Hà Nội	6480	30M-190.33	Hà Nội			
4881	30M-246.47	Hà Nội	6481	30M-195.79	Hà Nội			
4882	30M-252.69	Hà Nội	6482	30M-203.30	Hà Nội			
4883	30M-258.59	Hà Nội	6483	30M-204.99	Hà Nội			

Đ: 4
CÔNG
ĐẤU
LỢP D
'IẾT I
XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
4884	30M-261.66	Hà Nội	6484	30M-218.11	Hà Nội			
4885	30M-270.88	Hà Nội	6485	30M-219.22	Hà Nội			
4886	30M-274.69	Hà Nội	6486	30M-221.44	Hà Nội			
4887	30M-277.86	Hà Nội	6487	30M-231.55	Hà Nội			
4888	30M-281.18	Hà Nội	6488	30M-233.88	Hà Nội			
4889	30M-294.89	Hà Nội	6489	30M-237.86	Hà Nội			
4890	30M-296.92	Hà Nội	6490	30M-238.22	Hà Nội			
4891	30M-304.39	Hà Nội	6491	30M-250.77	Hà Nội			
4892	30M-317.00	Hà Nội	6492	30M-251.88	Hà Nội			
4893	30M-321.00	Hà Nội	6493	30M-255.69	Hà Nội			
4894	30M-328.66	Hà Nội	6494	30M-255.79	Hà Nội			
4895	30M-330.77	Hà Nội	6495	30M-260.88	Hà Nội			
4896	30M-332.77	Hà Nội	6496	30M-262.26	Hà Nội			
4897	30M-333.79	Hà Nội	6497	30M-264.33	Hà Nội			
4898	30M-334.77	Hà Nội	6498	30M-273.99	Hà Nội			
4899	30M-335.86	Hà Nội	6499	30M-275.44	Hà Nội			
4900	30M-339.44	Hà Nội	6500	30M-277.55	Hà Nội			
4901	30M-344.55	Hà Nội	6501	30M-284.77	Hà Nội			
4902	30M-350.39	Hà Nội	6502	30M-297.69	Hà Nội			
4903	30M-352.77	Hà Nội	6503	30M-332.69	Hà Nội			
4904	30M-361.00	Hà Nội	6504	30M-353.88	Hà Nội			
4905	30M-367.79	Hà Nội	6505	30M-355.56	Hà Nội			
4906	30M-368.00	Hà Nội	6506	30M-357.35	Hà Nội			
4907	30M-379.44	Hà Nội	6507	30M-365.44	Hà Nội			
4908	30M-379.73	Hà Nội	6508	30M-372.39	Hà Nội			
4909	30M-380.38	Hà Nội	6509	30M-373.55	Hà Nội			
4910	30M-386.33	Hà Nội	6510	30M-379.77	Hà Nội			
4911	30M-398.11	Hà Nội	6511	30M-382.44	Hà Nội			
4912	30M-402.44	Hà Nội	6512	30M-392.69	Hà Nội			
4913	30M-409.40	Hà Nội	6513	30M-393.22	Hà Nội			
4914	30M-416.11	Hà Nội	6514	30M-412.79	Hà Nội			
4915	51L-897.86	Hồ Chí Minh	6515	30M-412.88	Hà Nội			
4916	51L-910.39	Hồ Chí Minh	6516	30M-415.22	Hà Nội			
4917	51L-910.68	Hồ Chí Minh	6517	30M-417.89	Hà Nội			
4918	51L-918.11	Hồ Chí Minh	6518	30M-418.22	Hà Nội			
4919	51L-919.66	Hồ Chí Minh	6519	30M-418.41	Hà Nội			
4920	51L-920.44	Hồ Chí Minh	6520	51L-897.69	Hồ Chí Minh			
4921	51L-923.77	Hồ Chí Minh	6521	51L-901.90	Hồ Chí Minh			
4922	51L-935.44	Hồ Chí Minh	6522	51L-904.33	Hồ Chí Minh			
4923	51L-951.89	Hồ Chí Minh	6523	51L-914.22	Hồ Chí Minh			
4924	51L-962.11	Hồ Chí Minh	6524	51L-936.77	Hồ Chí Minh			
4925	51L-970.44	Hồ Chí Minh	6525	51L-942.86	Hồ Chí Minh			

- C. S.
 T. Y.
 H. A.
 N. H.
 A. M.
 - T. P. H. A.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
4926	51L-971.22	Hồ Chí Minh	6526	51L-959.39	Hồ Chí Minh			
4927	51L-974.99	Hồ Chí Minh	6527	51L-965.99	Hồ Chí Minh			
4928	51L-978.77	Hồ Chí Minh	6528	51L-967.76	Hồ Chí Minh			
4929	51L-978.79	Hồ Chí Minh	6529	51L-976.11	Hồ Chí Minh			
4930	51L-985.22	Hồ Chí Minh	6530	51L-977.39	Hồ Chí Minh			
4931	51L-987.00	Hồ Chí Minh	6531	51L-981.98	Hồ Chí Minh			
4932	51L-989.22	Hồ Chí Minh	6532	51L-990.69	Hồ Chí Minh			
4933	51L-999.34	Hồ Chí Minh	6533	51L-990.91	Hồ Chí Minh			
4934	51M-059.05	Hồ Chí Minh	6534	51L-993.94	Hồ Chí Minh			
4935	51M-064.89	Hồ Chí Minh	6535	51L-999.44	Hồ Chí Minh			
4936	51M-079.22	Hồ Chí Minh	6536	51M-052.52	Hồ Chí Minh			
4937	51M-081.77	Hồ Chí Minh	6537	51M-057.68	Hồ Chí Minh			
4938	51M-086.08	Hồ Chí Minh	6538	51M-058.39	Hồ Chí Minh			
4939	51M-093.86	Hồ Chí Minh	6539	51M-058.58	Hồ Chí Minh			
4940	51M-096.44	Hồ Chí Minh	6540	51M-058.79	Hồ Chí Minh			
4941	51M-120.33	Hồ Chí Minh	6541	51M-060.86	Hồ Chí Minh			
4942	51M-136.88	Hồ Chí Minh	6542	51M-062.33	Hồ Chí Minh			
4943	51M-136.99	Hồ Chí Minh	6543	51M-067.22	Hồ Chí Minh			
4944	51M-148.14	Hồ Chí Minh	6544	51M-068.60	Hồ Chí Minh			
4945	51M-156.00	Hồ Chí Minh	6545	51M-070.07	Hồ Chí Minh			
4946	51M-172.73	Hồ Chí Minh	6546	51M-074.00	Hồ Chí Minh			
4947	51M-173.71	Hồ Chí Minh	6547	51M-077.11	Hồ Chí Minh			
4948	51M-176.00	Hồ Chí Minh	6548	51M-085.39	Hồ Chí Minh			
4949	51M-179.77	Hồ Chí Minh	6549	51M-087.11	Hồ Chí Minh			
4950	51M-179.96	Hồ Chí Minh	6550	51M-099.77	Hồ Chí Minh			
4951	51M-184.44	Hồ Chí Minh	6551	51M-102.68	Hồ Chí Minh			
4952	51M-188.11	Hồ Chí Minh	6552	51M-125.33	Hồ Chí Minh			
4953	51M-192.92	Hồ Chí Minh	6553	51M-127.88	Hồ Chí Minh			
4954	51M-194.66	Hồ Chí Minh	6554	51M-128.69	Hồ Chí Minh			
4955	51M-205.11	Hồ Chí Minh	6555	51M-132.39	Hồ Chí Minh			
4956	51M-206.00	Hồ Chí Minh	6556	51M-136.11	Hồ Chí Minh			
4957	51M-212.99	Hồ Chí Minh	6557	51M-138.66	Hồ Chí Minh			
4958	51M-215.86	Hồ Chí Minh	6558	51M-139.11	Hồ Chí Minh			
4959	51M-227.11	Hồ Chí Minh	6559	51M-150.22	Hồ Chí Minh			
4960	51M-233.79	Hồ Chí Minh	6560	51M-152.99	Hồ Chí Minh			
4961	51M-238.32	Hồ Chí Minh	6561	51M-158.58	Hồ Chí Minh			
4962	51M-238.77	Hồ Chí Minh	6562	51M-160.86	Hồ Chí Minh			
4963	51M-243.42	Hồ Chí Minh	6563	51M-164.69	Hồ Chí Minh			
4964	51M-245.79	Hồ Chí Minh	6564	51M-164.88	Hồ Chí Minh			
4965	51M-249.49	Hồ Chí Minh	6565	51M-166.79	Hồ Chí Minh			
4966	51M-251.86	Hồ Chí Minh	6566	51M-168.61	Hồ Chí Minh			
4967	51M-252.86	Hồ Chí Minh	6567	51M-169.33	Hồ Chí Minh			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
4968	51M-254.99	Hồ Chí Minh	6568	51M-170.17	Hồ Chí Minh			
4969	51M-257.68	Hồ Chí Minh	6569	51M-170.39	Hồ Chí Minh			
4970	51M-260.33	Hồ Chí Minh	6570	51M-171.89	Hồ Chí Minh			
4971	51M-264.00	Hồ Chí Minh	6571	51M-173.17	Hồ Chí Minh			
4972	51M-270.39	Hồ Chí Minh	6572	51M-197.98	Hồ Chí Minh			
4973	51M-280.88	Hồ Chí Minh	6573	51M-199.39	Hồ Chí Minh			
4974	51M-284.69	Hồ Chí Minh	6574	51M-202.03	Hồ Chí Minh			
4975	51M-290.88	Hồ Chí Minh	6575	51M-208.08	Hồ Chí Minh			
4976	51M-292.44	Hồ Chí Minh	6576	51M-211.21	Hồ Chí Minh			
4977	51M-295.33	Hồ Chí Minh	6577	51M-214.21	Hồ Chí Minh			
4978	51M-301.88	Hồ Chí Minh	6578	51M-219.33	Hồ Chí Minh			
4979	51M-302.33	Hồ Chí Minh	6579	51M-221.66	Hồ Chí Minh			
4980	51N-000.47	Hồ Chí Minh	6580	51M-223.23	Hồ Chí Minh			
4981	51N-011.77	Hồ Chí Minh	6581	51M-225.25	Hồ Chí Minh			
4982	51N-022.86	Hồ Chí Minh	6582	51M-235.77	Hồ Chí Minh			
4983	51N-026.02	Hồ Chí Minh	6583	51M-236.79	Hồ Chí Minh			
4984	51N-026.22	Hồ Chí Minh	6584	51M-255.25	Hồ Chí Minh			
4985	51N-027.33	Hồ Chí Minh	6585	51M-255.39	Hồ Chí Minh			
4986	51N-028.33	Hồ Chí Minh	6586	51M-263.11	Hồ Chí Minh			
4987	51N-032.44	Hồ Chí Minh	6587	51M-267.22	Hồ Chí Minh			
4988	51N-035.39	Hồ Chí Minh	6588	51M-268.62	Hồ Chí Minh			
4989	51N-041.14	Hồ Chí Minh	6589	51M-270.99	Hồ Chí Minh			
4990	51N-041.33	Hồ Chí Minh	6590	51M-273.69	Hồ Chí Minh			
4991	51N-044.69	Hồ Chí Minh	6591	51M-277.86	Hồ Chí Minh			
4992	51N-049.94	Hồ Chí Minh	6592	51M-284.84	Hồ Chí Minh			
4993	51N-050.89	Hồ Chí Minh	6593	51M-285.69	Hồ Chí Minh			
4994	51N-056.57	Hồ Chí Minh	6594	51M-293.88	Hồ Chí Minh			
4995	51N-056.86	Hồ Chí Minh	6595	51M-302.86	Hồ Chí Minh			
4996	51N-060.33	Hồ Chí Minh	6596	51M-308.11	Hồ Chí Minh			
4997	51N-065.68	Hồ Chí Minh	6597	51N-002.89	Hồ Chí Minh			
4998	51N-073.39	Hồ Chí Minh	6598	51N-004.11	Hồ Chí Minh			
4999	51N-073.44	Hồ Chí Minh	6599	51N-009.22	Hồ Chí Minh			
5000	51N-076.11	Hồ Chí Minh	6600	51N-015.86	Hồ Chí Minh			
5001	51N-081.55	Hồ Chí Minh	6601	51N-026.39	Hồ Chí Minh			
5002	51N-086.99	Hồ Chí Minh	6602	51N-026.86	Hồ Chí Minh			
5003	51N-092.68	Hồ Chí Minh	6603	51N-041.40	Hồ Chí Minh			
5004	51N-103.88	Hồ Chí Minh	6604	51N-042.99	Hồ Chí Minh			
5005	51N-125.12	Hồ Chí Minh	6605	51N-058.11	Hồ Chí Minh			
5006	51N-125.39	Hồ Chí Minh	6606	51N-060.86	Hồ Chí Minh			
5007	51N-134.00	Hồ Chí Minh	6607	51N-075.89	Hồ Chí Minh			
5008	51N-136.44	Hồ Chí Minh	6608	51N-085.08	Hồ Chí Minh			
5009	51N-147.11	Hồ Chí Minh	6609	51N-086.80	Hồ Chí Minh			

1. Đ
CÔ
Đ
HỢ
VI
NH X

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5010	51N-147.69	Hồ Chí Minh	6610	51N-092.44	Hồ Chí Minh			
5011	51N-149.68	Hồ Chí Minh	6611	51N-096.39	Hồ Chí Minh			
5012	51N-151.22	Hồ Chí Minh	6612	51N-101.10	Hồ Chí Minh			
5013	11A-136.89	Cao Bằng	6613	51N-106.33	Hồ Chí Minh			
5014	11B-013.55	Cao Bằng	6614	51N-107.01	Hồ Chí Minh			
5015	11C-090.68	Cao Bằng	6615	51N-125.69	Hồ Chí Minh			
5016	11D-009.33	Cao Bằng	6616	51N-128.22	Hồ Chí Minh			
5017	11D-012.89	Cao Bằng	6617	51N-139.33	Hồ Chí Minh			
5018	12C-141.66	Lạng Sơn	6618	11A-138.33	Cao Bằng			
5019	12C-141.77	Lạng Sơn	6619	11A-139.93	Cao Bằng			
5020	14A-990.55	Quảng Ninh	6620	11B-015.88	Cao Bằng			
5021	14A-993.69	Quảng Ninh	6621	12A-264.77	Lạng Sơn			
5022	14A-999.57	Quảng Ninh	6622	12A-268.89	Lạng Sơn			
5023	14B-055.79	Quảng Ninh	6623	12A-270.55	Lạng Sơn			
5024	14C-451.00	Quảng Ninh	6624	12B-016.33	Lạng Sơn			
5025	14C-460.00	Quảng Ninh	6625	12B-017.89	Lạng Sơn			
5026	14C-462.99	Quảng Ninh	6626	12B-018.69	Lạng Sơn			
5027	14C-465.44	Quảng Ninh	6627	14A-990.69	Quảng Ninh			
5028	14K-002.66	Quảng Ninh	6628	14A-990.79	Quảng Ninh			
5029	14K-002.89	Quảng Ninh	6629	14B-054.89	Quảng Ninh			
5030	14K-018.99	Quảng Ninh	6630	14B-055.33	Quảng Ninh			
5031	14K-021.33	Quảng Ninh	6631	14C-452.45	Quảng Ninh			
5032	14K-022.99	Quảng Ninh	6632	14C-453.39	Quảng Ninh			
5033	14K-024.02	Quảng Ninh	6633	14C-454.66	Quảng Ninh			
5034	14K-027.20	Quảng Ninh	6634	14C-461.00	Quảng Ninh			
5035	14K-030.11	Quảng Ninh	6635	14C-465.64	Quảng Ninh			
5036	14K-047.04	Quảng Ninh	6636	14C-467.44	Quảng Ninh			
5037	15B-055.33	Hải Phòng	6637	14C-467.79	Quảng Ninh			
5038	15B-056.05	Hải Phòng	6638	14K-000.79	Quảng Ninh			
5039	15B-057.66	Hải Phòng	6639	14K-003.30	Quảng Ninh			
5040	15C-482.66	Hải Phòng	6640	14K-003.44	Quảng Ninh			
5041	15C-486.33	Hải Phòng	6641	14K-007.77	Quảng Ninh			
5042	15C-487.55	Hải Phòng	6642	14K-009.22	Quảng Ninh			
5043	15C-493.66	Hải Phòng	6643	14K-013.66	Quảng Ninh			
5044	15C-495.69	Hải Phòng	6644	14K-021.02	Quảng Ninh			
5045	15C-497.22	Hải Phòng	6645	14K-024.88	Quảng Ninh			
5046	15D-055.79	Hải Phòng	6646	14K-039.44	Quảng Ninh			
5047	15K-439.43	Hải Phòng	6647	14K-041.55	Quảng Ninh			
5048	15K-439.77	Hải Phòng	6648	14K-048.49	Quảng Ninh			
5049	15K-441.33	Hải Phòng	6649	15B-058.00	Hải Phòng			
5050	15K-443.11	Hải Phòng	6650	15C-491.86	Hải Phòng			
5051	15K-446.69	Hải Phòng	6651	15C-493.79	Hải Phòng			

41
JG T
U GI
DAN
T NA
IAN - 5

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5052	15K-447.22	Hải Phòng	6652	15D-052.99	Hải Phòng			
5053	15K-456.00	Hải Phòng	6653	15K-434.35	Hải Phòng			
5054	15K-477.39	Hải Phòng	6654	15K-440.99	Hải Phòng			
5055	15K-481.44	Hải Phòng	6655	15K-444.03	Hải Phòng			
5056	15K-485.39	Hải Phòng	6656	15K-447.55	Hải Phòng			
5057	15K-488.48	Hải Phòng	6657	15K-451.99	Hải Phòng			
5058	15K-503.50	Hải Phòng	6658	15K-452.45	Hải Phòng			
5059	17A-507.22	Thái Bình	6659	15K-466.68	Hải Phòng			
5060	17A-507.55	Thái Bình	6660	15K-467.79	Hải Phòng			
5061	17A-510.22	Thái Bình	6661	15K-474.74	Hải Phòng			
5062	17B-029.44	Thái Bình	6662	15K-483.39	Hải Phòng			
5063	17B-032.86	Thái Bình	6663	15K-493.94	Hải Phòng			
5064	17C-218.11	Thái Bình	6664	15K-495.22	Hải Phòng			
5065	17D-016.22	Thái Bình	6665	15K-501.55	Hải Phòng			
5066	18A-496.11	Nam Định	6666	15K-504.89	Hải Phòng			
5067	18A-497.44	Nam Định	6667	17A-496.49	Thái Bình			
5068	18A-503.79	Nam Định	6668	17A-502.99	Thái Bình			
5069	18A-510.22	Nam Định	6669	17A-503.33	Thái Bình			
5070	18A-510.44	Nam Định	6670	17A-513.89	Thái Bình			
5071	18B-034.33	Nam Định	6671	17B-029.92	Thái Bình			
5072	18C-179.44	Nam Định	6672	17C-218.33	Thái Bình			
5073	19A-717.00	Phú Thọ	6673	17C-220.22	Thái Bình			
5074	19A-717.44	Phú Thọ	6674	17D-016.66	Thái Bình			
5075	19A-724.22	Phú Thọ	6675	18A-491.99	Nam Định			
5076	19A-729.79	Phú Thọ	6676	18A-494.86	Nam Định			
5077	19A-731.69	Phú Thọ	6677	18A-496.79	Nam Định			
5078	19A-735.69	Phú Thọ	6678	18A-499.68	Nam Định			
5079	19A-748.89	Phú Thọ	6679	18A-503.77	Nam Định			
5080	19B-029.77	Phú Thọ	6680	18A-508.44	Nam Định			
5081	19C-264.66	Phú Thọ	6681	18A-509.89	Nam Định			
5082	19C-271.71	Phú Thọ	6682	18B-031.69	Nam Định			
5083	19C-273.77	Phú Thọ	6683	18C-177.00	Nam Định			
5084	19C-275.55	Phú Thọ	6684	18C-179.68	Nam Định			
5085	19C-275.75	Phú Thọ	6685	19A-723.39	Phú Thọ			
5086	19C-275.77	Phú Thọ	6686	19A-733.39	Phú Thọ			
5087	19C-280.68	Phú Thọ	6687	19A-740.86	Phú Thọ			
5088	19D-021.69	Phú Thọ	6688	19A-745.99	Phú Thọ			
5089	20A-861.61	Thái Nguyên	6689	19A-747.33	Phú Thọ			
5090	20A-881.18	Thái Nguyên	6690	19A-750.51	Phú Thọ			
5091	20A-889.55	Thái Nguyên	6691	19A-750.77	Phú Thọ			
5092	20A-890.89	Thái Nguyên	6692	19A-752.44	Phú Thọ			
5093	20A-892.68	Thái Nguyên	6693	19A-757.58	Phú Thọ			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5094	20A-897.44	Thái Nguyên	6694	19C-266.55	Phú Thọ			
5095	20A-898.33	Thái Nguyên	6695	19C-276.86	Phú Thọ			
5096	20B-035.55	Thái Nguyên	6696	19D-022.69	Phú Thọ			
5097	20C-310.66	Thái Nguyên	6697	20A-863.89	Thái Nguyên			
5098	20C-312.69	Thái Nguyên	6698	20A-873.11	Thái Nguyên			
5099	20C-316.11	Thái Nguyên	6699	20A-885.33	Thái Nguyên			
5100	20C-317.13	Thái Nguyên	6700	20A-892.33	Thái Nguyên			
5101	20C-317.69	Thái Nguyên	6701	20A-894.00	Thái Nguyên			
5102	21A-222.33	Yên Bái	6702	20A-895.00	Thái Nguyên			
5103	21A-225.77	Yên Bái	6703	20B-037.88	Thái Nguyên			
5104	21B-014.33	Yên Bái	6704	20C-310.89	Thái Nguyên			
5105	22A-271.22	Tuyên Quang	6705	20C-315.33	Thái Nguyên			
5106	22A-277.86	Tuyên Quang	6706	20C-315.44	Thái Nguyên			
5107	22A-284.33	Tuyên Quang	6707	20C-320.99	Thái Nguyên			
5108	22B-016.77	Tuyên Quang	6708	20C-323.24	Thái Nguyên			
5109	22B-017.44	Tuyên Quang	6709	20D-034.00	Thái Nguyên			
5110	22D-012.33	Tuyên Quang	6710	21A-226.11	Yên Bái			
5111	23A-164.11	Hà Giang	6711	21A-228.86	Yên Bái			
5112	23A-164.22	Hà Giang	6712	21A-228.99	Yên Bái			
5113	23D-007.89	Hà Giang	6713	21A-231.69	Yên Bái			
5114	23D-009.88	Hà Giang	6714	21B-013.44	Yên Bái			
5115	24B-019.96	Lào Cai	6715	21B-013.68	Yên Bái			
5116	24C-167.33	Lào Cai	6716	21B-016.69	Yên Bái			
5117	25C-062.79	Lai Châu	6717	21B-016.89	Yên Bái			
5118	25D-009.86	Lai Châu	6718	21C-111.55	Yên Bái			
5119	26A-237.39	Sơn La	6719	21C-111.57	Yên Bái			
5120	26A-239.88	Sơn La	6720	21C-112.79	Yên Bái			
5121	26A-241.68	Sơn La	6721	22A-272.69	Tuyên Quang			
5122	26A-244.39	Sơn La	6722	22A-274.55	Tuyên Quang			
5123	26A-246.11	Sơn La	6723	22B-016.89	Tuyên Quang			
5124	26D-013.55	Sơn La	6724	22B-019.33	Tuyên Quang			
5125	27A-129.00	Điện Biên	6725	23A-163.99	Hà Giang			
5126	27A-133.66	Điện Biên	6726	23A-164.79	Hà Giang			
5127	28A-260.33	Hòa Bình	6727	23A-164.86	Hà Giang			
5128	28A-262.86	Hòa Bình	6728	23A-167.68	Hà Giang			
5129	28A-263.11	Hòa Bình	6729	23D-007.88	Hà Giang			
5130	28A-265.33	Hòa Bình	6730	23D-010.69	Hà Giang			
5131	28C-126.86	Hòa Bình	6731	24A-316.86	Lào Cai			
5132	28D-013.77	Hòa Bình	6732	24A-319.79	Lào Cai			
5133	29D-634.69	Hà Nội	6733	24A-326.00	Lào Cai			
5134	29D-638.00	Hà Nội	6734	24C-171.33	Lào Cai			
5135	29K-327.44	Hà Nội	6735	25B-010.68	Lai Châu			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5136	29K-339.86	Hà Nội	6736	26A-241.00	Sơn La			
5137	29K-340.86	Hà Nội	6737	26A-241.14	Sơn La			
5138	29K-341.89	Hà Nội	6738	26A-242.55	Sơn La			
5139	29K-350.55	Hà Nội	6739	26A-245.99	Sơn La			
5140	29K-354.55	Hà Nội	6740	26B-020.00	Sơn La			
5141	29K-356.22	Hà Nội	6741	26C-165.89	Sơn La			
5142	29K-361.79	Hà Nội	6742	26C-168.88	Sơn La			
5143	29K-364.79	Hà Nội	6743	26D-014.89	Sơn La			
5144	29K-368.89	Hà Nội	6744	26D-017.33	Sơn La			
5145	29K-370.22	Hà Nội	6745	27A-131.39	Điện Biên			
5146	29K-371.37	Hà Nội	6746	27A-132.23	Điện Biên			
5147	29K-374.00	Hà Nội	6747	27D-008.44	Điện Biên			
5148	29K-377.00	Hà Nội	6748	27D-008.99	Điện Biên			
5149	29K-379.96	Hà Nội	6749	28A-260.60	Hòa Bình			
5150	29K-385.58	Hà Nội	6750	28A-265.66	Hòa Bình			
5151	29K-401.99	Hà Nội	6751	28C-124.42	Hòa Bình			
5152	29K-404.86	Hà Nội	6752	28D-012.55	Hòa Bình			
5153	29K-409.77	Hà Nội	6753	28D-012.99	Hòa Bình			
5154	29K-418.44	Hà Nội	6754	29B-658.77	Hà Nội			
5155	29K-419.22	Hà Nội	6755	29D-631.99	Hà Nội			
5156	29K-421.55	Hà Nội	6756	29D-633.39	Hà Nội			
5157	29K-424.24	Hà Nội	6757	29D-633.44	Hà Nội			
5158	29K-425.88	Hà Nội	6758	29D-634.88	Hà Nội			
5159	29K-429.33	Hà Nội	6759	29K-331.68	Hà Nội			
5160	29K-429.79	Hà Nội	6760	29K-333.57	Hà Nội			
5161	29K-431.34	Hà Nội	6761	29K-343.55	Hà Nội			
5162	29K-431.86	Hà Nội	6762	29K-352.25	Hà Nội			
5163	29K-431.99	Hà Nội	6763	29K-352.53	Hà Nội			
5164	29K-432.44	Hà Nội	6764	29K-359.35	Hà Nội			
5165	29K-441.11	Hà Nội	6765	29K-361.66	Hà Nội			
5166	29K-444.66	Hà Nội	6766	29K-367.66	Hà Nội			
5167	29K-444.77	Hà Nội	6767	29K-369.00	Hà Nội			
5168	29K-457.58	Hà Nội	6768	29K-378.79	Hà Nội			
5169	29K-471.88	Hà Nội	6769	29K-379.66	Hà Nội			
5170	34A-922.92	Hải Dương	6770	29K-391.86	Hà Nội			
5171	34A-923.44	Hải Dương	6771	29K-394.55	Hà Nội			
5172	34A-923.77	Hải Dương	6772	29K-407.99	Hà Nội			
5173	34A-925.44	Hải Dương	6773	29K-411.22	Hà Nội			
5174	34A-930.86	Hải Dương	6774	29K-412.33	Hà Nội			
5175	34A-941.33	Hải Dương	6775	29K-420.79	Hà Nội			
5176	34A-946.88	Hải Dương	6776	29K-421.22	Hà Nội			
5177	34A-950.69	Hải Dương	6777	29K-421.44	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5178	34A-957.95	Hải Dương	6778	29K-423.39	Hà Nội			
5179	34A-971.89	Hải Dương	6779	29K-432.88	Hà Nội			
5180	34A-973.68	Hải Dương	6780	29K-436.44	Hà Nội			
5181	34A-973.74	Hải Dương	6781	29K-447.44	Hà Nội			
5182	34C-433.43	Hải Dương	6782	29K-450.77	Hà Nội			
5183	34C-444.15	Hải Dương	6783	29K-469.68	Hà Nội			
5184	34C-444.77	Hải Dương	6784	29K-472.11	Hà Nội			
5185	35A-464.46	Ninh Bình	6785	34A-920.69	Hải Dương			
5186	35B-023.55	Ninh Bình	6786	34A-928.22	Hải Dương			
5187	35C-182.88	Ninh Bình	6787	34A-934.43	Hải Dương			
5188	36B-048.55	Thanh Hóa	6788	34A-938.55	Hải Dương			
5189	36B-049.88	Thanh Hóa	6789	34A-939.77	Hải Dương			
5190	36C-548.66	Thanh Hóa	6790	34A-942.86	Hải Dương			
5191	36C-556.33	Thanh Hóa	6791	34A-944.45	Hải Dương			
5192	36C-560.22	Thanh Hóa	6792	34A-948.94	Hải Dương			
5193	36C-563.69	Thanh Hóa	6793	34A-971.22	Hải Dương			
5194	36C-569.44	Thanh Hóa	6794	34C-441.55	Hải Dương			
5195	36C-573.86	Thanh Hóa	6795	34C-443.00	Hải Dương			
5196	36C-574.86	Thanh Hóa	6796	35A-471.00	Ninh Bình			
5197	36C-575.86	Thanh Hóa	6797	35A-483.77	Ninh Bình			
5198	36C-576.39	Thanh Hóa	6798	35B-024.69	Ninh Bình			
5199	36C-578.66	Thanh Hóa	6799	35D-017.66	Ninh Bình			
5200	36K-229.22	Thanh Hóa	6800	36B-047.99	Thanh Hóa			
5201	36K-229.96	Thanh Hóa	6801	36B-049.55	Thanh Hóa			
5202	36K-233.89	Thanh Hóa	6802	36C-546.79	Thanh Hóa			
5203	36K-236.11	Thanh Hóa	6803	36C-557.69	Thanh Hóa			
5204	36K-236.63	Thanh Hóa	6804	36C-561.22	Thanh Hóa			
5205	36K-237.39	Thanh Hóa	6805	36C-568.22	Thanh Hóa			
5206	36K-238.33	Thanh Hóa	6806	36C-574.74	Thanh Hóa			
5207	36K-245.66	Thanh Hóa	6807	36C-578.89	Thanh Hóa			
5208	36K-247.74	Thanh Hóa	6808	36D-031.86	Thanh Hóa			
5209	36K-249.86	Thanh Hóa	6809	36K-238.55	Thanh Hóa			
5210	36K-252.66	Thanh Hóa	6810	36K-245.11	Thanh Hóa			
5211	36K-254.33	Thanh Hóa	6811	36K-255.86	Thanh Hóa			
5212	36K-258.33	Thanh Hóa	6812	36K-270.44	Thanh Hóa			
5213	36K-262.00	Thanh Hóa	6813	36K-283.66	Thanh Hóa			
5214	36K-262.44	Thanh Hóa	6814	36K-285.22	Thanh Hóa			
5215	36K-264.55	Thanh Hóa	6815	36K-286.99	Thanh Hóa			
5216	36K-274.72	Thanh Hóa	6816	36K-298.33	Thanh Hóa			
5217	36K-277.39	Thanh Hóa	6817	36K-298.39	Thanh Hóa			
5218	36K-280.86	Thanh Hóa	6818	36K-301.99	Thanh Hóa			
5219	36K-282.89	Thanh Hóa	6819	36K-304.69	Thanh Hóa			

Đ: 4
 ÔNG
 AU G
 IP DA
 T NA
 UÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5220	36K-283.44	Thanh Hóa	6820	36K-306.03	Thanh Hóa			
5221	36K-304.05	Thanh Hóa	6821	37C-567.99	Nghệ An			
5222	36K-304.89	Thanh Hóa	6822	37C-569.39	Nghệ An			
5223	37B-049.89	Nghệ An	6823	37C-571.57	Nghệ An			
5224	37C-569.89	Nghệ An	6824	37C-575.88	Nghệ An			
5225	37C-570.33	Nghệ An	6825	37C-582.55	Nghệ An			
5226	37C-579.88	Nghệ An	6826	37C-594.69	Nghệ An			
5227	37C-590.95	Nghệ An	6827	37D-049.88	Nghệ An			
5228	37C-594.79	Nghệ An	6828	37K-486.11	Nghệ An			
5229	37C-595.33	Nghệ An	6829	37K-490.89	Nghệ An			
5230	37C-596.33	Nghệ An	6830	37K-494.44	Nghệ An			
5231	37K-483.89	Nghệ An	6831	37K-497.66	Nghệ An			
5232	37K-485.69	Nghệ An	6832	37K-498.66	Nghệ An			
5233	37K-494.00	Nghệ An	6833	37K-498.77	Nghệ An			
5234	37K-498.69	Nghệ An	6834	37K-499.77	Nghệ An			
5235	37K-499.22	Nghệ An	6835	37K-500.22	Nghệ An			
5236	37K-501.22	Nghệ An	6836	37K-502.39	Nghệ An			
5237	37K-507.88	Nghệ An	6837	37K-509.05	Nghệ An			
5238	37K-510.44	Nghệ An	6838	37K-527.11	Nghệ An			
5239	37K-528.33	Nghệ An	6839	37K-527.33	Nghệ An			
5240	37K-534.34	Nghệ An	6840	37K-528.66	Nghệ An			
5241	37K-537.79	Nghệ An	6841	37K-536.88	Nghệ An			
5242	37K-542.55	Nghệ An	6842	37K-540.54	Nghệ An			
5243	37K-557.22	Nghệ An	6843	37K-543.88	Nghệ An			
5244	37K-557.75	Nghệ An	6844	37K-548.77	Nghệ An			
5245	37K-558.77	Nghệ An	6845	37K-551.86	Nghệ An			
5246	37K-560.79	Nghệ An	6846	37K-555.03	Nghệ An			
5247	37K-561.77	Nghệ An	6847	37K-562.68	Nghệ An			
5248	37K-565.11	Nghệ An	6848	37K-565.33	Nghệ An			
5249	37K-566.55	Nghệ An	6849	37K-572.33	Nghệ An			
5250	37K-572.57	Nghệ An	6850	38A-680.86	Hà Tĩnh			
5251	38A-679.11	Hà Tĩnh	6851	38A-683.69	Hà Tĩnh			
5252	38A-679.76	Hà Tĩnh	6852	38A-687.68	Hà Tĩnh			
5253	38A-681.39	Hà Tĩnh	6853	38A-689.22	Hà Tĩnh			
5254	38A-704.86	Hà Tĩnh	6854	38A-700.44	Hà Tĩnh			
5255	38A-708.33	Hà Tĩnh	6855	38A-705.68	Hà Tĩnh			
5256	38C-249.44	Hà Tĩnh	6856	38A-711.55	Hà Tĩnh			
5257	43A-955.86	Đà Nẵng	6857	38C-248.00	Hà Tĩnh			
5258	43A-957.89	Đà Nẵng	6858	43A-942.11	Đà Nẵng			
5259	43A-969.22	Đà Nẵng	6859	43A-950.69	Đà Nẵng			
5260	43A-969.44	Đà Nẵng	6860	43A-956.00	Đà Nẵng			
5261	43A-975.00	Đà Nẵng	6861	43A-965.00	Đà Nẵng			

7Y
 A
 H
 M
 P.HA

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5262	43A-980.08	Đà Nẵng	6862	43A-966.67	Đà Nẵng			
5263	43B-066.06	Đà Nẵng	6863	43A-974.79	Đà Nẵng			
5264	47A-815.89	Đắk Lắk	6864	43A-975.69	Đà Nẵng			
5265	47A-816.68	Đắk Lắk	6865	43A-979.69	Đà Nẵng			
5266	47A-821.28	Đắk Lắk	6866	43C-317.68	Đà Nẵng			
5267	47A-823.86	Đắk Lắk	6867	43C-318.39	Đà Nẵng			
5268	47A-825.33	Đắk Lắk	6868	43C-319.00	Đà Nẵng			
5269	47A-833.66	Đắk Lắk	6869	43D-015.77	Đà Nẵng			
5270	47A-833.69	Đắk Lắk	6870	47A-819.00	Đắk Lắk			
5271	47A-842.00	Đắk Lắk	6871	47A-824.79	Đắk Lắk			
5272	47A-842.79	Đắk Lắk	6872	47A-825.86	Đắk Lắk			
5273	47A-845.00	Đắk Lắk	6873	47A-827.82	Đắk Lắk			
5274	47A-854.39	Đắk Lắk	6874	47A-834.86	Đắk Lắk			
5275	47A-854.88	Đắk Lắk	6875	47A-836.11	Đắk Lắk			
5276	47A-859.89	Đắk Lắk	6876	47A-842.42	Đắk Lắk			
5277	47A-860.00	Đắk Lắk	6877	47A-843.77	Đắk Lắk			
5278	47B-045.11	Đắk Lắk	6878	47A-844.55	Đắk Lắk			
5279	47C-402.11	Đắk Lắk	6879	47A-853.79	Đắk Lắk			
5280	47C-411.68	Đắk Lắk	6880	47A-864.33	Đắk Lắk			
5281	47C-416.14	Đắk Lắk	6881	47A-864.46	Đắk Lắk			
5282	47C-421.22	Đắk Lắk	6882	47B-042.43	Đắk Lắk			
5283	47C-421.99	Đắk Lắk	6883	47B-043.22	Đắk Lắk			
5284	47D-024.55	Đắk Lắk	6884	47C-399.93	Đắk Lắk			
5285	47D-025.22	Đắk Lắk	6885	47C-405.88	Đắk Lắk			
5286	48A-260.55	Đắk Nông	6886	47C-412.13	Đắk Lắk			
5287	48C-122.88	Đắk Nông	6887	47C-421.77	Đắk Lắk			
5288	48D-006.77	Đắk Nông	6888	47D-020.99	Đắk Lắk			
5289	48D-010.22	Đắk Nông	6889	48A-252.69	Đắk Nông			
5290	49A-747.39	Lâm Đồng	6890	48A-255.52	Đắk Nông			
5291	49A-747.74	Lâm Đồng	6891	48C-117.68	Đắk Nông			
5292	49A-748.86	Lâm Đồng	6892	49A-757.89	Lâm Đồng			
5293	49A-749.86	Lâm Đồng	6893	49A-758.69	Lâm Đồng			
5294	49A-756.68	Lâm Đồng	6894	49A-765.22	Lâm Đồng			
5295	49A-758.39	Lâm Đồng	6895	49A-769.79	Lâm Đồng			
5296	49A-760.11	Lâm Đồng	6896	49B-035.69	Lâm Đồng			
5297	49A-761.44	Lâm Đồng	6897	49C-388.44	Lâm Đồng			
5298	49A-768.69	Lâm Đồng	6898	49C-392.77	Lâm Đồng			
5299	49A-770.70	Lâm Đồng	6899	49D-018.33	Lâm Đồng			
5300	49C-384.22	Lâm Đồng	6900	51E-340.88	Hồ Chí Minh			
5301	49C-385.58	Lâm Đồng	6901	51E-346.11	Hồ Chí Minh			
5302	49C-387.55	Lâm Đồng	6902	51E-352.53	Hồ Chí Minh			
5303	49C-394.68	Lâm Đồng	6903	60B-078.79	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5304	49C-394.77	Lâm Đồng	6904	60C-758.77	Đồng Nai			
5305	49C-395.55	Lâm Đồng	6905	60C-759.11	Đồng Nai			
5306	49C-400.39	Lâm Đồng	6906	60C-764.33	Đồng Nai			
5307	49D-015.88	Lâm Đồng	6907	60C-768.44	Đồng Nai			
5308	49D-017.99	Lâm Đồng	6908	60C-776.33	Đồng Nai			
5309	51B-713.22	Hồ Chí Minh	6909	60C-789.79	Đồng Nai			
5310	51E-342.68	Hồ Chí Minh	6910	60C-793.93	Đồng Nai			
5311	51E-344.77	Hồ Chí Minh	6911	60K-619.39	Đồng Nai			
5312	60C-762.39	Đồng Nai	6912	60K-619.98	Đồng Nai			
5313	60C-766.39	Đồng Nai	6913	60K-624.99	Đồng Nai			
5314	60C-782.77	Đồng Nai	6914	60K-629.79	Đồng Nai			
5315	60C-783.22	Đồng Nai	6915	60K-630.00	Đồng Nai			
5316	60C-785.11	Đồng Nai	6916	60K-636.55	Đồng Nai			
5317	60D-023.89	Đồng Nai	6917	60K-674.99	Đồng Nai			
5318	60K-621.68	Đồng Nai	6918	60K-677.88	Đồng Nai			
5319	60K-623.55	Đồng Nai	6919	60K-687.69	Đồng Nai			
5320	60K-626.62	Đồng Nai	6920	60K-687.89	Đồng Nai			
5321	60K-631.00	Đồng Nai	6921	60K-700.86	Đồng Nai			
5322	60K-631.31	Đồng Nai	6922	61B-045.99	Bình Dương			
5323	60K-639.66	Đồng Nai	6923	61B-047.69	Bình Dương			
5324	60K-639.93	Đồng Nai	6924	61C-617.89	Bình Dương			
5325	60K-654.56	Đồng Nai	6925	61C-619.96	Bình Dương			
5326	60K-666.35	Đồng Nai	6926	61C-628.33	Bình Dương			
5327	60K-672.00	Đồng Nai	6927	61C-632.11	Bình Dương			
5328	60K-676.22	Đồng Nai	6928	61D-025.68	Bình Dương			
5329	60K-681.99	Đồng Nai	6929	61K-524.44	Bình Dương			
5330	60K-682.66	Đồng Nai	6930	61K-525.88	Bình Dương			
5331	60K-683.22	Đồng Nai	6931	61K-529.66	Bình Dương			
5332	60K-683.86	Đồng Nai	6932	61K-536.68	Bình Dương			
5333	60K-692.77	Đồng Nai	6933	61K-541.11	Bình Dương			
5334	60K-695.88	Đồng Nai	6934	61K-545.89	Bình Dương			
5335	61C-614.11	Bình Dương	6935	61K-550.66	Bình Dương			
5336	61C-636.77	Bình Dương	6936	61K-551.66	Bình Dương			
5337	61C-637.68	Bình Dương	6937	61K-552.77	Bình Dương			
5338	61C-642.66	Bình Dương	6938	61K-555.16	Bình Dương			
5339	61D-023.55	Bình Dương	6939	61K-558.39	Bình Dương			
5340	61K-519.39	Bình Dương	6940	61K-558.55	Bình Dương			
5341	61K-523.39	Bình Dương	6941	61K-567.11	Bình Dương			
5342	61K-529.55	Bình Dương	6942	61K-572.11	Bình Dương			
5343	61K-532.32	Bình Dương	6943	61K-584.68	Bình Dương			
5344	61K-538.53	Bình Dương	6944	62A-470.88	Long An			
5345	61K-539.44	Bình Dương	6945	62A-471.71	Long An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5346	61K-546.44	Bình Dương	6946	62A-480.44	Long An			
5347	61K-563.22	Bình Dương	6947	62A-481.77	Long An			
5348	61K-567.39	Bình Dương	6948	62A-490.88	Long An			
5349	61K-571.75	Bình Dương	6949	62A-493.39	Long An			
5350	61K-575.89	Bình Dương	6950	62A-493.89	Long An			
5351	61K-579.33	Bình Dương	6951	62B-032.79	Long An			
5352	61K-587.22	Bình Dương	6952	62C-222.17	Long An			
5353	61K-587.89	Bình Dương	6953	62C-225.44	Long An			
5354	61K-591.66	Bình Dương	6954	62C-226.39	Long An			
5355	61K-591.92	Bình Dương	6955	63A-324.32	Tiền Giang			
5356	61K-592.89	Bình Dương	6956	63A-335.79	Tiền Giang			
5357	61K-596.55	Bình Dương	6957	63A-335.99	Tiền Giang			
5358	61K-596.89	Bình Dương	6958	63D-013.13	Tiền Giang			
5359	61K-597.33	Bình Dương	6959	64A-209.00	Vĩnh Long			
5360	62A-471.99	Long An	6960	64A-213.44	Vĩnh Long			
5361	62A-472.39	Long An	6961	64A-214.66	Vĩnh Long			
5362	62A-479.69	Long An	6962	64B-017.17	Vĩnh Long			
5363	62A-480.80	Long An	6963	64B-019.89	Vĩnh Long			
5364	62A-481.00	Long An	6964	64C-134.86	Vĩnh Long			
5365	62B-032.44	Long An	6965	64C-139.13	Vĩnh Long			
5366	62C-216.66	Long An	6966	64D-010.00	Vĩnh Long			
5367	62C-218.18	Long An	6967	65A-528.77	Cần Thơ			
5368	62C-225.79	Long An	6968	65A-530.79	Cần Thơ			
5369	62D-015.00	Long An	6969	65A-531.33	Cần Thơ			
5370	62D-016.69	Long An	6970	65A-532.44	Cần Thơ			
5371	63A-331.66	Tiền Giang	6971	65A-534.00	Cần Thơ			
5372	63A-336.89	Tiền Giang	6972	65B-026.86	Cần Thơ			
5373	63B-035.39	Tiền Giang	6973	65C-254.89	Cần Thơ			
5374	63B-036.30	Tiền Giang	6974	65C-270.70	Cần Thơ			
5375	63C-231.44	Tiền Giang	6975	65C-271.86	Cần Thơ			
5376	63C-235.69	Tiền Giang	6976	65C-273.11	Cần Thơ			
5377	63C-236.89	Tiền Giang	6977	65C-275.77	Cần Thơ			
5378	64A-207.11	Vĩnh Long	6978	66A-307.77	Đồng Tháp			
5379	64A-212.68	Vĩnh Long	6979	66A-314.69	Đồng Tháp			
5380	64B-016.66	Vĩnh Long	6980	66A-315.68	Đồng Tháp			
5381	64B-017.44	Vĩnh Long	6981	66C-186.33	Đồng Tháp			
5382	64C-135.69	Vĩnh Long	6982	66D-014.55	Đồng Tháp			
5383	64C-139.66	Vĩnh Long	6983	67A-343.33	An Giang			
5384	65A-516.33	Cần Thơ	6984	67B-031.68	An Giang			
5385	65A-518.33	Cần Thơ	6985	67B-033.86	An Giang			
5386	65A-521.22	Cần Thơ	6986	67C-191.86	An Giang			
5387	65A-521.52	Cần Thơ	6987	67C-195.59	An Giang			

41
 NG T
 U GI
 P DAN
 T NA
 UÂN -

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5388	65A-524.77	Cần Thơ	6988	67D-011.86	An Giang			
5389	65A-528.11	Cần Thơ	6989	67D-012.21	An Giang			
5390	65C-268.89	Cần Thơ	6990	68A-374.79	Kiên Giang			
5391	65C-271.68	Cần Thơ	6991	68A-375.37	Kiên Giang			
5392	65C-271.79	Cần Thơ	6992	68A-381.44	Kiên Giang			
5393	66A-305.77	Đồng Tháp	6993	68C-179.66	Kiên Giang			
5394	66A-306.00	Đồng Tháp	6994	68C-182.11	Kiên Giang			
5395	66A-306.68	Đồng Tháp	6995	68C-183.83	Kiên Giang			
5396	66A-314.15	Đồng Tháp	6996	68D-007.55	Kiên Giang			
5397	66A-316.33	Đồng Tháp	6997	68D-008.39	Kiên Giang			
5398	66B-027.20	Đồng Tháp	6998	69A-172.22	Cà Mau			
5399	66C-186.77	Đồng Tháp	6999	69C-104.69	Cà Mau			
5400	66C-188.39	Đồng Tháp	7000	69C-107.69	Cà Mau			
5401	66C-190.77	Đồng Tháp	7001	69C-108.69	Cà Mau			
5402	66D-012.22	Đồng Tháp	7002	69C-108.80	Cà Mau			
5403	67A-332.86	An Giang	7003	69D-007.07	Cà Mau			
5404	67A-333.06	An Giang	7004	70A-586.85	Tây Ninh			
5405	67A-333.15	An Giang	7005	70A-590.86	Tây Ninh			
5406	67A-335.00	An Giang	7006	70A-594.11	Tây Ninh			
5407	67A-343.22	An Giang	7007	70A-597.98	Tây Ninh			
5408	67B-030.44	An Giang	7008	70A-602.44	Tây Ninh			
5409	67B-030.68	An Giang	7009	70A-602.88	Tây Ninh			
5410	67C-192.44	An Giang	7010	70A-603.30	Tây Ninh			
5411	67C-192.92	An Giang	7011	70A-605.39	Tây Ninh			
5412	67C-194.89	An Giang	7012	70A-606.22	Tây Ninh			
5413	67C-195.88	An Giang	7013	70A-608.55	Tây Ninh			
5414	67C-197.55	An Giang	7014	70A-613.88	Tây Ninh			
5415	68A-367.33	Kiên Giang	7015	70C-217.66	Tây Ninh			
5416	68A-371.55	Kiên Giang	7016	70D-014.89	Tây Ninh			
5417	68A-373.89	Kiên Giang	7017	71A-222.15	Bến Tre			
5418	68A-374.00	Kiên Giang	7018	71A-223.77	Bến Tre			
5419	68A-377.86	Kiên Giang	7019	71D-008.44	Bến Tre			
5420	68B-034.35	Kiên Giang	7020	71D-009.22	Bến Tre			
5421	68C-177.79	Kiên Giang	7021	72A-845.44	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5422	68D-007.86	Kiên Giang	7022	72A-846.47	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5423	69B-016.61	Cà Mau	7023	72A-851.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5424	69C-104.11	Cà Mau	7024	72A-856.00	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5425	69D-006.77	Cà Mau	7025	72A-858.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5426	70A-592.99	Tây Ninh	7026	72A-872.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5427	70A-594.86	Tây Ninh	7027	72A-873.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5428	70A-607.44	Tây Ninh	7028	72A-876.44	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5429	70B-035.11	Tây Ninh	7029	72A-879.44	Bà Rịa - Vũng Tàu			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5430	70B-038.00	Tây Ninh	7030	72A-880.81	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5431	70C-214.79	Tây Ninh	7031	72C-267.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5432	70C-219.55	Tây Ninh	7032	72C-270.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5433	71A-224.00	Bến Tre	7033	72C-272.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5434	71C-133.88	Bến Tre	7034	72C-274.74	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5435	71D-005.69	Bến Tre	7035	72C-277.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5436	71D-006.66	Bến Tre	7036	73A-377.99	Quảng Bình			
5437	72A-851.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	7037	73C-195.33	Quảng Bình			
5438	72A-858.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	7038	73D-009.69	Quảng Bình			
5439	72B-047.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	7039	74A-283.38	Quảng Trị			
5440	72B-048.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	7040	74B-017.89	Quảng Trị			
5441	72C-266.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	7041	74C-144.77	Quảng Trị			
5442	72C-269.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	7042	74C-148.11	Quảng Trị			
5443	72C-272.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7043	74C-148.89	Quảng Trị			
5444	72C-280.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	7044	74C-149.22	Quảng Trị			
5445	72C-282.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	7045	74C-149.96	Quảng Trị			
5446	73A-372.22	Quảng Bình	7046	74C-150.00	Quảng Trị			
5447	73A-374.74	Quảng Bình	7047	74D-013.33	Quảng Trị			
5448	73A-379.69	Quảng Bình	7048	74D-015.16	Quảng Trị			
5449	73A-382.82	Quảng Bình	7049	75A-391.92	Thừa Thiên Huế			
5450	73C-193.99	Quảng Bình	7050	75A-393.86	Thừa Thiên Huế			
5451	73C-195.69	Quảng Bình	7051	75C-159.95	Thừa Thiên Huế			
5452	73D-009.44	Quảng Bình	7052	75C-160.00	Thừa Thiên Huế			
5453	74A-281.18	Quảng Trị	7053	75C-162.33	Thừa Thiên Huế			
5454	74C-145.39	Quảng Trị	7054	75D-011.86	Thừa Thiên Huế			
5455	74D-013.89	Quảng Trị	7055	75D-013.31	Thừa Thiên Huế			
5456	75A-390.66	Thừa Thiên Huế	7056	76A-326.68	Quảng Ngãi			
5457	75A-398.33	Thừa Thiên Huế	7057	76A-327.66	Quảng Ngãi			
5458	75A-401.55	Thừa Thiên Huế	7058	76A-327.89	Quảng Ngãi			
5459	75A-402.88	Thừa Thiên Huế	7059	76A-333.89	Quảng Ngãi			
5460	75C-156.86	Thừa Thiên Huế	7060	76C-177.86	Quảng Ngãi			
5461	75C-158.44	Thừa Thiên Huế	7061	76D-014.33	Quảng Ngãi			
5462	75D-013.11	Thừa Thiên Huế	7062	76D-015.86	Quảng Ngãi			
5463	76A-332.00	Quảng Ngãi	7063	77A-357.68	Bình Định			
5464	76B-027.44	Quảng Ngãi	7064	77A-361.36	Bình Định			
5465	76D-013.10	Quảng Ngãi	7065	77A-364.79	Bình Định			
5466	76D-014.99	Quảng Ngãi	7066	77A-371.55	Bình Định			
5467	77A-360.55	Bình Định	7067	77B-040.40	Bình Định			
5468	77A-361.16	Bình Định	7068	77C-262.00	Bình Định			
5469	77A-362.39	Bình Định	7069	77C-262.86	Bình Định			
5470	77A-363.00	Bình Định	7070	78A-216.39	Phú Yên			
5471	77A-363.39	Bình Định	7071	78A-218.39	Phú Yên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5472	77A-369.44	Bình Định	7072	78A-223.44	Phú Yên			
5473	77C-262.55	Bình Định	7073	78A-224.88	Phú Yên			
5474	77C-264.55	Bình Định	7074	78A-224.99	Phú Yên			
5475	77C-265.56	Bình Định	7075	78B-021.21	Phú Yên			
5476	77D-006.77	Bình Định	7076	78B-022.02	Phú Yên			
5477	78A-217.18	Phú Yên	7077	79A-569.88	Khánh Hòa			
5478	78A-219.11	Phú Yên	7078	79A-572.22	Khánh Hòa			
5479	78A-223.69	Phú Yên	7079	79A-573.74	Khánh Hòa			
5480	78A-223.89	Phú Yên	7080	79A-576.57	Khánh Hòa			
5481	78A-226.11	Phú Yên	7081	79A-576.75	Khánh Hòa			
5482	79A-575.22	Khánh Hòa	7082	79A-579.68	Khánh Hòa			
5483	79A-585.44	Khánh Hòa	7083	79A-580.58	Khánh Hòa			
5484	79B-045.04	Khánh Hòa	7084	79A-585.22	Khánh Hòa			
5485	79B-045.79	Khánh Hòa	7085	79A-585.39	Khánh Hòa			
5486	79C-228.99	Khánh Hòa	7086	79A-585.66	Khánh Hòa			
5487	79C-229.79	Khánh Hòa	7087	79A-592.11	Khánh Hòa			
5488	79C-229.96	Khánh Hòa	7088	79A-595.66	Khánh Hòa			
5489	79D-010.99	Khánh Hòa	7089	79C-233.39	Khánh Hòa			
5490	79D-013.00	Khánh Hòa	7090	81A-457.88	Gia Lai			
5491	81A-453.44	Gia Lai	7091	81A-459.55	Gia Lai			
5492	81A-459.86	Gia Lai	7092	81A-462.63	Gia Lai			
5493	81A-461.11	Gia Lai	7093	81A-464.64	Gia Lai			
5494	81A-461.68	Gia Lai	7094	81A-469.89	Gia Lai			
5495	81A-461.89	Gia Lai	7095	81A-470.68	Gia Lai			
5496	81A-463.89	Gia Lai	7096	81A-472.39	Gia Lai			
5497	81A-476.77	Gia Lai	7097	81A-473.33	Gia Lai			
5498	81B-028.02	Gia Lai	7098	81A-474.44	Gia Lai			
5499	81B-028.39	Gia Lai	7099	81A-475.47	Gia Lai			
5500	81B-031.22	Gia Lai	7100	81B-028.66	Gia Lai			
5501	81B-031.55	Gia Lai	7101	81C-288.82	Gia Lai			
5502	81B-031.69	Gia Lai	7102	81C-292.29	Gia Lai			
5503	81C-287.77	Gia Lai	7103	81D-015.16	Gia Lai			
5504	81C-296.11	Gia Lai	7104	82C-096.39	Kon Tum			
5505	81D-016.44	Gia Lai	7105	82D-012.69	Kon Tum			
5506	81D-016.86	Gia Lai	7106	83C-138.55	Sóc Trăng			
5507	82A-165.16	Kon Tum	7107	83D-010.11	Sóc Trăng			
5508	82C-095.88	Kon Tum	7108	84D-005.39	Trà Vinh			
5509	82C-097.88	Kon Tum	7109	84D-006.69	Trà Vinh			
5510	82D-012.21	Kon Tum	7110	85A-149.11	Ninh Thuận			
5511	83A-195.77	Sóc Trăng	7111	85A-149.39	Ninh Thuận			
5512	83A-196.55	Sóc Trăng	7112	85C-087.68	Ninh Thuận			
5513	83B-024.79	Sóc Trăng	7113	85C-087.78	Ninh Thuận			

...ĐI
 CỘNG
 ĐÃ
 HỢP
 VIỆC
 NH XU

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5514	83D-011.22	Sóc Trăng	7114	85D-008.77	Ninh Thuận			
5515	84A-153.11	Trà Vinh	7115	86A-320.86	Bình Thuận			
5516	84B-022.99	Trà Vinh	7116	86A-325.52	Bình Thuận			
5517	84C-124.86	Trà Vinh	7117	86A-328.23	Bình Thuận			
5518	84D-005.55	Trà Vinh	7118	86A-331.86	Bình Thuận			
5519	84D-007.86	Trà Vinh	7119	86A-332.55	Bình Thuận			
5520	85B-014.22	Ninh Thuận	7120	86B-025.68	Bình Thuận			
5521	86A-320.99	Bình Thuận	7121	86B-026.62	Bình Thuận			
5522	86A-324.11	Bình Thuận	7122	86B-028.29	Bình Thuận			
5523	86A-326.11	Bình Thuận	7123	86C-211.22	Bình Thuận			
5524	86A-326.77	Bình Thuận	7124	88A-790.22	Vĩnh Phúc			
5525	86A-329.55	Bình Thuận	7125	88A-799.86	Vĩnh Phúc			
5526	86A-329.68	Bình Thuận	7126	88A-801.69	Vĩnh Phúc			
5527	86C-210.00	Bình Thuận	7127	88A-803.69	Vĩnh Phúc			
5528	86C-214.44	Bình Thuận	7128	88A-806.00	Vĩnh Phúc			
5529	86D-008.09	Bình Thuận	7129	88A-809.22	Vĩnh Phúc			
5530	88A-789.87	Vĩnh Phúc	7130	88A-812.66	Vĩnh Phúc			
5531	88A-793.66	Vĩnh Phúc	7131	88A-813.77	Vĩnh Phúc			
5532	88A-802.66	Vĩnh Phúc	7132	88A-814.69	Vĩnh Phúc			
5533	88A-802.89	Vĩnh Phúc	7133	88A-824.00	Vĩnh Phúc			
5534	88A-804.86	Vĩnh Phúc	7134	88A-827.89	Vĩnh Phúc			
5535	88A-809.80	Vĩnh Phúc	7135	88C-317.69	Vĩnh Phúc			
5536	88A-815.11	Vĩnh Phúc	7136	88C-321.00	Vĩnh Phúc			
5537	88A-824.42	Vĩnh Phúc	7137	88C-325.44	Vĩnh Phúc			
5538	88B-023.44	Vĩnh Phúc	7138	88D-022.89	Vĩnh Phúc			
5539	88C-323.11	Vĩnh Phúc	7139	89A-534.11	Hưng Yên			
5540	88C-323.88	Vĩnh Phúc	7140	89A-534.33	Hưng Yên			
5541	88D-022.69	Vĩnh Phúc	7141	89A-534.53	Hưng Yên			
5542	88D-023.32	Vĩnh Phúc	7142	89A-540.44	Hưng Yên			
5543	88D-024.33	Vĩnh Phúc	7143	89A-541.42	Hưng Yên			
5544	89A-531.79	Hưng Yên	7144	89A-543.99	Hưng Yên			
5545	89A-538.38	Hưng Yên	7145	89A-552.77	Hưng Yên			
5546	89A-541.86	Hưng Yên	7146	89A-555.48	Hưng Yên			
5547	89A-542.42	Hưng Yên	7147	89A-558.68	Hưng Yên			
5548	89A-542.86	Hưng Yên	7148	89A-560.60	Hưng Yên			
5549	89A-555.28	Hưng Yên	7149	89A-565.69	Hưng Yên			
5550	89A-560.86	Hưng Yên	7150	89A-566.39	Hưng Yên			
5551	89B-025.33	Hưng Yên	7151	89A-567.11	Hưng Yên			
5552	89B-028.66	Hưng Yên	7152	89C-347.44	Hưng Yên			
5553	89C-345.46	Hưng Yên	7153	89C-348.44	Hưng Yên			
5554	89C-347.89	Hưng Yên	7154	89C-350.22	Hưng Yên			
5555	89C-349.44	Hưng Yên	7155	89C-353.77	Hưng Yên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5556	89C-350.33	Hung Yên	7156	89C-354.11	Hung Yên			
5557	89C-351.69	Hung Yên	7157	89C-356.55	Hung Yên			
5558	89C-356.99	Hung Yên	7158	89C-359.55	Hung Yên			
5559	89C-360.61	Hung Yên	7159	89C-359.86	Hung Yên			
5560	89D-023.88	Hung Yên	7160	89D-026.33	Hung Yên			
5561	90A-288.22	Hà Nam	7161	90A-289.98	Hà Nam			
5562	90A-289.39	Hà Nam	7162	90B-015.77	Hà Nam			
5563	90A-289.69	Hà Nam	7163	90B-016.11	Hà Nam			
5564	90A-290.11	Hà Nam	7164	90D-012.01	Hà Nam			
5565	90A-291.99	Hà Nam	7165	90D-012.66	Hà Nam			
5566	90A-293.29	Hà Nam	7166	92A-433.77	Quảng Nam			
5567	90A-302.39	Hà Nam	7167	92A-436.79	Quảng Nam			
5568	92A-436.44	Quảng Nam	7168	92A-443.33	Quảng Nam			
5569	92A-437.11	Quảng Nam	7169	92B-040.11	Quảng Nam			
5570	92A-439.33	Quảng Nam	7170	92B-040.88	Quảng Nam			
5571	92A-444.37	Quảng Nam	7171	92B-041.42	Quảng Nam			
5572	92B-039.69	Quảng Nam	7172	92C-258.11	Quảng Nam			
5573	92B-041.40	Quảng Nam	7173	92C-258.44	Quảng Nam			
5574	92C-258.22	Quảng Nam	7174	92C-258.66	Quảng Nam			
5575	92C-264.11	Quảng Nam	7175	92D-013.31	Quảng Nam			
5576	93A-509.68	Bình Phước	7176	93A-515.15	Bình Phước			
5577	93A-518.33	Bình Phước	7177	93A-516.86	Bình Phước			
5578	93A-518.68	Bình Phước	7178	93A-521.55	Bình Phước			
5579	93A-520.22	Bình Phước	7179	93B-021.69	Bình Phước			
5580	93D-008.33	Bình Phước	7180	93B-024.42	Bình Phước			
5581	93D-010.66	Bình Phước	7181	93C-199.86	Bình Phước			
5582	95A-138.99	Hậu Giang	7182	93C-208.44	Bình Phước			
5583	95B-018.01	Hậu Giang	7183	93C-208.79	Bình Phước			
5584	95B-019.66	Hậu Giang	7184	94A-109.79	Bạc Liêu			
5585	95C-089.96	Hậu Giang	7185	94A-111.24	Bạc Liêu			
5586	95C-092.92	Hậu Giang	7186	94A-112.44	Bạc Liêu			
5587	97A-095.39	Bắc Kạn	7187	94D-005.68	Bạc Liêu			
5588	97A-095.96	Bắc Kạn	7188	94D-008.99	Bạc Liêu			
5589	97B-018.01	Bắc Kạn	7189	95A-137.99	Hậu Giang			
5590	97C-051.39	Bắc Kạn	7190	95B-019.91	Hậu Giang			
5591	97C-052.89	Bắc Kạn	7191	95C-093.88	Hậu Giang			
5592	97D-008.69	Bắc Kạn	7192	95D-023.89	Hậu Giang			
5593	98A-861.00	Bắc Giang	7193	95D-024.69	Hậu Giang			
5594	98A-862.26	Bắc Giang	7194	95D-025.22	Hậu Giang			
5595	98A-862.89	Bắc Giang	7195	97A-095.79	Bắc Kạn			
5596	98A-863.89	Bắc Giang	7196	97B-016.39	Bắc Kạn			
5597	98A-878.11	Bắc Giang	7197	97B-017.66	Bắc Kạn			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5598	98A-878.99	Bắc Giang	7198	97B-018.99	Bắc Kạn			
5599	98A-881.55	Bắc Giang	7199	97C-051.66	Bắc Kạn			
5600	98A-881.99	Bắc Giang	7200	97C-052.05	Bắc Kạn			
5601	98A-887.00	Bắc Giang	7201	98A-865.99	Bắc Giang			
5602	98A-888.04	Bắc Giang	7202	98A-873.69	Bắc Giang			
5603	98A-895.66	Bắc Giang	7203	98A-873.78	Bắc Giang			
5604	98A-897.88	Bắc Giang	7204	98A-886.55	Bắc Giang			
5605	98A-900.44	Bắc Giang	7205	98A-887.99	Bắc Giang			
5606	98A-901.39	Bắc Giang	7206	98A-888.57	Bắc Giang			
5607	98B-046.11	Bắc Giang	7207	98A-888.59	Bắc Giang			
5608	98B-046.77	Bắc Giang	7208	98A-892.98	Bắc Giang			
5609	98C-376.55	Bắc Giang	7209	98A-900.09	Bắc Giang			
5610	98C-376.77	Bắc Giang	7210	98A-905.79	Bắc Giang			
5611	98C-380.66	Bắc Giang	7211	98A-909.22	Bắc Giang			
5612	98C-386.77	Bắc Giang	7212	98B-045.99	Bắc Giang			
5613	98C-386.89	Bắc Giang	7213	98B-046.89	Bắc Giang			
5614	98D-023.66	Bắc Giang	7214	98C-378.79	Bắc Giang			
5615	99A-864.86	Bắc Ninh	7215	98C-381.77	Bắc Giang			
5616	99A-869.86	Bắc Ninh	7216	98C-393.94	Bắc Giang			
5617	99A-884.00	Bắc Ninh	7217	98C-394.89	Bắc Giang			
5618	99A-885.86	Bắc Ninh	7218	98C-395.88	Bắc Giang			
5619	99B-032.23	Bắc Ninh	7219	99A-852.89	Bắc Ninh			
5620	99B-033.66	Bắc Ninh	7220	99A-861.00	Bắc Ninh			
5621	99C-331.11	Bắc Ninh	7221	99A-861.99	Bắc Ninh			
5622	99C-333.06	Bắc Ninh	7222	99A-871.99	Bắc Ninh			
5623	99C-336.39	Bắc Ninh	7223	99A-882.33	Bắc Ninh			
5624	99C-343.77	Bắc Ninh	7224	99C-330.22	Bắc Ninh			
5625	99C-344.77	Bắc Ninh	7225	99C-340.39	Bắc Ninh			
5626	99C-345.79	Bắc Ninh	7226	11B-017.06	Cao Bằng			
5627	99C-346.99	Bắc Ninh	7227	11D-012.85	Cao Bằng			
5628	99D-027.20	Bắc Ninh	7228	12A-268.65	Lạng Sơn			
5629	11A-139.95	Cao Bằng	7229	12A-268.95	Lạng Sơn			
5630	11C-090.06	Cao Bằng	7230	12A-269.83	Lạng Sơn			
5631	11D-009.35	Cao Bằng	7231	12B-016.58	Lạng Sơn			
5632	11D-012.35	Cao Bằng	7232	12C-139.85	Lạng Sơn			
5633	12A-266.83	Lạng Sơn	7233	12C-144.56	Lạng Sơn			
5634	12A-266.85	Lạng Sơn	7234	12D-009.58	Lạng Sơn			
5635	12A-267.09	Lạng Sơn	7235	14A-997.38	Quảng Ninh			
5636	12A-269.59	Lạng Sơn	7236	14C-453.25	Quảng Ninh			
5637	12B-019.06	Lạng Sơn	7237	14C-453.98	Quảng Ninh			
5638	12D-008.36	Lạng Sơn	7238	14C-457.95	Quảng Ninh			
5639	12D-010.38	Lạng Sơn	7239	14C-467.26	Quảng Ninh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5640	14A-990.19	Quảng Ninh	7240	14C-470.96	Quảng Ninh			
5641	14A-992.85	Quảng Ninh	7241	14D-033.06	Quảng Ninh			
5642	14A-995.36	Quảng Ninh	7242	14K-004.56	Quảng Ninh			
5643	14B-053.83	Quảng Ninh	7243	14K-018.63	Quảng Ninh			
5644	14C-450.25	Quảng Ninh	7244	14K-028.85	Quảng Ninh			
5645	14C-454.36	Quảng Ninh	7245	14K-032.16	Quảng Ninh			
5646	14C-461.29	Quảng Ninh	7246	14K-034.06	Quảng Ninh			
5647	14C-462.96	Quảng Ninh	7247	14K-039.09	Quảng Ninh			
5648	14K-000.95	Quảng Ninh	7248	14K-041.96	Quảng Ninh			
5649	14K-002.35	Quảng Ninh	7249	14K-042.19	Quảng Ninh			
5650	14K-006.56	Quảng Ninh	7250	14K-043.98	Quảng Ninh			
5651	14K-011.26	Quảng Ninh	7251	14K-048.09	Quảng Ninh			
5652	14K-014.25	Quảng Ninh	7252	15C-485.35	Hải Phòng			
5653	14K-026.85	Quảng Ninh	7253	15C-490.26	Hải Phòng			
5654	14K-028.59	Quảng Ninh	7254	15C-496.25	Hải Phòng			
5655	14K-029.06	Quảng Ninh	7255	15K-425.95	Hải Phòng			
5656	14K-031.36	Quảng Ninh	7256	15K-440.28	Hải Phòng			
5657	14K-032.63	Quảng Ninh	7257	15K-462.15	Hải Phòng			
5658	14K-034.83	Quảng Ninh	7258	15K-472.26	Hải Phòng			
5659	14K-035.29	Quảng Ninh	7259	15K-473.63	Hải Phòng			
5660	14K-035.58	Quảng Ninh	7260	15K-475.95	Hải Phòng			
5661	14K-041.06	Quảng Ninh	7261	15K-476.26	Hải Phòng			
5662	14K-043.08	Quảng Ninh	7262	15K-493.19	Hải Phòng			
5663	14K-047.25	Quảng Ninh	7263	15K-499.38	Hải Phòng			
5664	14K-048.56	Quảng Ninh	7264	15K-501.35	Hải Phòng			
5665	15B-058.25	Hải Phòng	7265	15K-501.95	Hải Phòng			
5666	15C-482.85	Hải Phòng	7266	15K-506.26	Hải Phòng			
5667	15C-487.83	Hải Phòng	7267	15K-507.26	Hải Phòng			
5668	15C-496.06	Hải Phòng	7268	15K-510.06	Hải Phòng			
5669	15K-425.65	Hải Phòng	7269	17A-497.29	Thái Bình			
5670	15K-436.06	Hải Phòng	7270	17A-497.35	Thái Bình			
5671	15K-442.85	Hải Phòng	7271	17A-498.36	Thái Bình			
5672	15K-443.95	Hải Phòng	7272	17A-500.35	Thái Bình			
5673	15K-444.63	Hải Phòng	7273	17A-507.09	Thái Bình			
5674	15K-455.15	Hải Phòng	7274	17C-220.16	Thái Bình			
5675	15K-461.15	Hải Phòng	7275	17D-016.95	Thái Bình			
5676	15K-461.96	Hải Phòng	7276	18A-498.38	Nam Định			
5677	15K-467.06	Hải Phòng	7277	18A-508.36	Nam Định			
5678	15K-474.56	Hải Phòng	7278	18A-376.88	Nam Định			
5679	15K-481.16	Hải Phòng	7279	18C-178.08	Nam Định			
5680	15K-483.25	Hải Phòng	7280	19A-721.85	Phú Thọ			
5681	15K-491.63	Hải Phòng	7281	19A-726.15	Phú Thọ			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5682	15K-496.26	Hải Phòng	7282	19A-728.65	Phú Thọ			
5683	15K-502.36	Hải Phòng	7283	19A-730.36	Phú Thọ			
5684	15K-507.35	Hải Phòng	7284	19A-745.63	Phú Thọ			
5685	15K-507.85	Hải Phòng	7285	19A-747.85	Phú Thọ			
5686	17A-502.35	Thái Bình	7286	19A-748.29	Phú Thọ			
5687	17A-503.56	Thái Bình	7287	19A-750.38	Phú Thọ			
5688	17A-503.95	Thái Bình	7288	19A-754.16	Phú Thọ			
5689	17A-509.15	Thái Bình	7289	19B-028.18	Phú Thọ			
5690	17A-510.29	Thái Bình	7290	19B-031.29	Phú Thọ			
5691	17D-014.85	Thái Bình	7291	19A-588.38	Phú Thọ			
5692	17D-016.28	Thái Bình	7292	19C-264.63	Phú Thọ			
5693	18A-496.35	Nam Định	7293	19C-266.09	Phú Thọ			
5694	18A-499.08	Nam Định	7294	19C-267.83	Phú Thọ			
5695	18A-500.15	Nam Định	7295	19C-268.29	Phú Thọ			
5696	18A-500.83	Nam Định	7296	19C-274.06	Phú Thọ			
5697	18A-385.88	Nam Định	7297	19C-280.36	Phú Thọ			
5698	18B-031.59	Nam Định	7298	19D-019.29	Phú Thọ			
5699	18D-018.35	Nam Định	7299	20A-862.19	Thái Nguyên			
5700	19A-719.06	Phú Thọ	7300	20A-869.09	Thái Nguyên			
5701	19A-720.38	Phú Thọ	7301	20A-877.29	Thái Nguyên			
5702	19A-725.38	Phú Thọ	7302	20A-886.56	Thái Nguyên			
5703	19A-726.28	Phú Thọ	7303	20A-890.25	Thái Nguyên			
5704	19A-732.28	Phú Thọ	7304	20A-904.29	Thái Nguyên			
5705	19A-734.15	Phú Thọ	7305	20C-311.18	Thái Nguyên			
5706	19A-735.26	Phú Thọ	7306	20C-322.09	Thái Nguyên			
5707	19A-739.36	Phú Thọ	7307	20D-032.56	Thái Nguyên			
5708	19A-744.09	Phú Thọ	7308	21A-231.15	Yên Bái			
5709	19A-748.35	Phú Thọ	7309	21A-232.16	Yên Bái			
5710	19A-748.58	Phú Thọ	7310	21B-016.95	Yên Bái			
5711	19C-264.59	Phú Thọ	7311	21C-114.56	Yên Bái			
5712	19C-266.65	Phú Thọ	7312	21D-007.06	Yên Bái			
5713	19C-266.85	Phú Thọ	7313	22A-271.59	Tuyên Quang			
5714	19C-270.26	Phú Thọ	7314	22A-275.35	Tuyên Quang			
5715	19C-275.58	Phú Thọ	7315	22A-278.08	Tuyên Quang			
5716	19C-278.19	Phú Thọ	7316	22B-015.98	Tuyên Quang			
5717	19C-280.26	Phú Thọ	7317	22D-011.36	Tuyên Quang			
5718	20A-870.28	Thái Nguyên	7318	23A-171.58	Hà Giang			
5719	20A-873.29	Thái Nguyên	7319	24A-320.26	Lào Cai			
5720	20A-874.16	Thái Nguyên	7320	24B-020.09	Lào Cai			
5721	20A-874.95	Thái Nguyên	7321	25A-087.95	Lai Châu			
5722	20A-876.36	Thái Nguyên	7322	25B-011.25	Lai Châu			
5723	20A-880.56	Thái Nguyên	7323	25D-007.56	Lai Châu			

H.Đ.Đ.
CÔNG
ĐẤU
HỢP D
VIỆT
XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5724	20A-882.06	Thái Nguyên	7324	25D-008.65	Lai Châu			
5725	20A-886.16	Thái Nguyên	7325	25D-010.19	Lai Châu			
5726	20A-889.08	Thái Nguyên	7326	26A-242.19	Sơn La			
5727	20A-899.25	Thái Nguyên	7327	26A-243.38	Sơn La			
5728	20A-905.18	Thái Nguyên	7328	26B-018.95	Sơn La			
5729	20B-036.35	Thái Nguyên	7329	26B-020.98	Sơn La			
5730	20C-310.65	Thái Nguyên	7330	26C-168.59	Sơn La			
5731	20C-311.98	Thái Nguyên	7331	27B-014.09	Điện Biên			
5732	20C-316.18	Thái Nguyên	7332	27C-077.06	Điện Biên			
5733	20C-316.29	Thái Nguyên	7333	27D-008.28	Điện Biên			
5734	20C-316.85	Thái Nguyên	7334	27D-010.58	Điện Biên			
5735	20D-033.15	Thái Nguyên	7335	27D-010.96	Điện Biên			
5736	21A-223.26	Yên Bái	7336	28A-264.28	Hòa Bình			
5737	21A-225.58	Yên Bái	7337	28A-267.59	Hòa Bình			
5738	21A-232.96	Yên Bái	7338	28A-271.09	Hòa Bình			
5739	21D-006.95	Yên Bái	7339	28A-272.08	Hòa Bình			
5740	21D-006.96	Yên Bái	7340	28D-012.38	Hòa Bình			
5741	21D-007.63	Yên Bái	7341	29D-628.36	Hà Nội			
5742	21D-010.65	Yên Bái	7342	29D-635.58	Hà Nội			
5743	22A-272.09	Tuyên Quang	7343	29D-637.56	Hà Nội			
5744	22A-272.26	Tuyên Quang	7344	29K-327.95	Hà Nội			
5745	22A-272.56	Tuyên Quang	7345	29K-342.25	Hà Nội			
5746	22A-275.58	Tuyên Quang	7346	29K-350.28	Hà Nội			
5747	22A-277.08	Tuyên Quang	7347	29K-352.06	Hà Nội			
5748	22A-283.06	Tuyên Quang	7348	29K-358.28	Hà Nội			
5749	22C-115.25	Tuyên Quang	7349	29K-360.28	Hà Nội			
5750	22D-013.36	Tuyên Quang	7350	29K-360.56	Hà Nội			
5751	23C-090.98	Hà Giang	7351	29K-364.16	Hà Nội			
5752	23D-011.35	Hà Giang	7352	29K-374.06	Hà Nội			
5753	24B-021.63	Lào Cai	7353	29K-386.15	Hà Nội			
5754	24B-022.06	Lào Cai	7354	29K-386.95	Hà Nội			
5755	24C-165.85	Lào Cai	7355	29K-388.19	Hà Nội			
5756	24C-171.65	Lào Cai	7356	29K-393.85	Hà Nội			
5757	25A-085.65	Lai Châu	7357	29K-395.16	Hà Nội			
5758	26A-239.09	Sơn La	7358	29K-396.35	Hà Nội			
5759	26C-167.25	Sơn La	7359	29K-408.98	Hà Nội			
5760	26C-169.59	Sơn La	7360	29K-410.16	Hà Nội			
5761	26D-014.38	Sơn La	7361	29K-412.63	Hà Nội			
5762	26D-017.08	Sơn La	7362	29K-422.19	Hà Nội			
5763	27A-135.15	Điện Biên	7363	29K-425.29	Hà Nội			
5764	27A-135.58	Điện Biên	7364	29K-428.95	Hà Nội			
5765	28A-261.85	Hòa Bình	7365	29K-429.28	Hà Nội			

1 - C
TỶ
ĐIẢ
INH
AM
- T.P.P

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5766	28A-266.15	Hòa Bình	7366	29K-435.56	Hà Nội			
5767	28A-271.18	Hòa Bình	7367	29K-437.35	Hà Nội			
5768	28A-272.09	Hòa Bình	7368	29K-437.63	Hà Nội			
5769	28C-124.19	Hòa Bình	7369	29K-439.35	Hà Nội			
5770	28D-012.95	Hòa Bình	7370	29K-443.38	Hà Nội			
5771	29D-628.18	Hà Nội	7371	29K-447.16	Hà Nội			
5772	29D-629.58	Hà Nội	7372	29K-455.36	Hà Nội			
5773	29D-630.25	Hà Nội	7373	29K-455.85	Hà Nội			
5774	29D-631.38	Hà Nội	7374	29K-457.29	Hà Nội			
5775	29D-639.83	Hà Nội	7375	29K-459.15	Hà Nội			
5776	29D-639.98	Hà Nội	7376	29K-462.96	Hà Nội			
5777	29K-325.65	Hà Nội	7377	29K-472.98	Hà Nội			
5778	29K-327.59	Hà Nội	7378	29K-473.06	Hà Nội			
5779	29K-342.08	Hà Nội	7379	29K-473.26	Hà Nội			
5780	29K-342.98	Hà Nội	7380	30M-031.36	Hà Nội			
5781	29K-349.95	Hà Nội	7381	30M-032.08	Hà Nội			
5782	29K-361.06	Hà Nội	7382	30M-044.06	Hà Nội			
5783	29K-361.18	Hà Nội	7383	30M-047.29	Hà Nội			
5784	29K-370.98	Hà Nội	7384	30M-048.08	Hà Nội			
5785	29K-371.16	Hà Nội	7385	30M-048.16	Hà Nội			
5786	29K-375.56	Hà Nội	7386	30M-049.15	Hà Nội			
5787	29K-377.09	Hà Nội	7387	30M-051.59	Hà Nội			
5788	29K-387.56	Hà Nội	7388	30M-052.18	Hà Nội			
5789	29K-390.28	Hà Nội	7389	30M-056.18	Hà Nội			
5790	29K-390.29	Hà Nội	7390	30M-079.85	Hà Nội			
5791	29K-399.56	Hà Nội	7391	30M-084.96	Hà Nội			
5792	29K-413.96	Hà Nội	7392	30M-099.85	Hà Nội			
5793	29K-414.95	Hà Nội	7393	30M-101.16	Hà Nội			
5794	29K-425.83	Hà Nội	7394	30M-102.58	Hà Nội			
5795	29K-426.83	Hà Nội	7395	30M-106.95	Hà Nội			
5796	29K-429.26	Hà Nội	7396	30M-115.38	Hà Nội			
5797	29K-430.63	Hà Nội	7397	30M-117.85	Hà Nội			
5798	29K-440.65	Hà Nội	7398	30M-124.15	Hà Nội			
5799	29K-441.26	Hà Nội	7399	30M-129.09	Hà Nội			
5800	29K-447.19	Hà Nội	7400	30M-129.65	Hà Nội			
5801	29K-447.63	Hà Nội	7401	30M-131.98	Hà Nội			
5802	29K-448.38	Hà Nội	7402	30M-135.16	Hà Nội			
5803	29K-465.58	Hà Nội	7403	30M-135.85	Hà Nội			
5804	29K-469.08	Hà Nội	7404	30M-142.35	Hà Nội			
5805	29K-470.08	Hà Nội	7405	30M-145.98	Hà Nội			
5806	29K-474.09	Hà Nội	7406	30M-148.18	Hà Nội			
5807	30M-031.06	Hà Nội	7407	30M-151.56	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5808	30M-037.19	Hà Nội	7408	30M-159.16	Hà Nội			
5809	30M-043.58	Hà Nội	7409	30M-172.85	Hà Nội			
5810	30M-044.35	Hà Nội	7410	30M-178.56	Hà Nội			
5811	30M-058.38	Hà Nội	7411	30M-179.16	Hà Nội			
5812	30M-060.18	Hà Nội	7412	30M-182.59	Hà Nội			
5813	30M-071.25	Hà Nội	7413	30M-206.35	Hà Nội			
5814	30M-072.28	Hà Nội	7414	30M-229.58	Hà Nội			
5815	30M-075.65	Hà Nội	7415	30M-233.08	Hà Nội			
5816	30M-079.29	Hà Nội	7416	30M-236.06	Hà Nội			
5817	30M-091.96	Hà Nội	7417	30M-241.18	Hà Nội			
5818	30M-094.35	Hà Nội	7418	30M-247.65	Hà Nội			
5819	30M-103.19	Hà Nội	7419	30M-249.95	Hà Nội			
5820	30M-112.85	Hà Nội	7420	30M-254.18	Hà Nội			
5821	30M-114.06	Hà Nội	7421	30M-258.08	Hà Nội			
5822	30M-116.18	Hà Nội	7422	30M-265.28	Hà Nội			
5823	30M-117.09	Hà Nội	7423	30M-266.19	Hà Nội			
5824	30M-117.98	Hà Nội	7424	30M-266.56	Hà Nội			
5825	30M-123.26	Hà Nội	7425	30M-268.98	Hà Nội			
5826	30M-124.35	Hà Nội	7426	30M-272.26	Hà Nội			
5827	30M-126.36	Hà Nội	7427	30M-275.58	Hà Nội			
5828	30M-128.16	Hà Nội	7428	30M-276.83	Hà Nội			
5829	30M-141.35	Hà Nội	7429	30M-282.38	Hà Nội			
5830	30M-152.38	Hà Nội	7430	30M-283.95	Hà Nội			
5831	30M-154.25	Hà Nội	7431	30M-286.29	Hà Nội			
5832	30M-154.65	Hà Nội	7432	30M-288.56	Hà Nội			
5833	30M-162.65	Hà Nội	7433	30M-293.83	Hà Nội			
5834	30M-179.58	Hà Nội	7434	30M-305.35	Hà Nội			
5835	30M-194.08	Hà Nội	7435	30M-307.26	Hà Nội			
5836	30M-196.63	Hà Nội	7436	30M-309.35	Hà Nội			
5837	30M-208.16	Hà Nội	7437	30M-311.28	Hà Nội			
5838	30M-224.83	Hà Nội	7438	30M-314.18	Hà Nội			
5839	30M-250.59	Hà Nội	7439	30M-314.26	Hà Nội			
5840	30M-251.19	Hà Nội	7440	30M-315.18	Hà Nội			
5841	30M-251.29	Hà Nội	7441	30M-315.56	Hà Nội			
5842	30M-253.96	Hà Nội	7442	30M-316.63	Hà Nội			
5843	30M-258.98	Hà Nội	7443	30M-320.58	Hà Nội			
5844	30M-261.36	Hà Nội	7444	30M-324.83	Hà Nội			
5845	30M-272.98	Hà Nội	7445	30M-327.06	Hà Nội			
5846	30M-277.26	Hà Nội	7446	30M-332.96	Hà Nội			
5847	30M-277.83	Hà Nội	7447	30M-334.06	Hà Nội			
5848	30M-278.19	Hà Nội	7448	30M-342.58	Hà Nội			
5849	30M-282.65	Hà Nội	7449	30M-349.06	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5850	30M-292.59	Hà Nội	7450	30M-349.18	Hà Nội			
5851	30M-293.16	Hà Nội	7451	30M-369.58	Hà Nội			
5852	30M-303.25	Hà Nội	7452	30M-371.65	Hà Nội			
5853	30M-318.08	Hà Nội	7453	30M-375.38	Hà Nội			
5854	30M-321.29	Hà Nội	7454	30M-379.18	Hà Nội			
5855	30M-330.29	Hà Nội	7455	30M-390.15	Hà Nội			
5856	30M-331.28	Hà Nội	7456	30M-396.08	Hà Nội			
5857	30M-339.25	Hà Nội	7457	30M-403.29	Hà Nội			
5858	30M-340.16	Hà Nội	7458	30M-410.38	Hà Nội			
5859	30M-343.28	Hà Nội	7459	30M-411.09	Hà Nội			
5860	30M-346.83	Hà Nội	7460	30M-413.06	Hà Nội			
5861	30M-349.09	Hà Nội	7461	30M-415.36	Hà Nội			
5862	30M-358.25	Hà Nội	7462	30M-420.98	Hà Nội			
5863	30M-363.15	Hà Nội	7463	34A-922.65	Hải Dương			
5864	30M-373.08	Hà Nội	7464	34A-924.26	Hải Dương			
5865	30M-378.16	Hà Nội	7465	34A-929.59	Hải Dương			
5866	30M-381.56	Hà Nội	7466	34A-932.38	Hải Dương			
5867	30M-395.98	Hà Nội	7467	34A-933.35	Hải Dương			
5868	30M-398.16	Hà Nội	7468	34A-939.28	Hải Dương			
5869	30M-401.98	Hà Nội	7469	34A-941.26	Hải Dương			
5870	30M-419.25	Hà Nội	7470	34A-943.56	Hải Dương			
5871	34A-928.95	Hải Dương	7471	34A-947.36	Hải Dương			
5872	34A-929.65	Hải Dương	7472	34A-949.36	Hải Dương			
5873	34A-933.63	Hải Dương	7473	34A-965.18	Hải Dương			
5874	34A-937.95	Hải Dương	7474	34A-970.18	Hải Dương			
5875	34A-946.08	Hải Dương	7475	34A-970.35	Hải Dương			
5876	34A-949.56	Hải Dương	7476	34C-450.85	Hải Dương			
5877	34A-961.19	Hải Dương	7477	34C-451.85	Hải Dương			
5878	34A-961.28	Hải Dương	7478	34D-038.85	Hải Dương			
5879	34A-966.25	Hải Dương	7479	34D-041.36	Hải Dương			
5880	34A-969.06	Hải Dương	7480	35A-464.59	Ninh Bình			
5881	34A-975.19	Hải Dương	7481	35A-475.98	Ninh Bình			
5882	34A-975.85	Hải Dương	7482	35C-181.59	Ninh Bình			
5883	34B-043.85	Hải Dương	7483	35C-184.25	Ninh Bình			
5884	34B-044.26	Hải Dương	7484	35C-185.25	Ninh Bình			
5885	34C-435.08	Hải Dương	7485	35C-186.28	Ninh Bình			
5886	34C-438.29	Hải Dương	7486	35D-016.98	Ninh Bình			
5887	34C-439.58	Hải Dương	7487	35D-017.28	Ninh Bình			
5888	34D-039.56	Hải Dương	7488	36B-050.16	Thanh Hóa			
5889	35A-467.26	Ninh Bình	7489	36C-547.95	Thanh Hóa			
5890	35A-468.58	Ninh Bình	7490	36C-552.59	Thanh Hóa			
5891	35A-474.16	Ninh Bình	7491	36C-559.36	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5892	35A-483.58	Ninh Bình	7492	36C-561.08	Thanh Hóa			
5893	35C-184.96	Ninh Bình	7493	36C-568.98	Thanh Hóa			
5894	35D-019.08	Ninh Bình	7494	36D-032.06	Thanh Hóa			
5895	35D-019.18	Ninh Bình	7495	36K-232.98	Thanh Hóa			
5896	35D-019.26	Ninh Bình	7496	36K-236.56	Thanh Hóa			
5897	35D-019.56	Ninh Bình	7497	36K-239.26	Thanh Hóa			
5898	36B-048.19	Thanh Hóa	7498	36K-242.36	Thanh Hóa			
5899	36B-048.26	Thanh Hóa	7499	36K-247.18	Thanh Hóa			
5900	36C-552.83	Thanh Hóa	7500	36K-258.98	Thanh Hóa			
5901	36C-565.29	Thanh Hóa	7501	36K-263.95	Thanh Hóa			
5902	36C-568.25	Thanh Hóa	7502	36K-268.96	Thanh Hóa			
5903	36C-570.36	Thanh Hóa	7503	36K-269.59	Thanh Hóa			
5904	36C-580.09	Thanh Hóa	7504	36K-269.98	Thanh Hóa			
5905	36C-580.63	Thanh Hóa	7505	36K-272.38	Thanh Hóa			
5906	36D-033.09	Thanh Hóa	7506	36K-289.08	Thanh Hóa			
5907	36K-238.19	Thanh Hóa	7507	36K-300.58	Thanh Hóa			
5908	36K-239.59	Thanh Hóa	7508	36K-301.65	Thanh Hóa			
5909	36K-239.83	Thanh Hóa	7509	37C-572.09	Nghệ An			
5910	36K-241.56	Thanh Hóa	7510	37C-578.26	Nghệ An			
5911	36K-244.59	Thanh Hóa	7511	37C-584.65	Nghệ An			
5912	36K-246.98	Thanh Hóa	7512	37C-587.15	Nghệ An			
5913	36K-247.98	Thanh Hóa	7513	37C-588.56	Nghệ An			
5914	36K-249.29	Thanh Hóa	7514	37C-593.38	Nghệ An			
5915	36K-249.85	Thanh Hóa	7515	37D-049.19	Nghệ An			
5916	36K-252.65	Thanh Hóa	7516	37K-483.96	Nghệ An			
5917	36K-253.56	Thanh Hóa	7517	37K-487.08	Nghệ An			
5918	36K-266.29	Thanh Hóa	7518	37K-487.19	Nghệ An			
5919	36K-282.65	Thanh Hóa	7519	37K-487.38	Nghệ An			
5920	36K-296.26	Thanh Hóa	7520	37K-489.35	Nghệ An			
5921	36K-300.08	Thanh Hóa	7521	37K-492.56	Nghệ An			
5922	36K-300.56	Thanh Hóa	7522	37K-493.29	Nghệ An			
5923	36K-303.56	Thanh Hóa	7523	37K-501.83	Nghệ An			
5924	37C-596.26	Nghệ An	7524	37K-508.28	Nghệ An			
5925	37K-486.29	Nghệ An	7525	37K-521.83	Nghệ An			
5926	37K-487.28	Nghệ An	7526	37K-536.96	Nghệ An			
5927	37K-494.15	Nghệ An	7527	37K-537.58	Nghệ An			
5928	37K-498.96	Nghệ An	7528	37K-544.65	Nghệ An			
5929	37K-500.65	Nghệ An	7529	37K-548.85	Nghệ An			
5930	37K-502.26	Nghệ An	7530	37K-549.16	Nghệ An			
5931	37K-508.29	Nghệ An	7531	37K-557.95	Nghệ An			
5932	37K-508.36	Nghệ An	7532	37K-562.96	Nghệ An			
5933	37K-510.06	Nghệ An	7533	37K-568.08	Nghệ An			

41 - C
3 TY
GIÁ
ANH
NAM
1 - T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5934	37K-511.19	Nghệ An	7534	37K-568.59	Nghệ An			
5935	37K-511.98	Nghệ An	7535	37K-570.65	Nghệ An			
5936	37K-512.65	Nghệ An	7536	38A-702.85	Hà Tĩnh			
5937	37K-522.65	Nghệ An	7537	38B-025.83	Hà Tĩnh			
5938	37K-523.98	Nghệ An	7538	38B-026.16	Hà Tĩnh			
5939	37K-525.65	Nghệ An	7539	38B-026.38	Hà Tĩnh			
5940	37K-526.98	Nghệ An	7540	38C-244.25	Hà Tĩnh			
5941	37K-532.18	Nghệ An	7541	38C-252.56	Hà Tĩnh			
5942	37K-543.59	Nghệ An	7542	38C-254.06	Hà Tĩnh			
5943	37K-548.83	Nghệ An	7543	43A-944.59	Đà Nẵng			
5944	37K-554.29	Nghệ An	7544	43A-948.58	Đà Nẵng			
5945	38A-684.35	Hà Tĩnh	7545	43A-964.85	Đà Nẵng			
5946	38A-695.19	Hà Tĩnh	7546	43A-966.85	Đà Nẵng			
5947	38A-703.96	Hà Tĩnh	7547	43A-976.25	Đà Nẵng			
5948	38A-711.56	Hà Tĩnh	7548	43A-978.98	Đà Nẵng			
5949	38C-246.29	Hà Tĩnh	7549	43C-319.85	Đà Nẵng			
5950	38C-248.83	Hà Tĩnh	7550	47A-813.56	Đắk Lắk			
5951	38C-250.08	Hà Tĩnh	7551	47A-834.15	Đắk Lắk			
5952	38C-250.28	Hà Tĩnh	7552	47A-835.15	Đắk Lắk			
5953	38C-251.16	Hà Tĩnh	7553	47A-844.19	Đắk Lắk			
5954	38D-021.09	Hà Tĩnh	7554	47A-846.35	Đắk Lắk			
5955	38D-023.26	Hà Tĩnh	7555	47A-850.16	Đắk Lắk			
5956	38D-023.28	Hà Tĩnh	7556	47A-854.65	Đắk Lắk			
5957	43A-957.19	Đà Nẵng	7557	47A-858.18	Đắk Lắk			
5958	43A-969.59	Đà Nẵng	7558	47A-861.96	Đắk Lắk			
5959	43A-970.19	Đà Nẵng	7559	47A-864.26	Đắk Lắk			
5960	43A-971.29	Đà Nẵng	7560	47C-399.65	Đắk Lắk			
5961	43A-972.06	Đà Nẵng	7561	47C-416.25	Đắk Lắk			
5962	43B-067.26	Đà Nẵng	7562	47C-416.85	Đắk Lắk			
5963	43C-314.83	Đà Nẵng	7563	47D-020.25	Đắk Lắk			
5964	43C-315.18	Đà Nẵng	7564	47D-020.56	Đắk Lắk			
5965	43C-316.56	Đà Nẵng	7565	47D-024.58	Đắk Lắk			
5966	43D-014.29	Đà Nẵng	7566	48B-014.09	Đắk Nông			
5967	47A-821.19	Đắk Lắk	7567	49A-746.09	Lâm Đồng			
5968	47A-825.19	Đắk Lắk	7568	49A-748.18	Lâm Đồng			
5969	47A-825.98	Đắk Lắk	7569	49A-751.08	Lâm Đồng			
5970	47A-830.56	Đắk Lắk	7570	49A-751.95	Lâm Đồng			
5971	47A-832.96	Đắk Lắk	7571	49A-752.96	Lâm Đồng			
5972	47A-843.56	Đắk Lắk	7572	49A-755.36	Lâm Đồng			
5973	47A-843.59	Đắk Lắk	7573	49A-764.59	Lâm Đồng			
5974	47A-843.63	Đắk Lắk	7574	49A-766.65	Lâm Đồng			
5975	47A-857.35	Đắk Lắk	7575	49A-771.56	Lâm Đồng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
5976	47A-860.38	Đất Lấp	7576	49A-774.36	Lâm Đồng			
5977	47C-400.63	Đất Lấp	7577	49A-777.98	Lâm Đồng			
5978	47C-403.26	Đất Lấp	7578	49A-781.36	Lâm Đồng			
5979	47C-418.06	Đất Lấp	7579	49B-033.09	Lâm Đồng			
5980	47C-418.96	Đất Lấp	7580	49B-034.19	Lâm Đồng			
5981	47C-421.08	Đất Lấp	7581	49C-385.15	Lâm Đồng			
5982	47C-421.65	Đất Lấp	7582	49C-390.26	Lâm Đồng			
5983	47D-020.36	Đất Lấp	7583	51L-137.89	Hồ Chí Minh			
5984	48A-249.18	Đất Nông	7584	51E-347.98	Hồ Chí Minh			
5985	48A-251.35	Đất Nông	7585	51L-900.83	Hồ Chí Minh			
5986	48A-256.58	Đất Nông	7586	51L-902.85	Hồ Chí Minh			
5987	48C-116.85	Đất Nông	7587	51L-908.63	Hồ Chí Minh			
5988	48C-121.56	Đất Nông	7588	51L-911.56	Hồ Chí Minh			
5989	49A-747.28	Lâm Đồng	7589	51L-921.19	Hồ Chí Minh			
5990	49A-749.38	Lâm Đồng	7590	51L-921.26	Hồ Chí Minh			
5991	49A-749.58	Lâm Đồng	7591	51L-924.15	Hồ Chí Minh			
5992	49A-763.65	Lâm Đồng	7592	51L-927.25	Hồ Chí Minh			
5993	49A-765.08	Lâm Đồng	7593	51L-932.65	Hồ Chí Minh			
5994	49A-767.58	Lâm Đồng	7594	51L-935.25	Hồ Chí Minh			
5995	49A-776.35	Lâm Đồng	7595	51L-935.83	Hồ Chí Minh			
5996	49A-779.18	Lâm Đồng	7596	51L-936.56	Hồ Chí Minh			
5997	49A-779.85	Lâm Đồng	7597	51L-937.29	Hồ Chí Minh			
5998	49B-033.38	Lâm Đồng	7598	51L-940.26	Hồ Chí Minh			
5999	49B-034.26	Lâm Đồng	7599	51L-941.26	Hồ Chí Minh			
6000	49B-035.28	Lâm Đồng	7600	51L-951.29	Hồ Chí Minh			
6001	49C-383.18	Lâm Đồng	7601	51L-952.85	Hồ Chí Minh			
6002	49C-397.09	Lâm Đồng	7602	51L-958.09	Hồ Chí Minh			
6003	51E-341.35	Hồ Chí Minh	7603	51L-958.25	Hồ Chí Minh			
6004	51E-343.58	Hồ Chí Minh	7604	51L-959.85	Hồ Chí Minh			
6005	51E-348.06	Hồ Chí Minh	7605	51L-962.25	Hồ Chí Minh			
6006	51L-898.58	Hồ Chí Minh	7606	51L-964.95	Hồ Chí Minh			
6007	51L-903.29	Hồ Chí Minh	7607	51L-969.36	Hồ Chí Minh			
6008	51L-907.36	Hồ Chí Minh	7608	51L-974.16	Hồ Chí Minh			
6009	51L-919.26	Hồ Chí Minh	7609	51L-974.59	Hồ Chí Minh			
6010	51L-924.83	Hồ Chí Minh	7610	51L-975.96	Hồ Chí Minh			
6011	51L-929.36	Hồ Chí Minh	7611	51L-977.08	Hồ Chí Minh			
6012	51L-929.95	Hồ Chí Minh	7612	51L-979.56	Hồ Chí Minh			
6013	51L-933.59	Hồ Chí Minh	7613	51L-985.09	Hồ Chí Minh			
6014	51L-938.36	Hồ Chí Minh	7614	51L-986.18	Hồ Chí Minh			
6015	51L-939.25	Hồ Chí Minh	7615	51L-992.56	Hồ Chí Minh			
6016	51L-939.85	Hồ Chí Minh	7616	51L-995.15	Hồ Chí Minh			
6017	51L-948.96	Hồ Chí Minh	7617	51M-053.83	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
6060	51M-234.29	Hồ Chí Minh	7660	51M-256.18	Hồ Chí Minh			
6061	51M-237.95	Hồ Chí Minh	7661	51M-272.98	Hồ Chí Minh			
6062	51M-240.26	Hồ Chí Minh	7662	51M-273.16	Hồ Chí Minh			
6063	51M-243.25	Hồ Chí Minh	7663	51M-274.56	Hồ Chí Minh			
6064	51M-252.98	Hồ Chí Minh	7664	51M-276.36	Hồ Chí Minh			
6065	51M-255.63	Hồ Chí Minh	7665	51M-283.85	Hồ Chí Minh			
6066	51M-259.35	Hồ Chí Minh	7666	51M-289.59	Hồ Chí Minh			
6067	51M-261.58	Hồ Chí Minh	7667	51M-292.59	Hồ Chí Minh			
6068	51M-269.58	Hồ Chí Minh	7668	51M-294.15	Hồ Chí Minh			
6069	51M-272.58	Hồ Chí Minh	7669	51M-297.18	Hồ Chí Minh			
6070	51M-279.08	Hồ Chí Minh	7670	51M-303.28	Hồ Chí Minh			
6071	51M-285.19	Hồ Chí Minh	7671	51M-305.09	Hồ Chí Minh			
6072	51M-287.65	Hồ Chí Minh	7672	51M-306.15	Hồ Chí Minh			
6073	51M-301.09	Hồ Chí Minh	7673	51N-111.33	Hồ Chí Minh			
6074	51M-301.26	Hồ Chí Minh	7674	51N-001.58	Hồ Chí Minh			
6075	51N-003.28	Hồ Chí Minh	7675	51N-010.56	Hồ Chí Minh			
6076	51N-011.15	Hồ Chí Minh	7676	51N-012.09	Hồ Chí Minh			
6077	51N-016.59	Hồ Chí Minh	7677	51N-024.35	Hồ Chí Minh			
6078	51N-024.16	Hồ Chí Minh	7678	51N-027.06	Hồ Chí Minh			
6079	51N-030.65	Hồ Chí Minh	7679	51N-038.19	Hồ Chí Minh			
6080	51N-039.26	Hồ Chí Minh	7680	51N-042.29	Hồ Chí Minh			
6081	51N-039.29	Hồ Chí Minh	7681	51N-043.08	Hồ Chí Minh			
6082	51N-051.29	Hồ Chí Minh	7682	51N-053.08	Hồ Chí Minh			
6083	51N-053.06	Hồ Chí Minh	7683	51N-058.19	Hồ Chí Minh			
6084	51N-070.96	Hồ Chí Minh	7684	51N-075.59	Hồ Chí Minh			
6085	51N-083.59	Hồ Chí Minh	7685	51N-076.26	Hồ Chí Minh			
6086	51N-100.59	Hồ Chí Minh	7686	51N-076.83	Hồ Chí Minh			
6087	51N-104.83	Hồ Chí Minh	7687	51N-079.06	Hồ Chí Minh			
6088	51N-127.63	Hồ Chí Minh	7688	51N-091.29	Hồ Chí Minh			
6089	51N-128.85	Hồ Chí Minh	7689	51N-097.15	Hồ Chí Minh			
6090	51N-131.15	Hồ Chí Minh	7690	51N-100.08	Hồ Chí Minh			
6091	51N-132.25	Hồ Chí Minh	7691	51N-114.96	Hồ Chí Minh			
6092	51N-135.59	Hồ Chí Minh	7692	51N-122.15	Hồ Chí Minh			
6093	51N-136.08	Hồ Chí Minh	7693	51N-123.96	Hồ Chí Minh			
6094	51N-137.25	Hồ Chí Minh	7694	51N-124.96	Hồ Chí Minh			
6095	51N-145.96	Hồ Chí Minh	7695	51N-125.96	Hồ Chí Minh			
6096	51N-156.63	Hồ Chí Minh	7696	51N-127.95	Hồ Chí Minh			
6097	60B-080.29	Đồng Nai	7697	51N-128.26	Hồ Chí Minh			
6098	60B-080.98	Đồng Nai	7698	51N-139.26	Hồ Chí Minh			
6099	60B-081.29	Đồng Nai	7699	51N-144.06	Hồ Chí Minh			
6100	60C-774.56	Đồng Nai	7700	51N-144.35	Hồ Chí Minh			
6101	60C-783.65	Đồng Nai	7701	51N-144.58	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
6018	51L-950.16	Hồ Chí Minh	7618	51M-059.09	Hồ Chí Minh			
6019	51L-951.56	Hồ Chí Minh	7619	51M-060.18	Hồ Chí Minh			
6020	51L-956.26	Hồ Chí Minh	7620	51M-069.15	Hồ Chí Minh			
6021	51L-957.85	Hồ Chí Minh	7621	51M-070.35	Hồ Chí Minh			
6022	51L-959.65	Hồ Chí Minh	7622	51M-072.26	Hồ Chí Minh			
6023	51L-964.58	Hồ Chí Minh	7623	51M-087.09	Hồ Chí Minh			
6024	51L-969.25	Hồ Chí Minh	7624	51M-087.59	Hồ Chí Minh			
6025	51L-996.06	Hồ Chí Minh	7625	51M-092.36	Hồ Chí Minh			
6026	51L-998.56	Hồ Chí Minh	7626	51M-095.19	Hồ Chí Minh			
6027	51M-065.96	Hồ Chí Minh	7627	51M-099.19	Hồ Chí Minh			
6028	51M-068.26	Hồ Chí Minh	7628	51M-102.28	Hồ Chí Minh			
6029	51M-080.29	Hồ Chí Minh	7629	51M-110.15	Hồ Chí Minh			
6030	51M-085.06	Hồ Chí Minh	7630	51M-114.29	Hồ Chí Minh			
6031	51M-093.83	Hồ Chí Minh	7631	51M-115.36	Hồ Chí Minh			
6032	51M-098.25	Hồ Chí Minh	7632	51M-126.95	Hồ Chí Minh			
6033	51M-100.28	Hồ Chí Minh	7633	51M-127.85	Hồ Chí Minh			
6034	51M-101.15	Hồ Chí Minh	7634	51M-128.26	Hồ Chí Minh			
6035	51M-103.25	Hồ Chí Minh	7635	51M-130.36	Hồ Chí Minh			
6036	51M-107.29	Hồ Chí Minh	7636	51M-133.16	Hồ Chí Minh			
6037	51M-112.09	Hồ Chí Minh	7637	51M-140.63	Hồ Chí Minh			
6038	51M-113.35	Hồ Chí Minh	7638	51M-148.85	Hồ Chí Minh			
6039	51M-130.35	Hồ Chí Minh	7639	51M-152.36	Hồ Chí Minh			
6040	51M-130.63	Hồ Chí Minh	7640	51M-153.95	Hồ Chí Minh			
6041	51M-130.83	Hồ Chí Minh	7641	51M-154.35	Hồ Chí Minh			
6042	51M-134.95	Hồ Chí Minh	7642	51M-158.26	Hồ Chí Minh			
6043	51M-140.08	Hồ Chí Minh	7643	51M-159.26	Hồ Chí Minh			
6044	51M-141.59	Hồ Chí Minh	7644	51M-166.85	Hồ Chí Minh			
6045	51M-144.38	Hồ Chí Minh	7645	51M-167.08	Hồ Chí Minh			
6046	51M-163.29	Hồ Chí Minh	7646	51M-167.59	Hồ Chí Minh			
6047	51M-163.56	Hồ Chí Minh	7647	51M-169.38	Hồ Chí Minh			
6048	51M-164.28	Hồ Chí Minh	7648	51M-183.16	Hồ Chí Minh			
6049	51M-167.96	Hồ Chí Minh	7649	51M-205.19	Hồ Chí Minh			
6050	51M-169.18	Hồ Chí Minh	7650	51M-211.26	Hồ Chí Minh			
6051	51M-170.29	Hồ Chí Minh	7651	51M-213.56	Hồ Chí Minh			
6052	51M-175.96	Hồ Chí Minh	7652	51M-228.65	Hồ Chí Minh			
6053	51M-178.28	Hồ Chí Minh	7653	51M-232.35	Hồ Chí Minh			
6054	51M-195.36	Hồ Chí Minh	7654	51M-232.63	Hồ Chí Minh			
6055	51M-197.08	Hồ Chí Minh	7655	51M-238.06	Hồ Chí Minh			
6056	51M-202.98	Hồ Chí Minh	7656	51M-243.85	Hồ Chí Minh			
6057	51M-203.95	Hồ Chí Minh	7657	51M-252.19	Hồ Chí Minh			
6058	51M-228.63	Hồ Chí Minh	7658	51M-252.83	Hồ Chí Minh			
6059	51M-231.95	Hồ Chí Minh	7659	51M-254.59	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
6102	60C-784.29	Đồng Nai	7702	51N-148.28	Hồ Chí Minh			
6103	60C-789.15	Đồng Nai	7703	51N-155.06	Hồ Chí Minh			
6104	60C-789.28	Đồng Nai	7704	60B-079.29	Đồng Nai			
6105	60C-794.26	Đồng Nai	7705	60C-767.35	Đồng Nai			
6106	60K-626.09	Đồng Nai	7706	60C-769.29	Đồng Nai			
6107	60K-627.95	Đồng Nai	7707	60C-781.19	Đồng Nai			
6108	60K-628.85	Đồng Nai	7708	60C-784.35	Đồng Nai			
6109	60K-633.95	Đồng Nai	7709	60C-786.08	Đồng Nai			
6110	60K-636.08	Đồng Nai	7710	60D-023.36	Đồng Nai			
6111	60K-641.59	Đồng Nai	7711	60D-024.06	Đồng Nai			
6112	60K-644.95	Đồng Nai	7712	60K-622.56	Đồng Nai			
6113	60K-645.85	Đồng Nai	7713	60K-626.58	Đồng Nai			
6114	60K-646.56	Đồng Nai	7714	60K-632.25	Đồng Nai			
6115	60K-649.08	Đồng Nai	7715	60K-635.06	Đồng Nai			
6116	60K-653.36	Đồng Nai	7716	60K-646.08	Đồng Nai			
6117	60K-655.15	Đồng Nai	7717	60K-650.16	Đồng Nai			
6118	60K-659.83	Đồng Nai	7718	60K-651.29	Đồng Nai			
6119	60K-674.28	Đồng Nai	7719	60K-661.29	Đồng Nai			
6120	60K-676.29	Đồng Nai	7720	60K-662.15	Đồng Nai			
6121	60K-684.16	Đồng Nai	7721	60K-663.06	Đồng Nai			
6122	60K-686.56	Đồng Nai	7722	60K-667.98	Đồng Nai			
6123	60K-691.06	Đồng Nai	7723	60K-670.09	Đồng Nai			
6124	60K-691.18	Đồng Nai	7724	60K-674.09	Đồng Nai			
6125	60K-693.38	Đồng Nai	7725	60K-674.38	Đồng Nai			
6126	60K-695.18	Đồng Nai	7726	60K-679.26	Đồng Nai			
6127	60K-700.56	Đồng Nai	7727	60K-694.29	Đồng Nai			
6128	61C-612.09	Bình Dương	7728	60K-694.35	Đồng Nai			
6129	61C-614.59	Bình Dương	7729	61B-045.63	Bình Dương			
6130	61C-615.28	Bình Dương	7730	61C-623.95	Bình Dương			
6131	61C-616.28	Bình Dương	7731	61C-634.58	Bình Dương			
6132	61C-621.59	Bình Dương	7732	61C-636.59	Bình Dương			
6133	61C-623.38	Bình Dương	7733	61C-641.15	Bình Dương			
6134	61C-624.36	Bình Dương	7734	61D-025.58	Bình Dương			
6135	61C-626.06	Bình Dương	7735	61K-522.65	Bình Dương			
6136	61C-634.09	Bình Dương	7736	61K-526.36	Bình Dương			
6137	61C-634.65	Bình Dương	7737	61K-526.95	Bình Dương			
6138	61D-023.65	Bình Dương	7738	61K-532.29	Bình Dương			
6139	61K-521.96	Bình Dương	7739	61K-533.56	Bình Dương			
6140	61K-522.38	Bình Dương	7740	61K-533.95	Bình Dương			
6141	61K-530.29	Bình Dương	7741	61K-534.85	Bình Dương			
6142	61K-534.58	Bình Dương	7742	61K-540.35	Bình Dương			
6143	61K-537.16	Bình Dương	7743	61K-541.38	Bình Dương			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
6144	61K-539.59	Bình Dương	7744	61K-554.65	Bình Dương			
6145	61K-541.25	Bình Dương	7745	61K-558.08	Bình Dương			
6146	61K-545.15	Bình Dương	7746	61K-561.19	Bình Dương			
6147	61K-547.15	Bình Dương	7747	61K-577.35	Bình Dương			
6148	61K-553.09	Bình Dương	7748	61K-578.38	Bình Dương			
6149	61K-553.65	Bình Dương	7749	61K-583.18	Bình Dương			
6150	61K-554.98	Bình Dương	7750	61K-596.18	Bình Dương			
6151	61K-568.19	Bình Dương	7751	61K-596.36	Bình Dương			
6152	61K-578.59	Bình Dương	7752	62A-470.08	Long An			
6153	61K-580.63	Bình Dương	7753	62A-470.25	Long An			
6154	61K-583.16	Bình Dương	7754	62A-470.36	Long An			
6155	61K-585.63	Bình Dương	7755	62A-472.26	Long An			
6156	61K-590.38	Bình Dương	7756	62A-484.18	Long An			
6157	61K-593.15	Bình Dương	7757	62A-487.96	Long An			
6158	61K-597.65	Bình Dương	7758	62A-488.59	Long An			
6159	62A-473.26	Long An	7759	62B-034.38	Long An			
6160	62A-477.28	Long An	7760	63A-327.65	Tiền Giang			
6161	62A-485.09	Long An	7761	63A-342.56	Tiền Giang			
6162	62A-485.25	Long An	7762	63B-035.58	Tiền Giang			
6163	62A-488.25	Long An	7763	63C-236.25	Tiền Giang			
6164	62A-490.96	Long An	7764	64A-213.26	Vĩnh Long			
6165	62C-218.25	Long An	7765	64B-017.63	Vĩnh Long			
6166	62C-223.83	Long An	7766	64D-007.96	Vĩnh Long			
6167	62C-226.08	Long An	7767	64D-010.26	Vĩnh Long			
6168	62D-017.09	Long An	7768	65A-516.36	Cần Thơ			
6169	63A-334.09	Tiền Giang	7769	65A-520.85	Cần Thơ			
6170	63A-336.08	Tiền Giang	7770	65A-524.19	Cần Thơ			
6171	63A-336.18	Tiền Giang	7771	65A-524.96	Cần Thơ			
6172	63A-341.19	Tiền Giang	7772	65A-532.63	Cần Thơ			
6173	63A-341.28	Tiền Giang	7773	65B-026.16	Cần Thơ			
6174	63C-229.09	Tiền Giang	7774	65C-253.18	Cần Thơ			
6175	63C-230.83	Tiền Giang	7775	65C-253.56	Cần Thơ			
6176	63C-231.56	Tiền Giang	7776	65C-273.09	Cần Thơ			
6177	63C-234.08	Tiền Giang	7777	66A-313.16	Đồng Tháp			
6178	63D-015.19	Tiền Giang	7778	66B-024.29	Đồng Tháp			
6179	64A-210.25	Vĩnh Long	7779	66B-024.38	Đồng Tháp			
6180	64C-134.58	Vĩnh Long	7780	66C-185.83	Đồng Tháp			
6181	64C-139.15	Vĩnh Long	7781	66C-187.38	Đồng Tháp			
6182	64C-139.16	Vĩnh Long	7782	66C-189.08	Đồng Tháp			
6183	64D-009.65	Vĩnh Long	7783	66C-189.28	Đồng Tháp			
6184	65A-515.56	Cần Thơ	7784	66D-013.29	Đồng Tháp			
6185	65A-516.56	Cần Thơ	7785	66D-013.38	Đồng Tháp			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
6186	65A-523.08	Cần Thơ	7786	67A-339.25	An Giang			
6187	65A-529.83	Cần Thơ	7787	67B-030.19	An Giang			
6188	65A-530.38	Cần Thơ	7788	67B-031.95	An Giang			
6189	65B-025.16	Cần Thơ	7789	67B-033.95	An Giang			
6190	65C-249.58	Cần Thơ	7790	67C-191.29	An Giang			
6191	65C-254.56	Cần Thơ	7791	68A-382.26	Kiên Giang			
6192	65C-268.38	Cần Thơ	7792	68C-181.36	Kiên Giang			
6193	65C-274.18	Cần Thơ	7793	68D-007.19	Kiên Giang			
6194	65D-011.63	Cần Thơ	7794	69A-174.09	Cà Mau			
6195	66A-308.65	Đồng Tháp	7795	69B-016.06	Cà Mau			
6196	66A-311.25	Đồng Tháp	7796	69C-104.83	Cà Mau			
6197	66B-026.28	Đồng Tháp	7797	69C-105.98	Cà Mau			
6198	66C-184.59	Đồng Tháp	7798	69C-108.18	Cà Mau			
6199	66C-189.56	Đồng Tháp	7799	70A-586.65	Tây Ninh			
6200	66C-190.63	Đồng Tháp	7800	70A-603.58	Tây Ninh			
6201	66D-013.06	Đồng Tháp	7801	70A-603.95	Tây Ninh			
6202	66D-015.08	Đồng Tháp	7802	70A-604.15	Tây Ninh			
6203	67A-335.06	An Giang	7803	70A-604.36	Tây Ninh			
6204	67A-337.85	An Giang	7804	70A-607.95	Tây Ninh			
6205	67A-338.16	An Giang	7805	70A-611.18	Tây Ninh			
6206	67A-338.58	An Giang	7806	70B-037.56	Tây Ninh			
6207	67B-031.58	An Giang	7807	70C-218.38	Tây Ninh			
6208	68A-370.08	Kiên Giang	7808	70D-011.29	Tây Ninh			
6209	68A-373.38	Kiên Giang	7809	71D-006.65	Bến Tre			
6210	68A-374.58	Kiên Giang	7810	71D-007.56	Bến Tre			
6211	68A-377.29	Kiên Giang	7811	71D-009.56	Bến Tre			
6212	68A-378.08	Kiên Giang	7812	72A-849.08	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6213	68A-379.36	Kiên Giang	7813	72A-851.38	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6214	68A-380.16	Kiên Giang	7814	72A-854.08	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6215	68B-035.18	Kiên Giang	7815	72A-866.95	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6216	68C-179.35	Kiên Giang	7816	72A-869.38	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6217	68D-010.28	Kiên Giang	7817	72A-870.59	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6218	69A-169.36	Cà Mau	7818	72A-871.16	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6219	69A-172.09	Cà Mau	7819	72A-876.96	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6220	70A-590.98	Tây Ninh	7820	72A-879.26	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6221	70A-592.65	Tây Ninh	7821	72B-048.98	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6222	70A-594.18	Tây Ninh	7822	72C-265.95	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6223	70A-594.65	Tây Ninh	7823	72C-266.28	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6224	70A-608.36	Tây Ninh	7824	73A-378.63	Quảng Bình			
6225	70B-034.65	Tây Ninh	7825	73B-017.16	Quảng Bình			
6226	70C-213.25	Tây Ninh	7826	73C-196.18	Quảng Bình			
6227	70C-214.65	Tây Ninh	7827	73D-009.28	Quảng Bình			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
6228	70C-218.63	Tây Ninh	7828	74A-286.38	Quảng Trị			
6229	71C-137.25	Bến Tre	7829	74B-017.95	Quảng Trị			
6230	72A-849.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7830	74C-145.08	Quảng Trị			
6231	72A-856.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	7831	74C-149.19	Quảng Trị			
6232	72A-863.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	7832	75A-395.09	Thừa Thiên Huế			
6233	72A-879.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	7833	75B-029.06	Thừa Thiên Huế			
6234	72A-883.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	7834	75B-030.09	Thừa Thiên Huế			
6235	72A-884.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	7835	75B-031.15	Thừa Thiên Huế			
6236	72B-045.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	7836	75B-031.98	Thừa Thiên Huế			
6237	72C-266.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	7837	75C-163.59	Thừa Thiên Huế			
6238	72C-271.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	7838	76A-327.09	Quảng Ngãi			
6239	72C-274.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	7839	76A-330.35	Quảng Ngãi			
6240	72D-015.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	7840	76B-028.58	Quảng Ngãi			
6241	72D-016.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	7841	76C-178.83	Quảng Ngãi			
6242	73A-379.65	Quảng Bình	7842	76C-179.56	Quảng Ngãi			
6243	73A-381.56	Quảng Bình	7843	76D-015.19	Quảng Ngãi			
6244	73C-196.85	Quảng Bình	7844	77A-361.09	Bình Định			
6245	73D-008.96	Quảng Bình	7845	77A-361.25	Bình Định			
6246	74A-284.16	Quảng Trị	7846	77A-366.65	Bình Định			
6247	74A-286.96	Quảng Trị	7847	77A-369.35	Bình Định			
6248	74B-019.06	Quảng Trị	7848	77B-038.36	Bình Định			
6249	74C-150.18	Quảng Trị	7849	77D-007.09	Bình Định			
6250	75A-390.15	Thừa Thiên Huế	7850	77D-007.65	Bình Định			
6251	75C-157.18	Thừa Thiên Huế	7851	78A-216.85	Phú Yên			
6252	76A-325.63	Quảng Ngãi	7852	78A-219.58	Phú Yên			
6253	76B-029.36	Quảng Ngãi	7853	78A-225.96	Phú Yên			
6254	77A-356.16	Bình Định	7854	78D-010.28	Phú Yên			
6255	77A-359.56	Bình Định	7855	79A-569.83	Khánh Hòa			
6256	77D-008.35	Bình Định	7856	79A-570.08	Khánh Hòa			
6257	78A-217.09	Phú Yên	7857	79A-570.59	Khánh Hòa			
6258	78B-021.59	Phú Yên	7858	79A-577.59	Khánh Hòa			
6259	78C-128.06	Phú Yên	7859	79A-578.25	Khánh Hòa			
6260	78C-128.59	Phú Yên	7860	79A-580.09	Khánh Hòa			
6261	79A-569.19	Khánh Hòa	7861	79A-590.08	Khánh Hòa			
6262	79A-574.58	Khánh Hòa	7862	79A-593.96	Khánh Hòa			
6263	79A-574.98	Khánh Hòa	7863	79C-230.85	Khánh Hòa			
6264	79A-586.15	Khánh Hòa	7864	79C-233.35	Khánh Hòa			
6265	79A-588.35	Khánh Hòa	7865	79D-011.16	Khánh Hòa			
6266	79B-045.16	Khánh Hòa	7866	79D-014.26	Khánh Hòa			
6267	79C-229.59	Khánh Hòa	7867	81A-456.08	Gia Lai			
6268	79D-013.28	Khánh Hòa	7868	81A-470.26	Gia Lai			
6269	81A-458.26	Gia Lai	7869	81A-472.95	Gia Lai			

11 - C
T
TY
GIÁ
ANH
JAM
- T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
6270	81A-459.18	Gia Lai	7870	81A-477.26	Gia Lai			
6271	81A-469.65	Gia Lai	7871	81A-477.63	Gia Lai			
6272	81A-471.36	Gia Lai	7872	81A-478.98	Gia Lai			
6273	81A-478.38	Gia Lai	7873	81C-289.06	Gia Lai			
6274	81B-030.85	Gia Lai	7874	81C-290.26	Gia Lai			
6275	81C-287.98	Gia Lai	7875	81C-296.36	Gia Lai			
6276	81C-289.58	Gia Lai	7876	81D-017.16	Gia Lai			
6277	81C-294.56	Gia Lai	7877	82A-160.65	Kon Tum			
6278	82A-160.95	Kon Tum	7878	82A-161.65	Kon Tum			
6279	82A-162.38	Kon Tum	7879	82A-163.98	Kon Tum			
6280	82A-165.36	Kon Tum	7880	82B-023.16	Kon Tum			
6281	82B-022.29	Kon Tum	7881	82B-023.29	Kon Tum			
6282	82B-023.58	Kon Tum	7882	82D-012.09	Kon Tum			
6283	82C-095.35	Kon Tum	7883	82D-012.18	Kon Tum			
6284	82C-097.28	Kon Tum	7884	82D-012.59	Kon Tum			
6285	82C-098.06	Kon Tum	7885	82D-013.26	Kon Tum			
6286	83A-198.16	Sóc Trăng	7886	83B-026.28	Sóc Trăng			
6287	83B-024.09	Sóc Trăng	7887	83C-133.83	Sóc Trăng			
6288	83C-132.83	Sóc Trăng	7888	83D-008.16	Sóc Trăng			
6289	83C-138.26	Sóc Trăng	7889	84B-021.38	Trà Vinh			
6290	83D-008.26	Sóc Trăng	7890	84D-006.63	Trà Vinh			
6291	84A-149.16	Trà Vinh	7891	84D-008.35	Trà Vinh			
6292	84A-149.26	Trà Vinh	7892	84D-008.58	Trà Vinh			
6293	84A-151.56	Trà Vinh	7893	85A-147.63	Ninh Thuận			
6294	84B-021.95	Trà Vinh	7894	85A-149.56	Ninh Thuận			
6295	84D-005.18	Trà Vinh	7895	85B-016.58	Ninh Thuận			
6296	85A-146.85	Ninh Thuận	7896	85C-085.18	Ninh Thuận			
6297	85A-148.15	Ninh Thuận	7897	85C-086.56	Ninh Thuận			
6298	85B-014.85	Ninh Thuận	7898	86A-320.98	Bình Thuận			
6299	85C-086.09	Ninh Thuận	7899	86A-323.15	Bình Thuận			
6300	85C-088.36	Ninh Thuận	7900	86A-327.09	Bình Thuận			
6301	86A-323.65	Bình Thuận	7901	86A-327.96	Bình Thuận			
6302	86A-325.28	Bình Thuận	7902	86A-329.63	Bình Thuận			
6303	86A-325.29	Bình Thuận	7903	86A-332.19	Bình Thuận			
6304	86A-332.96	Bình Thuận	7904	86A-333.63	Bình Thuận			
6305	86B-027.06	Bình Thuận	7905	86B-024.85	Bình Thuận			
6306	86C-211.35	Bình Thuận	7906	86C-209.08	Bình Thuận			
6307	86C-211.96	Bình Thuận	7907	86C-209.98	Bình Thuận			
6308	88A-788.25	Vĩnh Phúc	7908	86C-210.36	Bình Thuận			
6309	88A-799.28	Vĩnh Phúc	7909	86C-212.19	Bình Thuận			
6310	88A-800.95	Vĩnh Phúc	7910	86C-212.38	Bình Thuận			
6311	88A-805.09	Vĩnh Phúc	7911	86D-006.58	Bình Thuận			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
6312	88A-806.98	Vĩnh Phúc	7912	88A-788.09	Vĩnh Phúc			
6313	88A-808.29	Vĩnh Phúc	7913	88A-792.63	Vĩnh Phúc			
6314	88A-812.63	Vĩnh Phúc	7914	88A-795.36	Vĩnh Phúc			
6315	88A-813.06	Vĩnh Phúc	7915	88A-797.16	Vĩnh Phúc			
6316	88A-813.85	Vĩnh Phúc	7916	88A-801.63	Vĩnh Phúc			
6317	88A-815.26	Vĩnh Phúc	7917	88A-804.98	Vĩnh Phúc			
6318	88A-816.25	Vĩnh Phúc	7918	88A-811.59	Vĩnh Phúc			
6319	88A-819.28	Vĩnh Phúc	7919	88A-826.35	Vĩnh Phúc			
6320	88A-819.85	Vĩnh Phúc	7920	88A-827.08	Vĩnh Phúc			
6321	88A-820.09	Vĩnh Phúc	7921	88A-827.63	Vĩnh Phúc			
6322	88A-822.08	Vĩnh Phúc	7922	88B-023.98	Vĩnh Phúc			
6323	88A-825.06	Vĩnh Phúc	7923	88C-312.16	Vĩnh Phúc			
6324	88A-827.65	Vĩnh Phúc	7924	88C-314.98	Vĩnh Phúc			
6325	88A-828.96	Vĩnh Phúc	7925	88C-326.29	Vĩnh Phúc			
6326	88C-311.36	Vĩnh Phúc	7926	88D-021.65	Vĩnh Phúc			
6327	88C-312.28	Vĩnh Phúc	7927	89A-532.59	Hưng Yên			
6328	88C-317.08	Vĩnh Phúc	7928	89A-534.59	Hưng Yên			
6329	88C-320.18	Vĩnh Phúc	7929	89A-544.95	Hưng Yên			
6330	88C-323.36	Vĩnh Phúc	7930	89A-559.91	Hưng Yên			
6331	88D-023.09	Vĩnh Phúc	7931	89A-556.18	Hưng Yên			
6332	88D-023.98	Vĩnh Phúc	7932	89A-558.26	Hưng Yên			
6333	89A-535.08	Hưng Yên	7933	89A-561.08	Hưng Yên			
6334	89A-543.26	Hưng Yên	7934	89A-561.29	Hưng Yên			
6335	89A-544.29	Hưng Yên	7935	89A-567.35	Hưng Yên			
6336	89A-545.28	Hưng Yên	7936	89C-357.59	Hưng Yên			
6337	89A-547.06	Hưng Yên	7937	90A-289.15	Hà Nam			
6338	89A-553.56	Hưng Yên	7938	90A-294.56	Hà Nam			
6339	89A-565.26	Hưng Yên	7939	90C-159.63	Hà Nam			
6340	89A-567.08	Hưng Yên	7940	90D-012.63	Hà Nam			
6341	90A-292.09	Hà Nam	7941	92A-433.56	Quảng Nam			
6342	90A-292.58	Hà Nam	7942	92A-442.19	Quảng Nam			
6343	90A-294.85	Hà Nam	7943	92B-042.18	Quảng Nam			
6344	90A-295.18	Hà Nam	7944	92C-260.08	Quảng Nam			
6345	90A-298.96	Hà Nam	7945	92C-260.95	Quảng Nam			
6346	90C-160.29	Hà Nam	7946	92C-264.25	Quảng Nam			
6347	90D-011.83	Hà Nam	7947	93A-509.26	Bình Phước			
6348	92A-433.25	Quảng Nam	7948	93A-509.29	Bình Phước			
6349	92A-433.95	Quảng Nam	7949	93A-516.06	Bình Phước			
6350	92A-434.18	Quảng Nam	7950	93A-519.85	Bình Phước			
6351	92A-438.65	Quảng Nam	7951	93B-024.28	Bình Phước			
6352	92A-447.36	Quảng Nam	7952	93C-199.26	Bình Phước			
6353	92B-042.28	Quảng Nam	7953	94A-113.56	Bạc Liêu			

H.Đ
C.C
Đ.Đ
H.Đ
V.Đ
T.Đ

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
6354	93A-514.98	Bình Phước	7954	94B-017.28	Bạc Liêu			
6355	93A-518.16	Bình Phước	7955	94C-084.98	Bạc Liêu			
6356	93C-204.63	Bình Phước	7956	94D-005.63	Bạc Liêu			
6357	93C-205.95	Bình Phước	7957	95A-136.18	Hậu Giang			
6358	93D-007.83	Bình Phước	7958	95A-137.26	Hậu Giang			
6359	93D-009.35	Bình Phước	7959	95A-138.96	Hậu Giang			
6360	94A-110.35	Bạc Liêu	7960	95A-141.58	Hậu Giang			
6361	94A-111.95	Bạc Liêu	7961	95A-143.09	Hậu Giang			
6362	95A-139.19	Hậu Giang	7962	95B-019.83	Hậu Giang			
6363	95A-143.28	Hậu Giang	7963	97B-017.06	Bắc Kạn			
6364	95B-017.83	Hậu Giang	7964	97D-009.36	Bắc Kạn			
6365	95D-025.38	Hậu Giang	7965	97D-009.58	Bắc Kạn			
6366	95D-026.83	Hậu Giang	7966	98A-859.28	Bắc Giang			
6367	97A-098.83	Bắc Kạn	7967	98A-865.09	Bắc Giang			
6368	97A-100.08	Bắc Kạn	7968	98A-871.25	Bắc Giang			
6369	98A-862.35	Bắc Giang	7969	98A-878.95	Bắc Giang			
6370	98A-863.26	Bắc Giang	7970	98A-880.83	Bắc Giang			
6371	98A-864.59	Bắc Giang	7971	98A-881.25	Bắc Giang			
6372	98A-870.95	Bắc Giang	7972	98A-882.56	Bắc Giang			
6373	98A-874.63	Bắc Giang	7973	98A-884.16	Bắc Giang			
6374	98A-876.28	Bắc Giang	7974	98A-887.16	Bắc Giang			
6375	98A-879.58	Bắc Giang	7975	98A-889.28	Bắc Giang			
6376	98A-885.16	Bắc Giang	7976	98A-896.65	Bắc Giang			
6377	98A-892.65	Bắc Giang	7977	98A-898.15	Bắc Giang			
6378	98A-899.09	Bắc Giang	7978	98A-907.28	Bắc Giang			
6379	98A-901.98	Bắc Giang	7979	98A-908.15	Bắc Giang			
6380	98A-902.28	Bắc Giang	7980	98A-909.28	Bắc Giang			
6381	98A-912.63	Bắc Giang	7981	98A-912.28	Bắc Giang			
6382	98B-044.35	Bắc Giang	7982	98C-375.98	Bắc Giang			
6383	98C-377.15	Bắc Giang	7983	98C-383.36	Bắc Giang			
6384	98C-385.59	Bắc Giang	7984	98C-386.09	Bắc Giang			
6385	98C-392.96	Bắc Giang	7985	98C-387.95	Bắc Giang			
6386	98C-396.95	Bắc Giang	7986	98C-397.59	Bắc Giang			
6387	98D-023.36	Bắc Giang	7987	98D-024.28	Bắc Giang			
6388	99A-855.85	Bắc Ninh	7988	99A-851.18	Bắc Ninh			
6389	99A-853.28	Bắc Ninh	7989	99A-857.26	Bắc Ninh			
6390	99A-862.96	Bắc Ninh	7990	99A-867.38	Bắc Ninh			
6391	99A-868.06	Bắc Ninh	7991	99A-871.26	Bắc Ninh			
6392	99A-875.65	Bắc Ninh	7992	99A-876.28	Bắc Ninh			
6393	99A-877.28	Bắc Ninh	7993	99A-879.85	Bắc Ninh			
6394	99A-881.85	Bắc Ninh	7994	99A-882.96	Bắc Ninh			
6395	99A-891.09	Bắc Ninh	7995	99A-886.96	Bắc Ninh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
6396	99A-893.15	Bắc Ninh	7996	99A-889.06	Bắc Ninh			
6397	99C-332.16	Bắc Ninh	7997	99A-892.06	Bắc Ninh			
6398	99C-345.83	Bắc Ninh	7998	99B-033.59	Bắc Ninh			
6399	99C-346.19	Bắc Ninh	7999	99C-330.15	Bắc Ninh			
6400	99D-024.28	Bắc Ninh	8000	99C-334.63	Bắc Ninh			